BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2018

THE ANNUAL REPORT OF VIETNAM INSURANCE MARKET 2018

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2019

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM
NĂM 2018

Lời mở đầu

Năm 2018, nền kinh tế Việt Nam có thêm một năm khởi sắc với tăng trưởng cao và kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, ảnh hưởng từ sự biến động của thị trường tài chính thế giới... Trong bối cảnh đó, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện giúp thị trường bảo hiểm duy trì và đạt được mức tăng trưởng cao góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội.

Đến 31/12/2018, thị trường bảo hiểm có 64 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, tái bảo hiểm và môi giới bảo hiểm. Tổng tài sản toàn thị trường đạt 395.358 tỷ đồng, tăng 24,9% so với năm 2017, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đạt 324.251 tỷ đồng, tăng 30,2% so với năm 2017, tổng doanh thu toàn thị trường đạt 160.424 tỷ đồng, trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 133.133 tỷ đồng (tăng 23,6% so với năm 2017), doanh thu đầu tư đạt 27.291 tỷ đồng, số tiền chi trả quyền lợi bảo hiểm là 39.262 tỷ đồng.

Năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp góp phần hỗ trợ tổ chức, cá nhân sản xuất trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản khắc phục thiệt hại về tài chính. Đồng thời ngày 21/3/2018, Nghị định số 48/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và ngày 23/02/2018, Nghị định số 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc được Chính phủ ban hành đã tạo hành lang pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp bảo hiểm triển khai các sản phẩm mới. Các chính sách này góp phần đảm bảo các mục tiêu an sinh xã hội của Chính phủ.

Bên cạnh đó, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), trong đó quyết định sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm về nội dung dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; Bộ Tài chính đã triển khai việc sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm về nội dung dịch vụ phụ trợ bảo hiểm nhằm tạo hành lang pháp lý minh bạch cho các doanh nghiệp và đáp ứng cam kết quốc tế.

Trong năm 2019, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý như xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; xây dựng Nghị định hướng dẫn triển khai bảo hiểm vi mô; xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 16/9/2008 về bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe cơ giới; đồng thời Bộ Tài chính sẽ triển khai xây dựng hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa cơ quan

quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm với doanh nghiệp bảo hiểm; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Trong năm 2019, với những nỗ lực trong việc hoàn thiện chính sách để cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ của thị trường, thị trường bảo hiểm Việt Nam sẽ thu hút được nhiều hơn nữa các nhà đầu tư có uy tín, đồng thời hoạt động hiệu quả, cạnh tranh lành mạnh, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế./.

CỤC TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT BẢO HIỂM

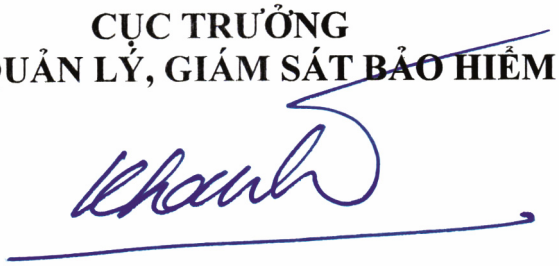

Phùng Ngọc Khánh

CƠ CẤU TỔ CHỨC

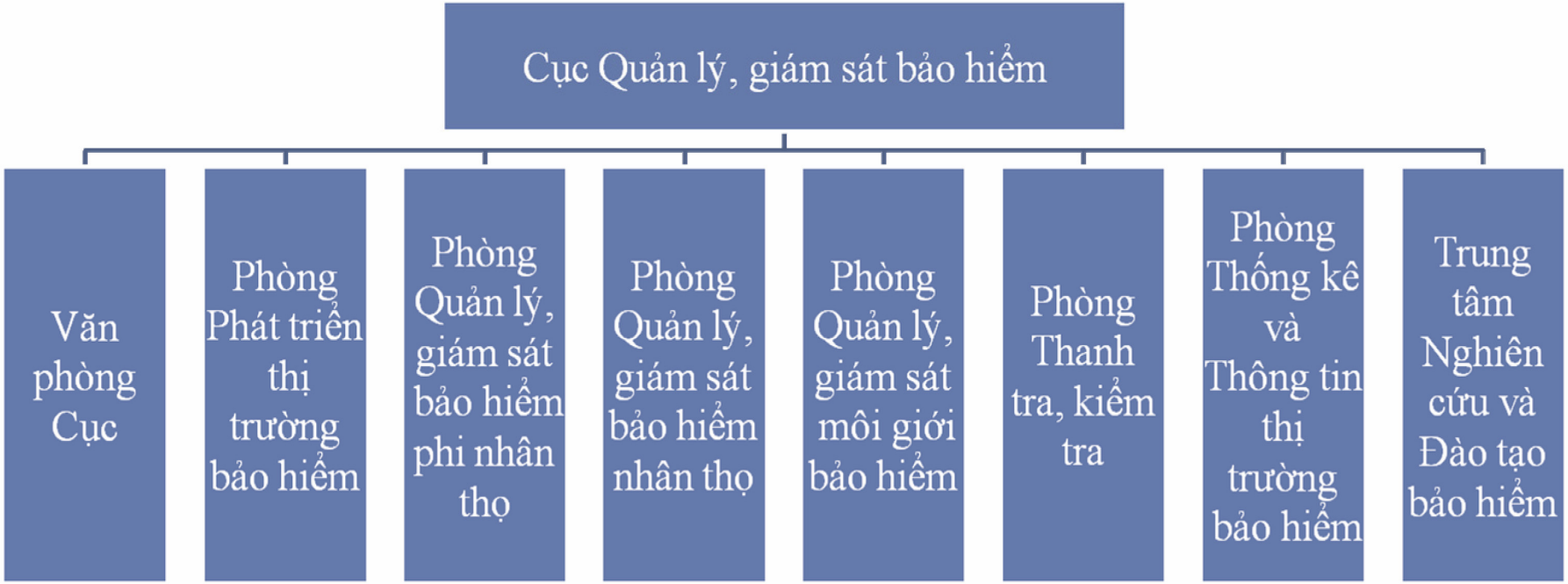

Địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 2220 2828

Fax: (024) 2220 2875

Email: cucqlgsbh@mof.gov.vn

Website: http://isa.mof.gov.vn

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
1. Kết cấu thị trường							
- Tổng số DNBH, MGBH	**57**	**59**	**61**	**61**	**63**	**64**	**65**
- Doanh nghiệp phi nhân thọ	29	29	30	30	30	30	31
- Doanh nghiệp nhân thọ	14	16	17	17	18	18	18
- Doanh nghiệp tái bảo hiểm	2	2	2	2	2	2	2
- Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm	12	12	12	12	13	14	14
2. Năng lực tài chính ngành bảo hiểm							
- Tổng tài sản (tỷ đồng)	114.663	133.856	171.607	202.378	248.247	316.487	395.358
- Tổng dự phòng nghiệp vụ (tỷ đồng)	69.011	79.289	95.222	119.897	146.524	189.029	241.092
3. Đầu tư trở lại nền kinh tế *(tỷ đồng)*	**89.567**	**113.682**	**127.061**	**160.258**	**198.150**	**249.134**	**324.251**
4. Doanh thu (tỷ đồng)	**51.525**	**58.002**	**67.479**	**84.498**	**103.208**	**131.106**	**160.424**
- Doanh thu phí bảo hiểm	41.248	47.851	55.877	70.162	87.364	107.709	133.133
+ Phi nhân thọ	22.851	24.521	27.522	31.891	36.866	41.594	46.957
+ Nhân thọ	18.397	23.330	28.355	38.271	50.497	66.115	86.176
- Doanh thu đầu tư (tỷ đồng)	10.277	10.151	11.603	14.336	15.845	23.396	27.291
- Đóng góp vào GDP (%)	1,94	1,62	1,71	2,02	2,29	2,62	3,11
+ Phi nhân thọ	0,86	0,68	0,70	0,76	0,82	0,83	0,85
+ Nhân thọ	0,69	0,65	0,72	0,91	1,12	1,32	1,56
+ Hoạt động đầu tư	0,39	0,28	0,29	0,34	0,35	0,47	0,49
- Phí bảo hiểm bình quân đầu người (nghìn đồng)	580	646	744	922	942	1.150	1.406
5. Đóng góp vào ổn định kinh tế - xã hội	**25.334**	**29.600**	**38.589**	**48.339**	**52.542**	**75.323**	**91.524**
- Bồi thường và trả tiền bảo hiểm (tỷ đồng)	16.649	18.587	21.788	23.571	25.609	31.889	39.262
- Bổ sung dự phòng nghiệp vụ trong năm (tỷ đồng)	8.685	11.013	16.801	24.767	26.933	43.061	52.064
6. Giải quyết công ăn việc làm *(Lao động, đại lý cá nhân và cá nhân thuộc đại lý tổ chức được cấp chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm)*	**322.676**	**357.645**	**439.173**	**584.719**	**603.089**	**773.541**	**930.332**

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2018

1. CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG

Năm 2018, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 64 doanh nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm (bao gồm 25 công ty TNHH 1 thành viên, 10 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 28 công ty cổ phần và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam) và 01 công ty cổ phần (môi giới bảo hiểm) đã dừng hoạt động, đang hoàn tất thủ tục giải thể.

Bảng 1. Số lượng các công ty bảo hiểm theo loại hình doanh nghiệp năm 2018

Loại hình doanh nghiệp/hình thức pháp lý	TNHH 1 thành viên	TNHH 2 thành viên trở lên	Cổ phần	Chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài	Tổng cộng
Phi nhân thọ	9	4	17	1	**31**
Nhân thọ	13	4	1	0	**18**
Tái bảo hiểm	0	0	2	0	**2**
Môi giới bảo hiểm	3	2	9	0	**14** (*)
Tổng cộng	**25**	**10**	**29**	**1**	**65**

(*) Trong đó, Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Đại Việt đã dừng hoạt động, đang hoàn tất thủ tục giải thể.

Bên cạnh đó, sự góp mặt của 21 văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư và tăng lòng tin của các nhà đầu tư nước ngoài khi đến đầu tư tại Việt Nam.

2. QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Năm 2018, thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với tăng trưởng GDP, doanh thu toàn ngành đạt 160.424 tỷ đồng, tăng 22,36% so với năm 2017, trong đó doanh thu phí bảo hiểm đạt 133.133 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đầu tư đạt 27.291 tỷ đồng.

Bảng 2. Doanh thu phí bảo hiểm và thị phần theo lĩnh vực giai đoạn 2017 - 2018

Các chỉ tiêu	*Đơn vị*	*Phi nhân thọ*		*Nhân thọ*		*Toàn thị trường*	
		2017	2018	2017	2018	2017	2018
Doanh thu phí bảo hiểm	Tỷ đồng	41.594	46.957	66.115	86.176	107.709	133.133
Tốc độ tăng trưởng	%	12,83	12,89	30,93	30,34	23,29	23,60
Tỷ trọng phí/tổng phí	%	38,62	35,27	61,38	64,73	100	100
Tỷ trọng phí/GDP	%	0,83	0,85	1,32	1,56	2,15	2,41

3. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năm 2018, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 46.957 tỷ đồng, tăng 12,89% so với năm 2017. Phần lớn thị phần doanh thu phí bảo hiểm tập trung vào 5 doanh nghiệp hàng đầu gồm: Bảo Việt (20,98%), PVI (14,64%), PTI (8,86%), Bảo Minh (7,56%), Pjico (5,98%). 26 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh phi nhân thọ nước ngoài tại Việt Nam còn lại chiếm 41,98% thị phần doanh thu phí.

Biểu 1. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm năm 2018

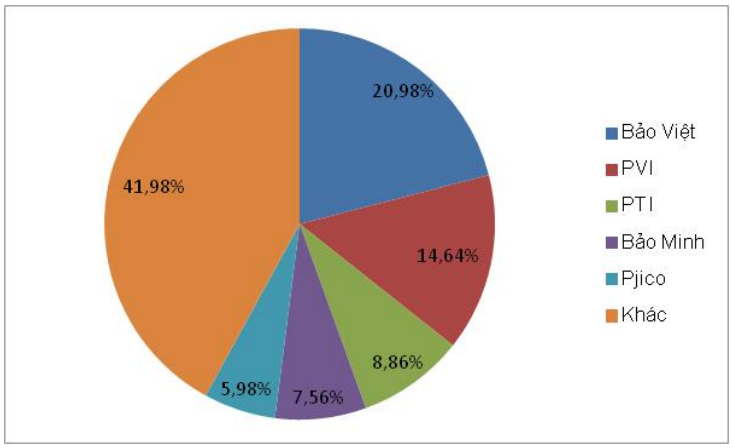

3.1. Cơ cấu doanh thu và tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ

- Về tốc độ tăng trưởng của các nghiệp vụ bảo hiểm:

Năm 2018, doanh thu phí bảo hiểm gốc của phần lớn các nghiệp vụ đều tăng so với năm 2017, trong đó có một số nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao là: Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính tăng 155,44%; Bảo hiểm bảo lãnh tăng 79,03%; Bảo hiểm cháy, nổ tăng 20,32%; Bảo hiểm sức khỏe tăng 18,29%; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại tăng 12%; Bảo hiểm trách nhiệm tăng 11,04%; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển tăng 11,02%; Bảo hiểm xe cơ giới tăng 8,93%; Bảo hiểm hàng không tăng 0,02%. Tuy nhiên, nghiệp vụ Bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu giảm 7,66%; Bảo hiểm nông nghiệp giảm 2,64%; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh giảm 2,16%.

Biểu 2. Doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ giai đoạn 2017 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

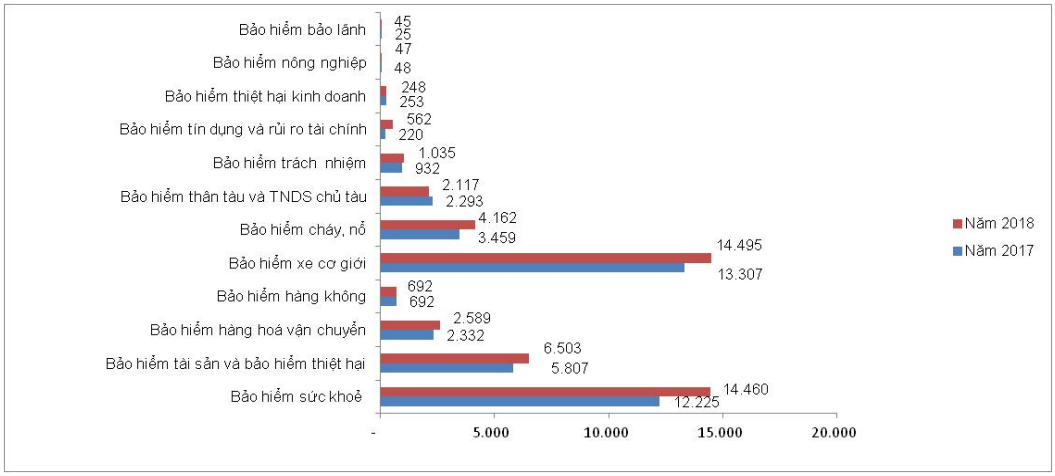

Biểu 3. Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc theo nghiệp vụ năm 2018

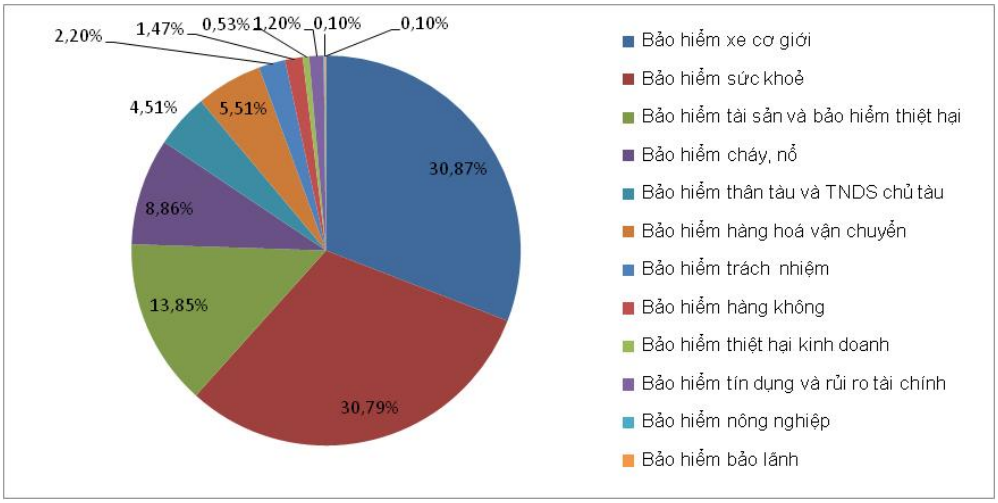

- Về cơ cấu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ:

Năm 2018, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới chiếm tỷ trọng lớn nhất (30,87%), tiếp đến là bảo hiểm sức khoẻ (30,79%); bảo hiểm tài sản và thiệt hại (13,85%), bảo hiểm cháy nổ (8,86%), bảo hiểm hàng hoá vận chuyển (5,51%), bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (4,51%); bảo hiểm trách nhiệm (2,20%), bảo hiểm hàng không (1,47%), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (1,20%). Một số nghiệp vụ bảo hiểm vẫn chiếm tỷ trọng thấp như bảo hiểm thiệt hại kinh doanh (0,53%), bảo hiểm nông nghiệp (0,10%), bảo hiểm bảo lãnh (0,10%).

3.2. Bồi thường bảo hiểm

Số tiền thực bồi thường bảo hiểm gốc năm 2018 là 19.808 tỷ đồng, trong đó số tiền bồi thường bảo hiểm thuộc trách nhiệm giữ lại là 12.952 tỷ đồng, góp phần đề phòng, khắc phục và hạn chế tổn thất cho các đối tượng tham gia bảo hiểm, giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Bảng 3. Số tiền bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Bồi thường bảo hiểm gốc	10.954	13.851	13.246	15.942	19.808
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	7.877	9.057	10.463	12.147	12.952

Bảng 4. Số tiền bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ theo nghiệp vụ giai đoạn 2017 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Nghiệp vụ	Bồi thường bảo hiểm gốc		Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	
	2017	2018	2017	2018
BH sức khoẻ	3.598	4.222	3.624	4.094
BH tài sản và thiệt hại	1.531	2.684	531	744
BH hàng hoá vận chuyển	722	605	447	416

Nghiệp vụ	Bồi thường bảo hiểm gốc		Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	
	2017	2018	2017	2018
BH hàng không	112	520	61	44
BH xe cơ giới	7.306	8.354	6.289	6.337
BH cháy, nổ	1.229	1.543	436	426
BH thân tàu và TNDS chủ tàu	1.198	1.563	623	694
BH trách nhiệm	134	145	78	97
BH tín dụng và rủi ro tài chính	77	41	10	10
BH thiệt hại kinh doanh	34	36	5	10
BH nông nghiệp	3	86	45	73
Bảo hiểm bảo lãnh	0,4	8	0,1	6
TỔNG	**15.942**	**19.808**	**12.147**	**12.952**

3.3. Dự phòng nghiệp vụ

Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2018 tăng 7,82% so với năm 2017, từ 19.907 tỷ đồng lên 21.464 tỷ đồng.

Bảng 5. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Dự phòng nghiệp vụ	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Dự phòng phí	8.963	10.758	12.637	13.320	14.114
Dự phòng bồi thường	3.220	3.583	4.329	5.072	5.628
Dự phòng dao động lớn	1.127	1.344	1.508	1.515	1.722
Tổng cộng	**13.309**	**15.685**	**18.473**	**19.907**	**21.464**

Biểu 4. Quy mô và tốc độ tăng trưởng dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

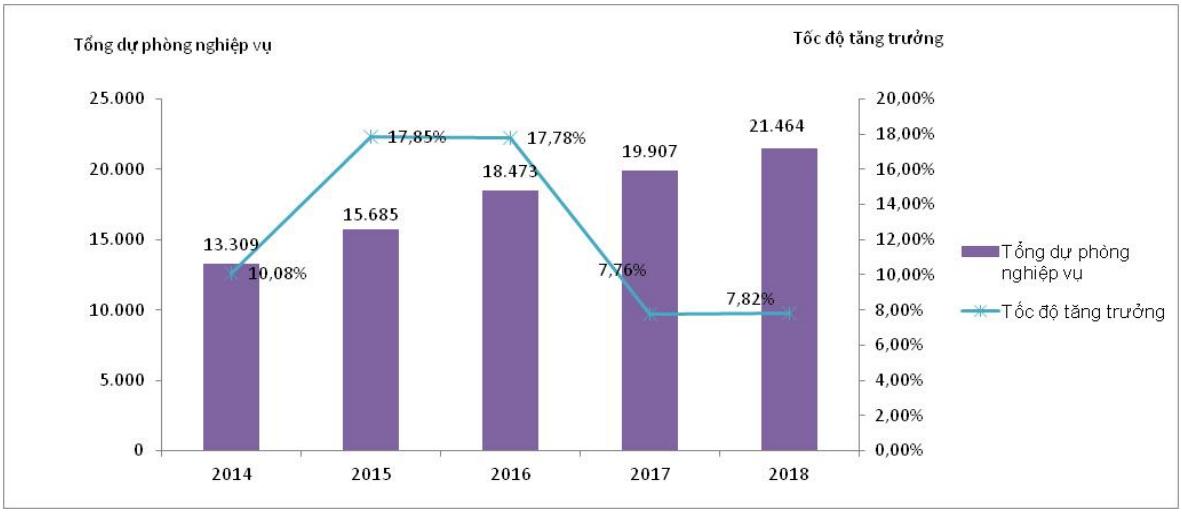

4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM NHÂN THỌ

4.1. Tình hình khai thác hợp đồng bảo hiểm mới

Trong năm 2018, số lượng hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 2.367.424 hợp đồng, tăng 14,01% so với năm 2017. Trong đó, số lượng hợp đồng bảo hiểm cá nhân đạt 2.247.830 hợp đồng, số lượng hợp đồng bảo hiểm nhóm đạt 331 hợp đồng (tương ứng với số lượng thành viên trong nhóm được bảo hiểm là 119.594 người).

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 29.608 tỷ đồng, tăng 31,26% so với năm 2017.

Tổng số tiền bảo hiểm tương ứng đạt 832.151 tỷ đồng, tăng 37,97% so với năm 2017. Bình quân số tiền bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm cá nhân chính khai thác mới trong năm 2018 đạt 351,5 triệu đồng. Số tiền bảo hiểm nhóm bình quân đạt 42,9 tỷ đồng, tương ứng với 118,8 triệu đồng/thành viên.

Bảng 6. Tình hình khai thác mới của hợp đồng bảo hiểm chính năm 2017 - 2018

Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (Tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (Tỷ đồng)	
	2017	2018	2017	2018	2017	2018
Bảo hiểm trọn đời	4.363	7.951	440	1.146	28	51
Bảo hiểm sinh kỳ	-	-	-	-	-	-
Bảo hiểm tử kỳ	456.245	585.229	51.058	49.892	563	849
Bảo hiểm hỗn hợp	672.576	539.285	83.371	66.929	7.842	6.741
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	6.648	1.531	175	81	368	352
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	831.199	1.187.894	443.931	704.262	11.291	18.520
Bảo hiểm hưu trí	8.294	6.210	836	620	120	142
Bảo hiểm sức khỏe	97.048	39.324	23.306	9.220	176	31
Bảo hiểm bổ trợ	3.773.930	4.290.254	331.536	458.663	2.167	2.922
Tổng cộng (**)	**2.076.373**	**2.367.424**	**603.118**	**832.151**	**22.555**	**29.608**

(*) Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung
(**) Số lượng hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bổ trợ.

Về thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới (bao gồm cả bảo hiểm bổ trợ), Bảo Việt nhân thọ chiếm 17,80%; Dai-ichi chiếm 17,44%; Prudential chiếm tỷ trọng 16,86%; Manulife chiếm 14,97%; AIA chiếm 9,82%; Chubb chiếm 3,56%; Generali chiếm 3,39%; 11 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ còn lại chiếm thị phần 16,16%.

Biểu 5. Thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ năm 2018

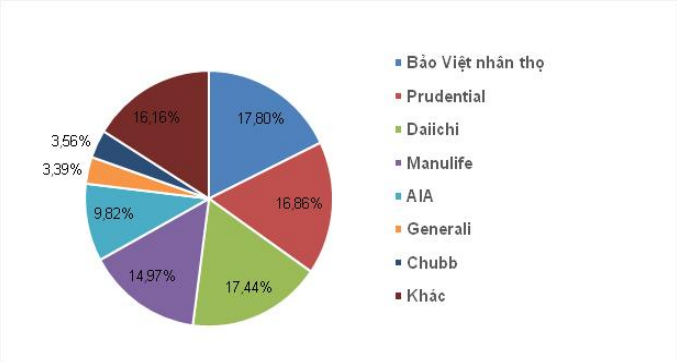

Biểu 6. Phí bảo hiểm và số tiền bảo hiểm khai thác mới theo nghiệp vụ năm 2018

6A. Phí bảo hiểm khai thác mới của các hợp đồng bảo hiểm theo nghiệp vụ năm 2018

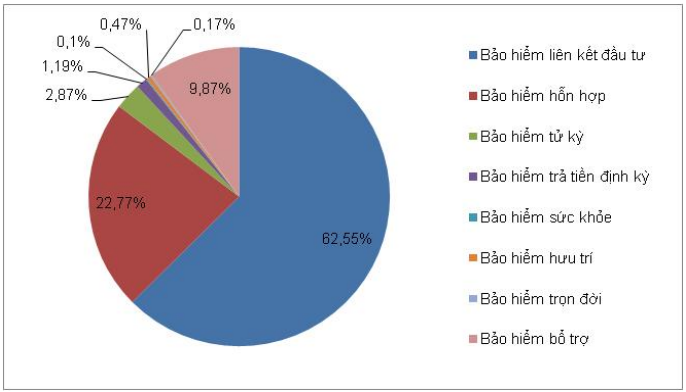

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới là: 29.608 tỷ đồng, tăng 31,26% so với năm 2017. Trong đó, phí bảo hiểm khai thác mới của nghiệp vụ bảo hiểm chính và bảo hiểm bổ trợ chiếm tỷ trọng lần lượt là: 90,13% và 9,87% tổng phí khai thác mới toàn thị trường. Về nghiệp vụ bảo hiểm chính, bảo hiểm liên kết đầu tư chiếm tỷ trọng lớn nhất: 62,55% tổng phí khai thác mới toàn thị trường, tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 22,77%, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 2,87%, phí khai thác mới của các nghiệp vụ bảo hiểm chính còn lại chỉ chiếm 1,94% tổng phí khai thác mới toàn thị trường.

6B. Số tiền bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới theo nghiệp vụ năm 2018 (*)

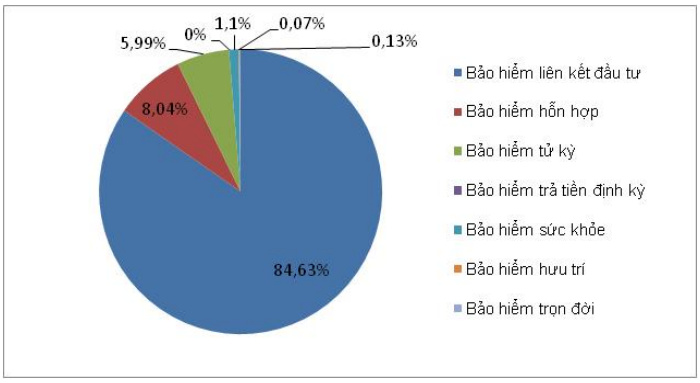

(*) Số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bổ trợ

Số tiền bảo hiểm của các hợp đồng khai thác mới của nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư dẫn đầu chiếm 84,63% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 8,04% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 5,99%; số tiền bảo hiểm của các nghiệp vụ còn lại chỉ chiếm 1,34% số tiền bảo hiểm toàn thị trường.

4.2. Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có hiệu lực

Trong năm 2018, số lượng hợp đồng có hiệu lực của các sản phẩm bảo hiểm chính đạt 8.900.880 hợp đồng, tăng 16,26% so với năm 2017. Trong đó, số lượng hợp đồng bảo hiểm cá nhân đạt 8.677.490 hợp đồng, số lượng hợp đồng bảo hiểm nhóm đạt 421 hợp đồng (tương ứng với số lượng thành viên trong nhóm được bảo hiểm là 223.390 người).

Bảng 7. Tình hình các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực giai đoạn 2017 - 2018

Nghiệp vụ	Hợp đồng bảo hiểm (Hợp đồng)		Số tiền bảo hiểm (Tỷ đồng)		Phí bảo hiểm (Tỷ đồng)	
	2017	2018	2017	2018	2017	2018
Bảo hiểm trọn đời	55.645	59.169	4.975	5.742	165	198
Bảo hiểm sinh kỳ	852	673	43	36	5	4
Bảo hiểm tử kỳ	728.386	952.172	64.897	78.500	775	1.110
Bảo hiểm hỗn hợp	3.966.952	4.042.926	338.237	360.916	29.660	32.733
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	19.938	16.846	415	383	523	492
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	2.833.675	3.739.006	1.183.797	1.731.533	28.840	43.221
Bảo hiểm hưu trí	31.754	36.751	3.199	3.716	368	478
Bảo hiểm sức khỏe	18.245	53.337	2.940	11.309	203	38
Bảo hiểm bổ trợ	12.004.409	16.422.717	840.318	1.177.284	5.577	7.902
Tổng cộng (**)	**7.655.447**	**8.900.880**	**1.598.504**	**2.192.135**	**66.115**	**86.176**

(*) Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung
(**) Số lượng hợp đồng bảo hiểm, số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bổ trợ

Biểu 7. Tình hình các hợp đồng bảo hiểm trong năm 2018 theo nghiệp vụ

7A. Doanh thu phí bảo hiểm theo nghiệp vụ năm 2018

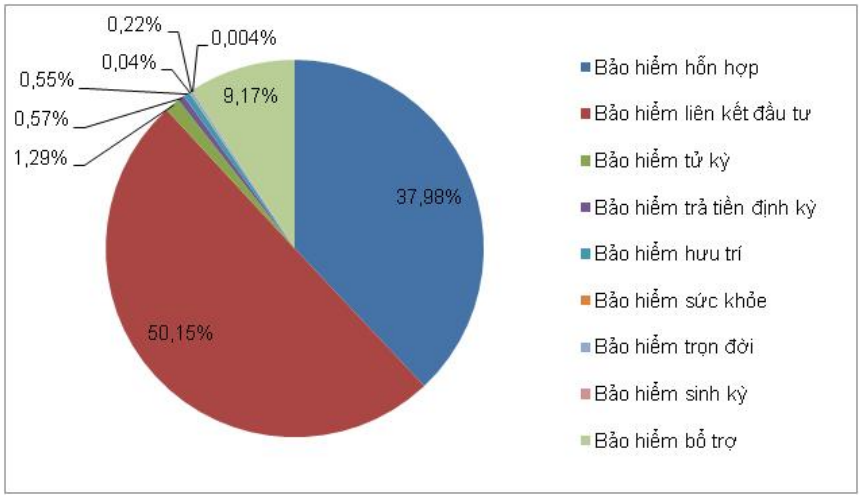

Tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực là 86.176 tỷ đồng, tăng 30,34% so với năm 2017. Trong đó, tổng doanh thu phí của nghiệp vụ bảo hiểm chính và bảo hiểm bổ trợ chiếm tỷ trọng lần lượt là: 90,83% và 9,17% tổng doanh thu phí bảo hiểm. Về nghiệp vụ bảo hiểm chính, nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm lớn nhất: 50,15% tổng doanh thu phí bảo hiểm; tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 37,98%, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 1,29%, tổng doanh thu phí của các nghiệp vụ bảo hiểm chính còn lại chỉ chiếm 1,41% tổng doanh thu phí toàn thị trường.

7B. Số tiền bảo hiểm theo nghiệp vụ năm 2018 (*)

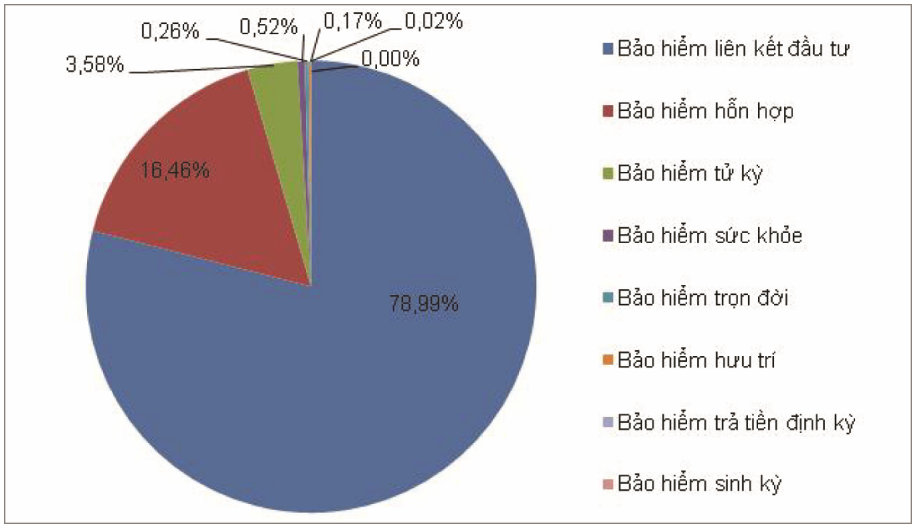

(*) Số tiền bảo hiểm không bao gồm bảo hiểm bổ trợ

Số tiền bảo hiểm của nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư dẫn đầu chiếm 78,99% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, tiếp theo là nghiệp vụ bảo hiểm hỗn hợp chiếm 16,46% số tiền bảo hiểm toàn thị trường, đứng thứ ba là nghiệp vụ bảo hiểm tử kỳ chiếm 3,58%; số tiền bảo hiểm của các nghiệp vụ còn lại chỉ chiếm 0,97% số tiền bảo hiểm toàn thị trường.

Biểu 8. Thị phần tổng doanh thu phí năm 2018

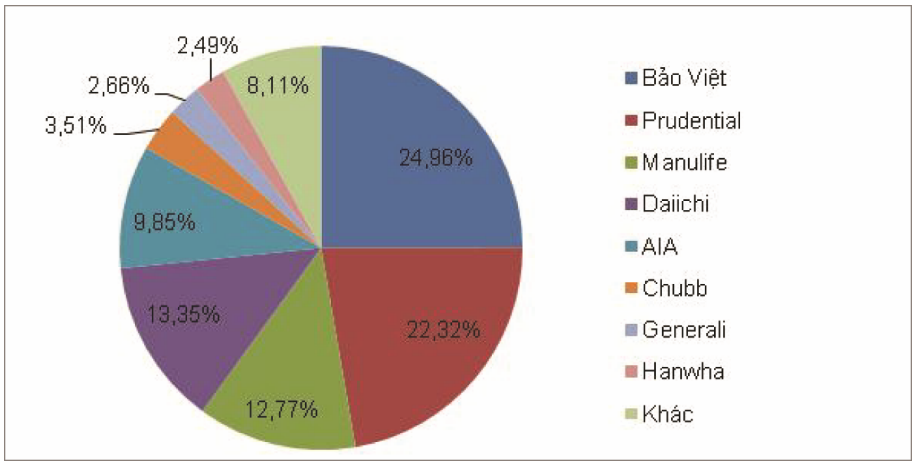

Năm 2018, thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực theo thứ tự sau: Bảo Việt nhân thọ (24,96%); Prudential (22,32%); ; Dai-ichi (13,35%), Manulife (12,77%), AIA (9,85%), Chubb (3,51%), Generali (2,66%), Hanwha (2,49%). Các doanh nghiệp còn lại chiếm 8,11% thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

4.3. Tình hình trả tiền bảo hiểm

Tổng số tiền bảo hiểm các doanh nghiệp đã chi trả trong năm 2018 cho các sản phẩm bảo hiểm là 19.455 tỷ đồng; trong đó trả giá trị tiền bảo hiểm gốc là 7.915 tỷ đồng, trả giá trị hoàn lại là 4.702 tỷ đồng, trả tiền đáo hạn là 6.838 tỷ đồng. Số tiền chi trả bảo hiểm tập trung chủ yếu vào các sản phẩm hỗn hợp và bảo hiểm liên kết đầu tư.

Bảng 8. Tình hình trả tiền bảo hiểm giai đoạn 2017 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Nghiệp vụ	Trả tiền bảo hiểm gốc		Trả giá trị hoàn lại		Trả đáo hạn		Tổng	
	2017	2018	2017	2018	2017	2018	2017	2018
Bảo hiểm trọn đời	34	21	52	50	-	0	86	71
Bảo hiểm sinh kỳ	0	0	0	1	5	6	6	7
Bảo hiểm tử kỳ	61	97	17	14	175	184	253	296
Bảo hiểm hỗn hợp	2.680	3.695	1.865	2.214	6.352	6.614	10.896	12.522
Bảo hiểm trả tiền định kỳ	5	1	239	454	-	-	244	455
Bảo hiểm liên kết đầu tư (*)	2.425	3.270	1.364	1.961	11	19	3.800	5.250
Bảo hiểm hưu trí	11	22	3	8	8	14	23	45
Bảo hiểm sức khỏe	89	2	0	-	-	-	89	2
Bảo hiểm bổ trợ	550	807	0	0	-	-	550	807
Tổng số	**5.855**	**7.915**	**3.541**	**4.702**	**6.552**	**6.838**	**15.947**	**19.455**

(*) Nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư bao gồm bảo hiểm liên kết đơn vị và bảo hiểm liên kết chung

4.4. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm và phát triển hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cũng được tăng lên nhằm đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm. Năm 2018, tổng dự phòng nghiệp vụ của các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 219.628 tỷ đồng, tăng 29,86% so với năm 2017.

Bảng 9. Dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2017 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

	Dự phòng nghiệp vụ trích trong năm		Tăng trưởng	Tổng dự phòng nghiệp vụ		Tăng trưởng
	2017	2018		2017	2018	
Dự phòng toán học	40.181	47.269	19,1%	151.785	199.054	31%
Dự phòng phí chưa được hưởng	292	307	5,2%	1.042	1.350	29%
Dự phòng chia lãi	731	1.303	83,2%	14.205	15.508	9%
Dự phòng bồi thường	204	413	85,0%	1.071	1.484	39%
Dự phòng đảm bảo cân đối	21	34	58,2%	264	298	13%
Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết	211	1.179	398,9%	754	1.934	156%
Tổng	**41.640**	**50.505**	**22,0%**	**169.123**	**219.628**	**30%**

5. HOẠT ĐỘNG TÁI BẢO HIỂM

Năm 2018, tổng phí bảo hiểm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm đạt 116.362 tỷ đồng (tăng 22,04% so với năm 2017). Trong đó, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 31.742 tỷ đồng (chiếm 67,6% phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ), lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đạt 84.620 tỷ đồng (chiếm 98,19% phí bảo hiểm gốc nhân thọ). Hoạt động tái bảo hiểm được thực hiện chủ yếu đối với hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ với tỷ trọng là 90,73% tổng số phí tái.

Bảng 10. Hoạt động tái bảo hiểm giai đoạn 2014 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng phí bảo hiểm gốc	**55.877**	**70.162**	**87.364**	**107.709**	**133.133**
Phi nhân thọ	27.522	31.891	36.866	41.594	46.957
Nhân thọ	28.355	38.271	50.497	66.114	86.176
Tái bảo hiểm	**8.422**	**9.066**	**10.282**	**12.474**	**16.770**
Phi nhân thọ	8.169	8.700	9.758	11.516	15.215
Nhân thọ	253	366	524	958	1.555
Tổng phí bảo hiểm giữ lại	**47.455**	**61.096**	**77.081**	**95.347**	**116.362**
Phi nhân thọ	19.353	23.191	27.108	30.079	31.742
Nhân thọ	28.102	37.905	49.973	65.268	84.620

Biểu 9. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ giai đoạn 2017 - 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

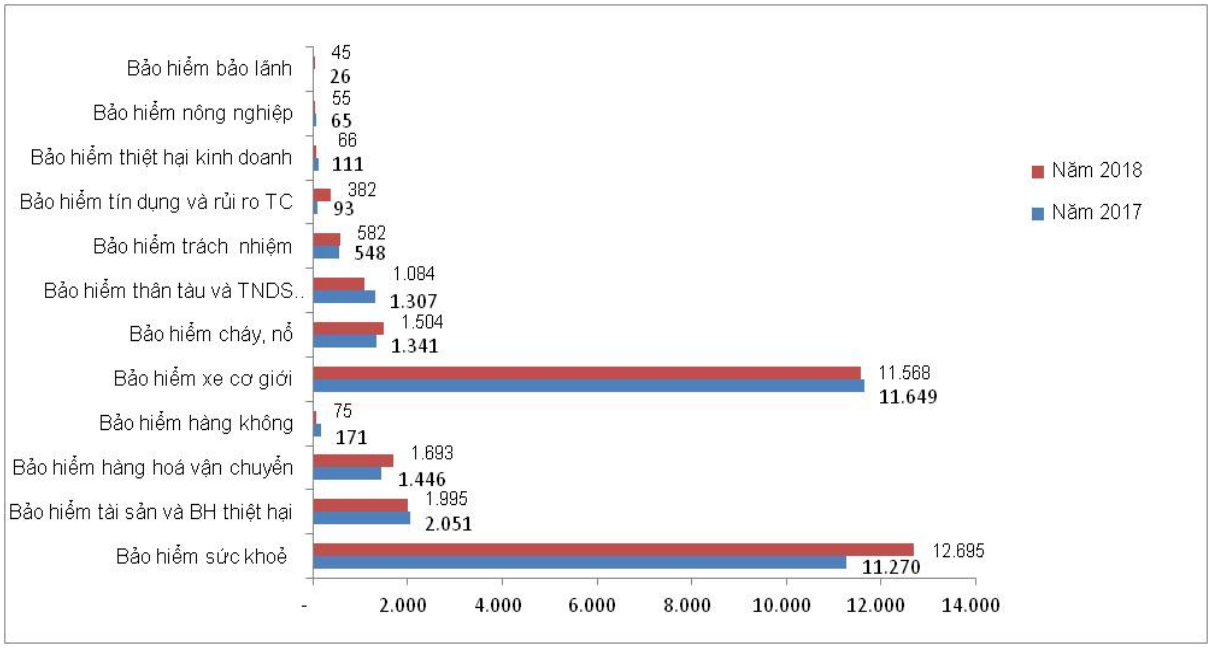

Biểu 10. Tỉ lệ phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2018

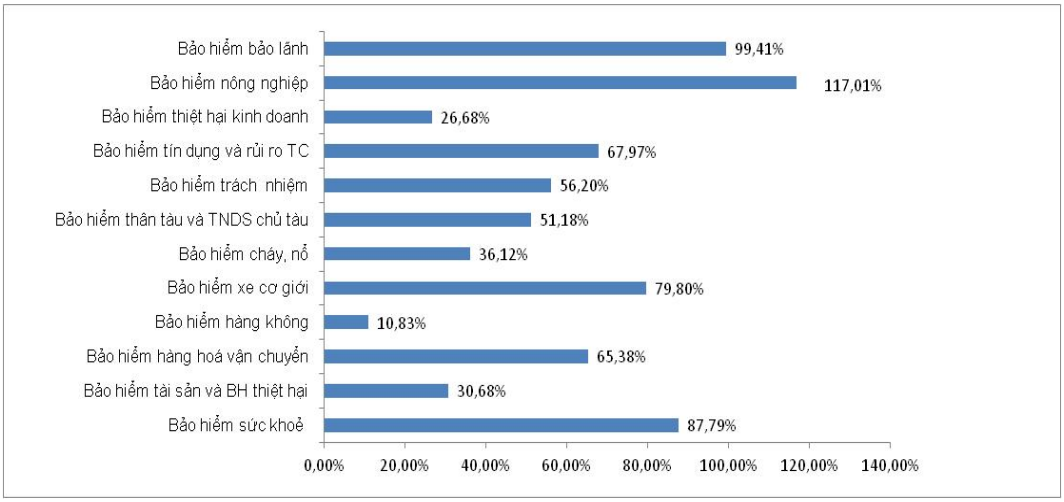

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm có rủi ro lớn, các doanh nghiệp thực hiện nhượng tái bảo hiểm với tỷ trọng lớn để phân tán rủi ro như bảo hiểm hàng không, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh, bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính, bảo hiểm tài sản và thiệt hại, bảo hiểm cháy, nổ.

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm sức khoẻ các doanh nghiệp bảo hiểm hầu như không nhượng tái bảo hiểm. Tỉ lệ phí bảo hiểm giữ lại của các nghiệp vụ này rất lớn: nghiệp vụ bảo hiểm nông nghiệp (117,01%); nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh (99,41%), nghiệp vụ bảo hiểm sức khoẻ (87,79%).

Biểu 11. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại theo nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ năm 2018

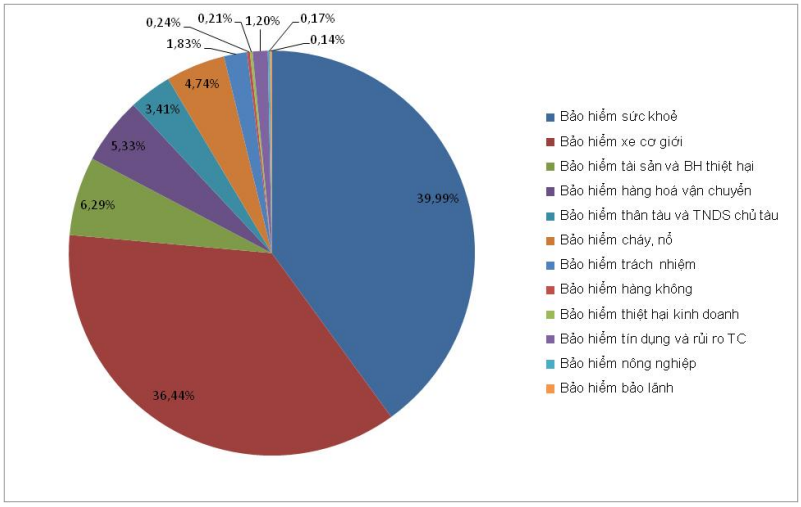

Trong cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm giữ lại, nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe chiếm tỷ trọng lớn nhất 39,99%; tiếp đến là bảo hiểm xe cơ giới 36,44%, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại 6,29%, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển 5,33%, bảo hiểm cháy, nổ 4,74%... Các nghiệp vụ chiếm tỷ trọng phí bảo hiểm giữ lại thấp là bảo hiểm bảo lãnh 0,14%; bảo hiểm nông nghiệp 0,17%; bảo hiểm thiệt hại kinh doanh 0,21%; bảo hiểm hàng không 0,24%; bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính 1,20%.

6. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạo lập nguồn vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2018, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm tích luỹ đầu tư trở lại nền kinh tế là 324.251 tỷ đồng, tăng 30,2% so với năm 2017. Hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp đảm bảo an toàn, hiệu quả và thanh khoản. Danh mục đầu tư đa dạng gồm góp vốn thành lập doanh nghiệp khác, cho vay, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng. Năm 2018, tỷ trọng danh mục đầu tư như sau: tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chiếm 39,86%; trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương chiếm 46,07%, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh chiếm 6,99%.

Bảng 11. Cơ cấu danh mục đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	Nhân thọ	Phi nhân thọ	Tổng cộng	Cơ cấu
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	98.651	30.601	129.253	39,86%
Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương	145.732	3.647	149.379	46,07%
Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	9.742	581	10.323	3,18%
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	18.771	3.899	22.671	6,99%
Góp vốn vào các doanh nghiệp khác, thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp, chi nhánh ở nước ngoài	412	2.824	3.236	1,00%
Kinh doanh bất động sản	45	614	659	0,20%
Cho vay	7.373	0	7.373	2,27%
Uỷ thác đầu tư	0	542	542	0,17%
Khác	673	143	816	0,25%
Tổng cộng	**281.400**	**42.851**	**324.251**	**100%**

Biểu 12. Tình hình đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2018

Đơn vị: Tỷ đồng

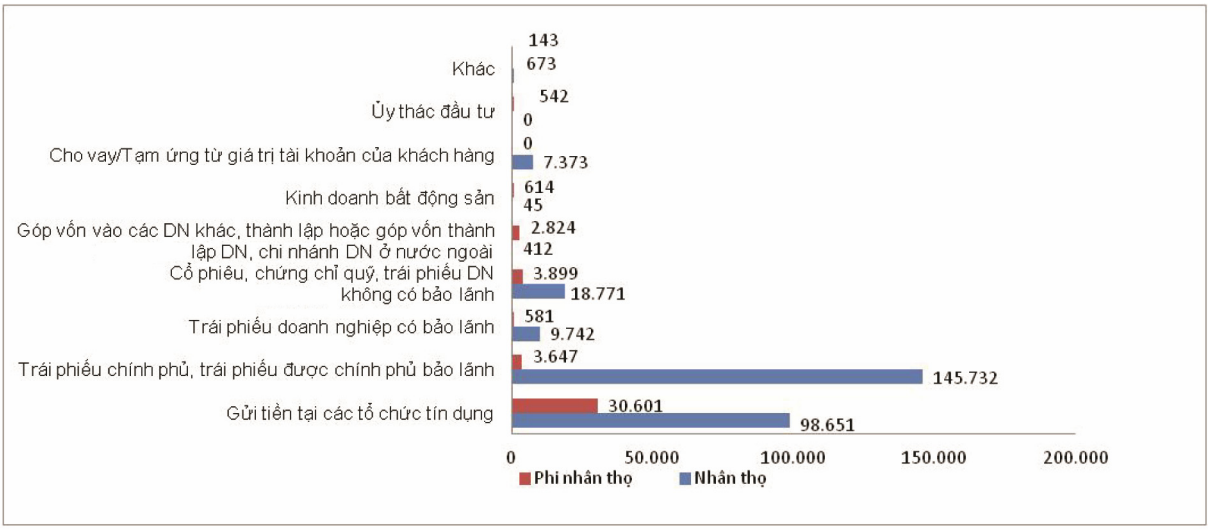

Biểu 13. Cơ cấu đầu tư của các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2018

13A. Cơ cấu danh mục đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ

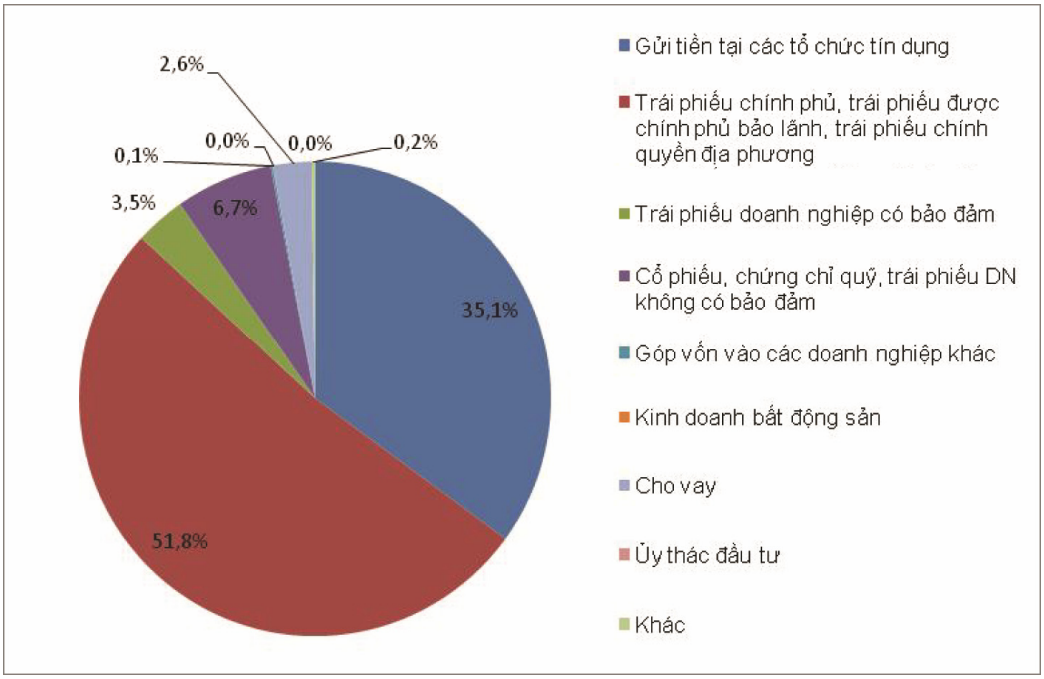

13B. Cơ cấu danh mục đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

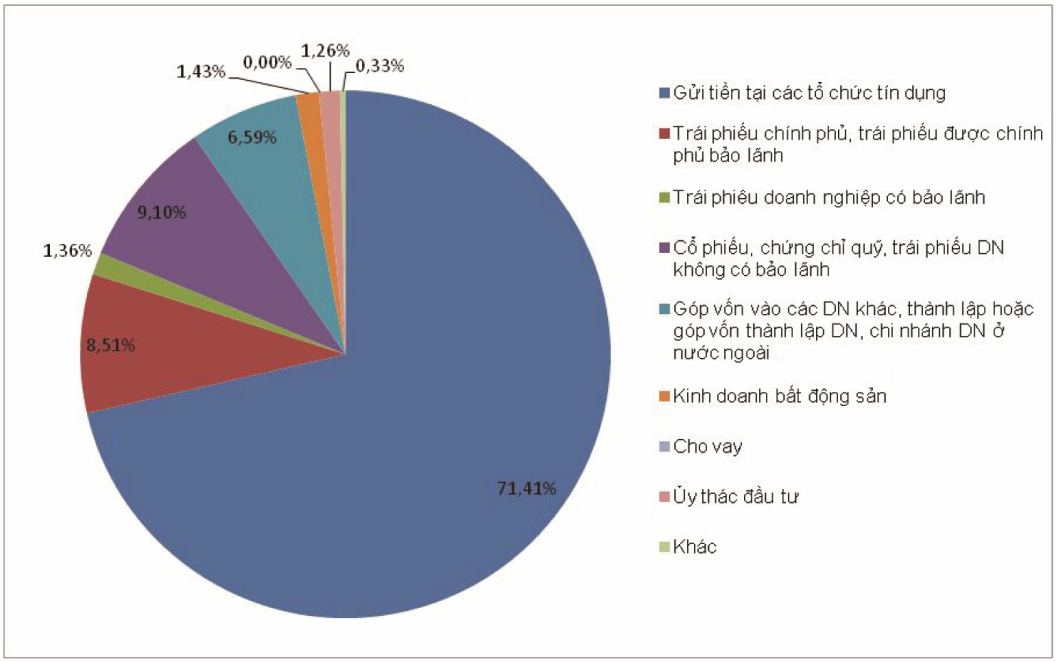

7. TRUNG GIAN BẢO HIỂM

7.1. Hoạt động môi giới bảo hiểm

Năm 2018, tổng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm (bao gồm cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm) đạt 9.894 tỷ đồng (tăng 2,6% so với năm 2017). Trong đó môi giới bảo hiểm gốc đạt 5.036 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 50,9% (tăng 11,94% so với

năm 2017), môi giới tái bảo hiểm đạt 4.858 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 49,1% (giảm 5,49% so với năm 2017). Tổng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới (cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm) chiếm 21,06% trong tổng phí bảo hiểm gốc lĩnh vực phi nhân thọ. Tính riêng tỷ lệ phí bảo hiểm gốc thu xếp qua môi giới so với tổng phí bảo hiểm gốc lĩnh vực phi nhân thọ đạt 10,71%.

Hoạt động môi giới bảo hiểm được thực hiện trên tất cả các nghiệp vụ, trong đó tập trung chủ yếu trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ (tỷ trọng 82,6%), kế đó là bảo hiểm sức khỏe (tỷ trọng 17,3%), bảo hiểm nhân thọ phát sinh không đáng kể (tỷ trọng 0,04%). Phí bảo hiểm thu xếp chủ yếu thuộc nghiệp vụ bảo hiểm tài sản và thiệt hại (chiếm tỷ trọng 62,5%) và nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe thuộc nhóm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (chiếm tỷ trọng 16,6%). Năm 2018, phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới của một số nghiệp vụ có tốc độ tăng trưởng cao so với năm 2017 là: bảo hiểm tai nạn cá nhân thuộc nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (tăng 95,2%), nghiệp vụ bảo hiểm cháy nổ (51,2%), nghiệp vụ bảo hiểm thiệt hại kinh doanh (tăng 30,8%), nghiệp vụ bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (tăng 23,6%).

Tuy nhiên, xét về giá trị tăng trưởng tuyệt đối thì các nghiệp vụ có mức tăng cao về phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới là bảo hiểm tài sản và thiệt hại (tăng 259,2 tỷ đồng), bảo hiểm cháy nổ (tăng 91,4 tỷ đồng), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính (tăng 42,3 tỷ đồng). Một số nghiệp vụ có giá trị phí thu xếp giảm đáng kể so với năm 2017 là bảo hiểm hàng không (giảm 179,2 tỷ đồng), bảo hiểm thân tàu và TNDS chủ tàu (giảm 94,2 tỷ đồng), bảo hiểm trách nhiệm (giảm 28,4 tỷ đồng).

Biểu 14. Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2017-2018

Đơn vị: Tỷ đồng

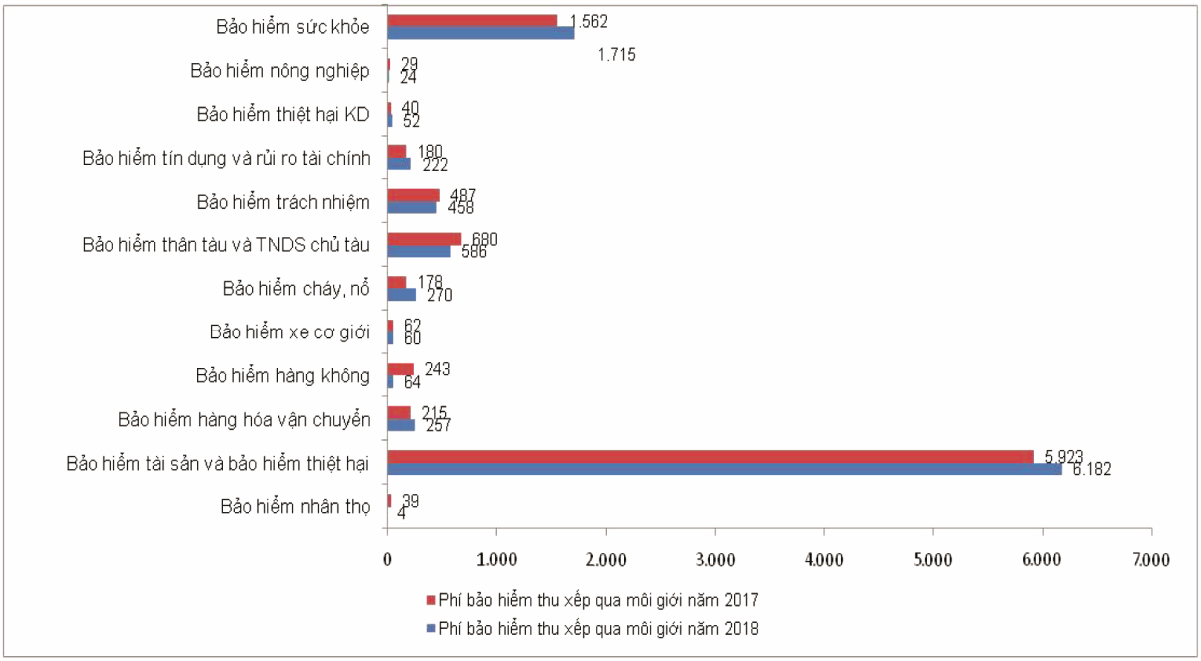

Phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới tập trung chủ yếu ở 4 doanh nghiệp là Marsh, Aon, Gras Savoye Willis và Jardine Lloyd Thompson (tổng thị phần là 95,07%). 9 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm còn lại chiếm thị phần 4,93%.

Biểu 15. Tỷ trọng phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới năm 2018

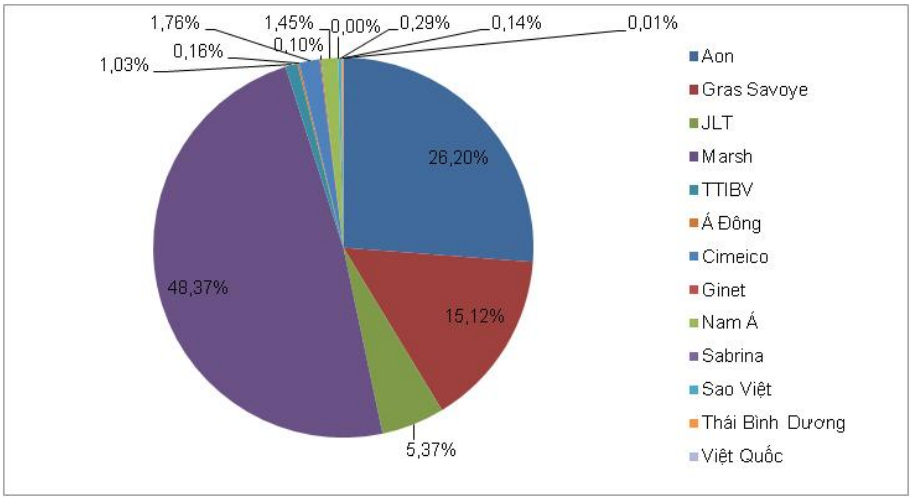

Năm 2018, doanh thu hoa hồng môi giới bảo hiểm đạt 681,7 tỷ đồng (tăng 19% so với năm 2017). Trong đó hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc đạt 569,6 tỷ đồng (tăng 16,38% so với năm 2017), hoa hồng môi giới tái bảo hiểm đạt 112,1 tỷ đồng (tăng 34,5% so với năm 2017), Tỷ lệ hoa hồng môi giới bảo hiểm trên phí bảo hiểm thu xếp bình quân là 6,9%, trong đó tỷ lệ hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc bình quân là 11,3%, tỷ lệ hoa hồng môi giới tái bảo hiểm bình quân là 2,3%.

Biểu 16. Hoa hồng môi giới bảo hiểm theo nghiệp vụ giai đoạn 2017-2018

Đơn vị: Tỷ đồng

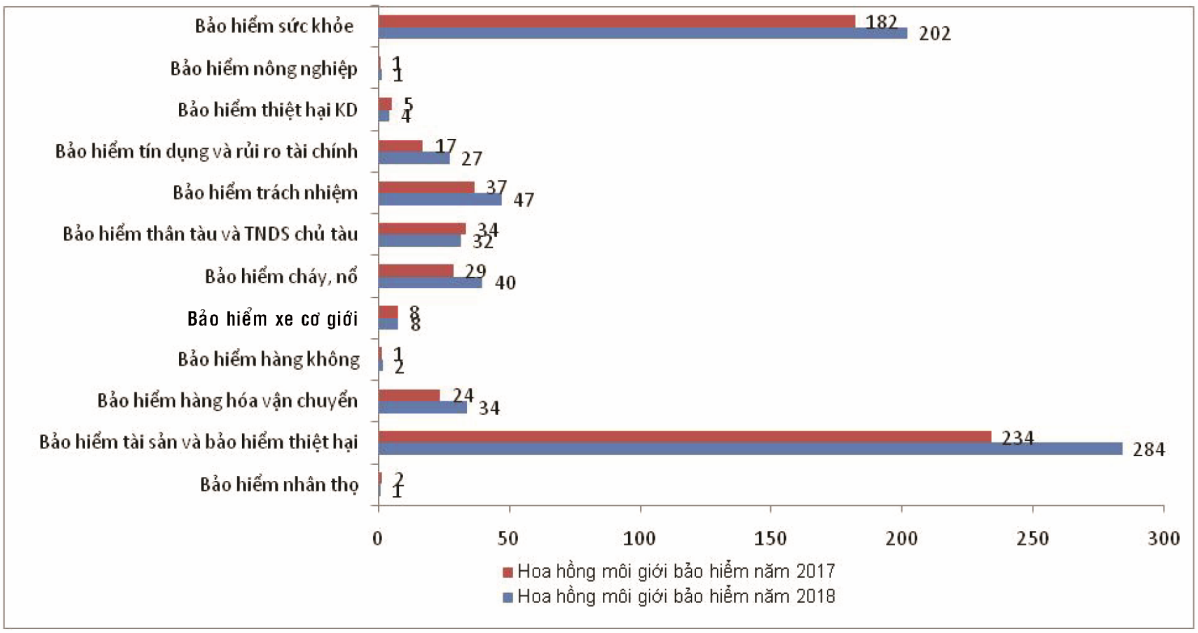

7.2. Đại lý bảo hiểm

Tổng đại lý bảo hiểm năm 2018 đạt 899.071 đại lý, tăng 20,88% so với năm 2017. Trong đó, đại lý bảo hiểm nhân thọ là 760.723 người, tăng 21,32% so với năm 2017. Đại lý bảo hiểm phi nhân thọ là 138.348 người, tăng 18,51% so với năm 2017.

Bảng 12. Số lượng đại lý đang hoạt động tính đến 31/12/2018

	Đại lý cá nhân	Đại lý tổ chức		Tổng số đại lý (bao gồm đại lý cá nhân và cá nhân trực thuộc đại lý tổ chức được cấp chứng chỉ đào tạo)	Tỷ lệ	Tăng trưởng so với năm 2017
		Số lượng	Cá nhân trực thuộc			
Nhân thọ	474.882	502	285.841	760.723	84,61%	21,32%
Phi nhân thọ	98.126	2.198	40.222	138.348	15,39%	18,51%
Tổng	**573.008**	**2.700**	**326.063**	**899.071**	**100%**	**20,88%**

Biểu 17. Số lượng đại lý bảo hiểm năm 2017 - 2018

Đơn vị: Đại lý

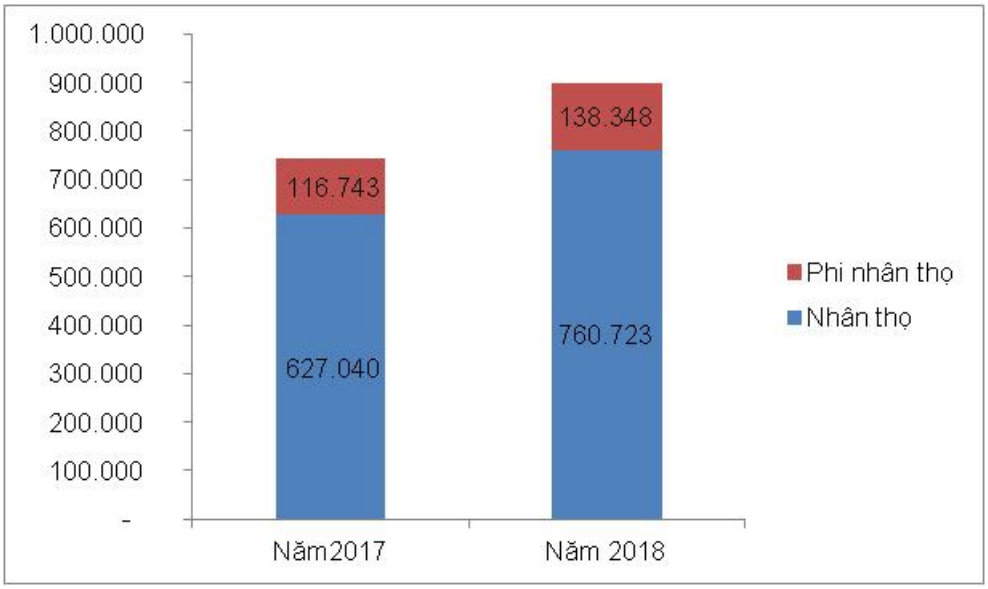

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY BẢO HIỂM, MÔI GIỚI BẢO HIỂM NĂM 2018

TT	Tên Công ty	Năm thành lập	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ: 31			
1	Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt)	1964	2.600
2	Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (Bảo Minh)	1994	914
3	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (Pjico)	1995	887
4	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long)	1995	600
5	Tổng công ty Bảo hiểm PVI (Bảo hiểm PVI)	1996	2.600
6	Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine (BVTM)	1996	300
7	Công ty bảo hiểm Liên hiệp (UIC)	1997	300
8	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	1998	804
9	Công ty TNHH Bảo hiểm tổng hợp Groupama Việt Nam (Groupama)	2001	389
10	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VBI)	2002	500
11	Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina (Samsung Vina)	2002	500
12	Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (VASS)	2003	500
13	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	2005	1.173
14	Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA (AAA)	2005	1.123
15	Công ty TNHH Bảo hiểm AIG Việt Nam (AIG)	2005	1.126
16	Công ty Bảo hiểm QBE Việt Nam (QBE)	2005	300
17	Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC)	2006	380
18	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)	2006	400
19	Công ty cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng (PAC)	2006	449
20	Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty (Liberty)	2006	1.204
21	Công ty TNHH Bảo hiểm Chubb Việt Nam (Chubb)	2006	337
22	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC)	2007	840
23	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng Không (VNI)	2008	800
24	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH)	2008	1.000
25	Công ty cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV)	2008	300
26	Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ MSIG Việt Nam (MSIG)	2008	300
27	Công ty TNHH Bảo hiểm Fubon (Việt Nam) (Fubon)	2008	500
28	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành (Xuân Thành)	2009	680
29	Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ Cathay Việt Nam (Cathay)	2010	534
30	Công ty cổ phần Bảo hiểm OPES (OPES)	2018	300
31	Chi nhánh Công ty Bảo hiểm Bảo lãnh Seoul tại Hà Nội (SGI)	2014	600
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ: 18			
32	Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ (BVL)	2004	3.000
33	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam (Prudential)	1999	4.125
34	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) (Manulife)	1999	9.695

TT	Tên Công ty	Năm thành lập	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)
35	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) (AIA)	2000	3.224
36	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Chubb Việt Nam (Chubb Life)	2005	1.384
37	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Mirae Asset Prévoir (Map Life)	2005	2.158
38	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi Life Việt Nam)	2007	7.698
39	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam (Cathay Life)	2007	6.121
40	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ FWD Việt Nam (FWD Viet Nam)	2007	2.811
41	Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam (Hanwha Life Việt Nam)	2008	4.891
42	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Vietcombank - Cardif (VCLI)	2008	600
43	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Fubon Việt Nam (Fubon Life)	2010	1.400
44	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Generali Việt Nam (Generali Life)	2011	4.853
45	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Aviva (Aviva)	2011	2.557
46	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Sun Life Việt Nam (Sun Life)	2013	1.870
47	Công ty Cổ phần bảo hiểm nhân thọ Phú Hưng (PHL)	2013	1.058
48	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife (BIDV MetLife)	2014	1.000
49	Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas (MB Ageas Life)	2016	1.500
CÔNG TY TÁI BẢO HIỂM: 2			
50	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE)	1994	1.311
51	Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re)	2011	728
CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM: 14			
52	Công ty TNHH Aon Việt Nam	1993	8
53	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Việt Quốc	2001	8
54	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Á Đông	2003	11
55	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Đại Việt (*)	2003	6
56	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Gras Savoye Willis Việt Nam	2003	8
57	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Marsh Việt Nam	2004	9
58	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Thái Bình Dương	2005	31
59	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Cimeico	2006	30
60	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Sao Việt	2008	4
61	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Jardine Lloyd Thompson Việt Nam	2008	45
62	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Nam Á	2010	10
63	Công ty TNHH môi giới Bảo hiểm Toyota-Tsusho (Việt Nam)	2011	12
64	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm Sabrina	2016	8
65	Công ty cổ phần môi giới Bảo hiểm GINET Việt Nam	2017	4

(*) Công ty đã dừng hoạt động, đang hoàn tất thủ tục giải thể

PHỤ LỤC 2. DANH SÁCH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY BẢO HIỂM VÀ CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI NĂM 2018

STT	Tên văn phòng đại diện	Quốc tịch	Năm thành lập	Địa điểm
I	**VPĐD Phi nhân thọ: 10**			
1	Công ty KB Insurance Co; Ltd (*)	Hàn Quốc	1995	Hà Nội
2	Công ty KB Insurance Co; Ltd (*)	Hàn Quốc	2001	TP.Hồ Chí Minh
3	Công ty TNHH bảo hiểm hàng hải và hoả hoạn Hyundai	Hàn Quốc	1996	TP.Hồ Chí Minh
4	Công ty TNHH bảo hiểm hàng hải và hoả hoạn Hyundai	Hàn Quốc	2016	Hà Nội
5	Công ty bảo hiểm thương mại Hàn Quốc	Hàn Quốc	2004	TP.Hồ Chí Minh
6	Công ty Sompo Japan Nipponkoa (**)	Nhật Bản	2005	Hà Nội
7	Công ty Sompo Japan Nipponkoa (**)	Nhật Bản	2006	TP.Hồ Chí Minh
8	Công ty Allianz SE	Đức	2006	Hà Nội
9	Công ty TNHH bảo hiểm Chevalier	Hồng Kông	2006	TP.Hồ Chí Minh
10	Công ty AmTrust Europe Limited	Anh	2012	TP.Hồ Chí Minh
II	**VPĐD Nhân thọ: 7**			
11	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Nan Shan	Đài Loan	2005	Hà Nội
12	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Shin Kong	Đài Loan	2006	Hà Nội
13	Công ty bảo hiểm nhân thọ Đài Loan	Đài Loan	2006	Hà Nội
14	Công ty AXA SA	Pháp	2007	Hà Nội
15	Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Samsung	Hàn Quốc	2008	Hà Nội
16	Công ty bảo hiểm nhân thọ Shinhan	Hàn Quốc	2015	Hà Nội
17	Công ty bảo hiểm nhân thọ Sumitomo	Nhật Bản	2011	Hà Nội
III	**VPĐD tái bảo hiểm: 1**			
18	Công ty TNHH Tái bảo hiểm vốn châu Á	Singapore	2012	TP.Hồ Chí Minh
IV	**VPĐD Môi giới bảo hiểm: 3**			
19	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm dạng đóng Malakut	Nga	2006	Hà Nội
20	Công ty Alexander Leed Risk Services	Đài Loan	2008	TP.Hồ Chí Minh
21	Công ty môi giới bảo hiểm Globaleye	Dubai	2014	TP.Hồ Chí Minh

(*) Trước đây là Công ty TNHH bảo hiểm LIG
(**) Sáp nhập giữa Công ty TNHH bảo hiểm Nipponkoa và Công ty bảo hiểm Sompo Japan

PHỤ LỤC 3. TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM - THỊ PHẦN PHÍ BẢO HIỂM GỐC TỔNG SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM NĂM 2017 - 2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Doanh thu phí bảo hiểm		Thị phần doanh thu phí		Bồi thường/Trả tiền bảo hiểm	
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ							
1	Bảo hiểm Bảo Việt	8.050.895	9.852.923	19,36%	20,98%	3.690.699	5.420.595
2	Bảo Minh	3.395.911	3.547.815	8,16%	7,56%	1.424.227	1.551.387
3	Pjico	2.611.656	2.809.333	6,28%	5,98%	1.340.731	1.298.390
4	Bảo Long	892.991	1.020.029	2,15%	2,17%	331.211	435.365
5	Bảo hiểm PVI	6.689.425	6.873.764	16,08%	14,64%	2.679.624	3.829.284
6	BVTM	452.367	538.926	1,09%	1,15%	239.759	213.392
7	UIC	814.725	629.103	1,96%	1,34%	539.498	359.107
8	PTI	3.206.372	4.159.480	7,71%	8,86%	1.622.309	1.640.911
9	Groupama	25.505	816	0,06%	0,00%	12.454	9
10	VBI	889.912	1.475.885	2,14%	3,14%	299.893	462.077
11	Samsung Vina	1.083.330	1.230.341	2,60%	2,62%	248.937	133.251
12	VASS	2.573.375	2.732.197	6,19%	5,82%	101.803	109.201
13	BIC	1.842.742	2.072.302	4,43%	4,41%	723.267	887.355
14	AAA	242.752	241.373	0,58%	0,51%	65.505	70.566
15	AIG	406.127	383.265	0,98%	0,82%	110.323	71.112
16	QBE	198.238	212.166	0,48%	0,45%	17.871	64.930
17	ABIC	1.235.111	1.413.431	2,97%	3,01%	333.521	339.390
18	GIC	1.151.018	1.235.534	2,77%	2,63%	254.564	253.976
19	PAC	115.769	85.750	0,28%	0,18%	94.973	63.961
20	Liberty	565.870	596.883	1,36%	1,27%	272.320	258.529
21	Chubb	154.192	168.825	0,37%	0,36%	9.294	16.458
22	MIC	1.920.810	1.924.850	4,62%	4,10%	552.598	637.298
23	VNI	637.713	902.616	1,53%	1,92%	175.756	282.502
24	BSH	603.347	880.160	1,45%	1,87%	228.237	406.160
25	BHV	278.708	138.128	0,67%	0,29%	88.634	100.562
26	MSIG	679.126	792.195	1,63%	1,69%	241.115	607.858
27	Fubon	381.111	459.207	0,92%	0,98%	86.025	98.851
28	Xuân Thành	266.525	286.531	0,64%	0,61%	96.815	101.369
29	Cathay	203.618	247.249	0,49%	0,53%	59.374	86.053
30	OPES	-	407		0,00%	0	0
31	SGI	25.243	45.375	0,06%	0,10%	436	7.612
	TỔNG	**41.594.485**	**46.956.860**	**100%**	**100%**	**15.941.774**	**19.807.512**

TT	Tên công ty	Doanh thu phí bảo hiểm		Thị phần doanh thu phí		Bồi thường/Trả tiền bảo hiểm	
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ							
32	Bảo Việt	17.471.776	21.507.292	26,43%	24,96%	4.771.796	6.009.110
33	Prudential	16.212.529	19.231.466	24,52%	22,32%	6.260.918	6.703.385
34	Manulife	8.014.007	11.002.910	12,12%	12,77%	1.695.127	2.218.686
35	AIA	6.294.992	8.492.046	9,52%	9,85%	1.084.715	1.315.530
36	Chubb	2.594.190	3.020.744	3,92%	3,51%	313.498	424.284
37	Map Life	468.427	405.431	0,71%	0,47%	207.121	335.717
38	Daiichi	8.052.575	11.502.088	12,18%	13,35%	835.068	1.229.201
39	Cathay	458.777	691.733	0,69%	0,80%	39.796	68.199
40	FWD	287.667	758.172	0,44%	0,88%	4.185	27.796
41	Hanwha	1.533.894	2.141.676	2,32%	2,49%	138.714	235.530
42	VCLI	276.162	429.535	0,42%	0,50%	12.710	20.176
43	Fubon	59.470	85.043	0,09%	0,10%	3.345	10.621
44	Generali	1.954.901	2.292.386	2,96%	2,66%	304.214	389.310
45	Aviva	969.798	1.456.831	1,47%	1,69%	17.938	58.990
46	Sun Life	567.052	770.426	0,86%	0,89%	229.888	358.492
47	Phú Hưng	131.218	258.855	0,20%	0,30%	5.706	16.368
48	BIDV MetLife	518.948	858.764	0,78%	1,00%	22.058	28.663
49	MB Ageas	248.610	1.270.503	0,38%	1,47%	30	4.505
	TỔNG	**66.114.994**	**86.175.900**	**100%**	**100%**	**15.946.825**	**19.454.565**
TỔNG THỊ TRƯỜNG		**107.709.478**	**133.132.760**			**31.888.600**	**39.262.076**

PHỤ LỤC 4. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017 - 2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Năm 2017			Năm 2018		
		Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản	Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ							
1	Bảo hiểm Bảo Việt	8.050.895	2.716.628	12.651.308	9.852.923	2.785.334	15.154.915
2	Bảo Minh	3.395.911	2.127.742	5.439.995	3.547.815	2.241.933	5.478.642
3	Pjico	2.611.656	1.467.890	5.019.472	2.809.333	1.489.773	5.360.629
4	Bảo Long	892.991	645.878	1.662.028	1.020.029	666.538	1.821.632
5	Bảo hiểm PVI	6.689.425	2.733.607	13.106.722	6.873.764	2.752.362	13.003.235
6	BVTM	452.367	462.783	1.373.701	538.926	427.631	1.553.845
7	UIC	814.725	440.216	1.564.032	629.103	501.090	1.445.054
8	PTI	3.206.372	1.901.150	5.398.983	4.159.480	1.815.979	6.109.371
9	Groupama	25.505	291.954	335.988	816	289.070	305.190
10	VBI	889.912	613.732	1.697.617	1.475.885	584.028	2.112.346
11	Samsung Vina	1.083.330	910.890	1.809.160	1.230.341	1.035.372	1.949.035
12	VASS	2.573.375	(85.101)	1.008.269	2.732.197	16.491	1.464.877
13	BIC	1.842.742	2.095.148	4.716.494	2.072.302	2.128.219	5.133.418
14	AAA	242.752	151.968	455.141	241.373	430.206	716.402
15	AIG	406.127	408.380	726.512	383.265	448.104	759.871
16	QBE	198.238	350.645	709.200	212.166	380.254	843.882
17	ABIC	1.235.111	657.772	1.791.716	1.413.431	748.680	2.140.107
18	GIC	1.151.018	504.749	2.166.012	1.235.534	523.244	2.012.203
19	PAC	115.769	263.573	408.215	85.750	321.764	430.433
20	Liberty	565.870	577.342	1.245.062	596.883	652.482	1.315.529
21	Chubb	154.192	314.272	549.125	168.825	332.533	573.815
22	MIC	1.920.810	882.824	2.998.819	1.924.850	988.409	3.677.564
23	VNI	637.713	826.218	1.681.938	902.616	816.560	1.940.949
24	BSH	603.347	1.017.329	1.724.855	880.160	1.019.648	2.095.367
25	BHV	278.708	309.862	542.628	138.128	314.659	493.957
26	MSIG	679.126	665.986	1.553.900	792.195	746.149	2.247.903
27	Fubon	381.111	449.134	962.836	459.207	486.791	1.144.428
28	Xuân Thành	266.525	614.773	900.305	286.531	631.021	973.322
29	Cathay	203.618	438.268	795.257	247.249	457.073	800.953
30	OPES	-	-	-	407	279.220	284.265
31	SGI	25.243	619.301	644.782	45.375	635.427	690.084
	TỔNG	**41.594.485**	**25.374.912**	**75.640.070**	**46.956.860**	**26.946.042**	**84.033.221**
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ							
32	Bảo Việt	17.471.776	3.567.566	69.225.012	21.507.292	4.261.253	87.937.116
33	Prudential	16.212.529	5.941.198	74.185.625	19.231.466	8.573.334	90.024.315
34	Manulife	8.014.007	5.611.874	26.343.194	11.002.910	7.413.495	36.365.337

TT	Tên công ty	Năm 2017			Năm 2018		
		Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản	Doanh thu	VCSH	Tổng tài sản
35	AIA	6.294.992	3.713.549	15.412.284	8.492.046	4.168.976	18.757.570
36	Chubb	2.594.190	1.936.612	7.422.036	3.020.744	2.376.672	8.886.323
37	Map Life	468.427	891.381	2.520.978	405.431	2.012.783	3.812.837
38	Daiichi	8.052.575	5.747.761	17.637.744	11.502.088	8.068.050	24.042.553
39	Cathay	458.777	3.669.500	5.247.319	691.733	6.159.878	8.687.534
40	FWD	287.667	922.339	1.380.645	758.172	958.717	1.876.182
41	Hanwha	1.533.894	460.914	3.621.507	2.141.676	3.283.113	7.681.168
42	VCLI	276.162	614.564	953.699	429.535	576.601	1.172.528
43	Fubon	59.470	1.250.842	1.421.849	85.043	1.223.835	1.493.715
44	Generali	1.954.901	906.163	3.926.246	2.292.386	1.238.509	6.239.156
45	Aviva	969.798	1.629.815	4.175.232	1.456.831	1.373.452	5.081.113
46	Sun Life	567.052	1.109.834	4.027.857	770.426	1.167.407	4.473.343
47	Phú Hưng	131.218	552.026	692.498	258.855	551.852	754.111
48	BIDV MetLife	518.948	611.173	1.494.278	858.764	522.262	2.140.021
49	MB Ageas	248.610	851.132	1.158.582	1.270.503	944.257	1.899.542
	TỔNG	**66.114.994**	**39.988.242**	**240.846.584**	**86.175.900**	**54.874.445**	**311.324.464**
TOÀN THỊ TRƯỜNG		**107.709.478**	**65.363.154**	**316.486.655**	**133.132.760**	**81.820.486**	**395.357.685**
CÔNG TY TÁI BẢO HIỂM							
50	Vinare	1.651.471	2.585.248	6.313.778	1.802.719	2.812.198	6.456.011
51	PVI Re	1.278.110	766.563	3.516.719	1.216.374	842.054	3.796.361
	TỔNG	**2.929.581**	**3.351.811**	**9.830.497**	**3.019.093**	**3.654.252**	**10.252.372**
CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM							
52	Á Đông	1.908	4.241	4.387	2.368	4.145	4.511
53	Aon	192.421	47.790	150.759	215.051	62.681	129.158
54	Cimeico	23.463	29.235	36.021	25.845	28.900	32.580
55	Gras Savoye Willis	159.135	65.851	237.588	185.595	119.818	254.153
56	Jardine Lloyd Thompson	56.445	21.644	49.038	68.690	19.105	59.160
57	Marsh	189.540	113.324	231.448	227.517	57.627	305.974
58	Nam Á	23.883	6.458	10.479	20.925	7.335	12.340
59	Sao Việt	4.286	4.098	4.203	4.155	4.095	4.153
60	Thái Bình Dương	2.548	18.668	24.470	0	0	0
61	Toyota Tsusho	12.383	13.889	14.844	14.221	9.848	11.557
62	Việt Quốc	142	7.582	7.896	133	7.288	7.596
63	GINET	0	0	0	1.560	4.051	4.484
64	Sabira	0	0	0	0	6.616	6.642
	TỔNG	**666.154**	**332.781**	**771.132**	**766.059**	**331.509**	**832.308**

PHỤ LỤC 5. TỔNG DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ NĂM 2017 - 2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên Công ty	Tổng dự phòng nghiệp vụ 2017						Tổng dự phòng nghiệp vụ 2018					
		DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng	DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ		**13.319.844**		**5.071.884**	**1.514.853**		**19.906.581**	**14.113.953**		**5.628.198**	**1.721.661**		**21.463.813**
1	Bảo hiểm Bảo Việt	3.249.034		1.015.086	23.172		4.287.292	3.327.982		1.485.665			4.813.647
2	Bảo Minh	896.928		195.599	97.624		1.190.151	884.767		241.676	77.751		1.204.195
3	Pjico	1.081.929		588.745	261.509		1.932.182	1.141.893		557.116	283.478		1.982.487
4	Bảo Long	384.996		197.982	50.513		633.492	344.413		165.484	57.484		567.381
5	Bảo hiểm PVI	1.403.023		632.998	96.747		2.132.768	1.224.102		670.432	134.463		2.028.997
6	BVTM	59.381		71.413	51.008		181.802	67.967		85.966	58.474		212.407
7	UIC	171.972		123.241	47.705		342.918	91.523		49.905	52.540		193.969
8	PTI	1.121.896		502.387	69.448		1.693.731	1.412.115		549.490	98.161		2.059.765
9	Groupama	45		1.944	3.986		5.975	6		989	3.994		4.989
10	VBI	382.410		144.680	23.572		550.662	726.262		194.474	37.018		957.754
11	Samsung Vina	20.148		27.837	40.165		88.150	24.215		17.066	42.543		83.824
12	VASS	580.066		98.896	151.518		830.480	508.444		98.240	178.253		784.937
13	BIC	729.056		210.230	102.998		1.042.284	863.825		204.359	117.368		1.185.552
14	AAA	131.940		39.588	21.808		193.337	109.655		45.795	22.225		177.675
15	AIG	20.773		20.333	42.876		83.983	14.264		23.556	43.900		81.720
16	QBE	62.219		108.321	22.813		193.353	67.848		108.915	24.977		201.740

TT	Tên Công ty	Tổng dự phòng nghiệp vụ 2017						Tổng dự phòng nghiệp vụ 2018					
		DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng	DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng
17	ABIC	711.838		101.732	75.038		888.608	839.362		134.917	88.454		1.062.733
18	GIC	216.255		78.736	7.347		302.338	216.501		63.608	14.357		294.467
19	PAC	10.656		13.103	3.034		26.792	10.018		9.602	3.320		22.940
20	Liberty	277.475		94.945	61.422		433.843	294.531		90.246	67.161		451.939
21	Chubb	45.848		12.751	10.510		69.109	40.502		15.767	12.546		68.815
22	MIC	769.750		361.614	82.552		1.213.915	730.950		375.103	97.000		1.203.053
23	VNI	234.048		98.842	39.631		372.520	336.627		138.453	46.327		521.407
24	BSH	253.519		112.224	23.167		388.910	331.829		104.132	29.538		465.499
25	BHV	128.677		45.408	9.968		184.053	83.448		28.243	11.114		122.805
26	MSIG	112.752		68.091	41.838		222.680	117.623		54.624	50.584		222.832
27	Fubon	62.245		23.433	16.665		102.343	80.523		24.953	21.516		126.992
28	Xuân Thành	129.891		55.633	28.567		214.090	133.594		59.621	36.649		229.864
29	Cathay	56.319		24.110	5.371		85.800	56.962		24.544	6.830		88.335
30	OPES	-		-	-		-	14		1	0		15
31	SGI	14.755		1.983	2.282		19.020	32.188		5.255	3.635		41.077
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ		**152.827.376**	**14.205.321**	**1.071.453**	**264.128**	**754.267**	**169.122.544**	**200.403.597**	**15.508.371**	**1.484.240**	**297.780**	**1.933.743**	**219.627.731**
32	Bảo Việt	46.345.844	1.429.375	27.627	74.832	0	47.877.678	60.473.181	1.579.155	40.219	84.493	963.718	63.140.766
33	Prudential	51.218.961	10.552.216	743.829	126.175	718.633	63.359.813	62.616.360	11.296.053	960.037	140.131	804.773	75.817.354
34	Manulife	16.561.346	1.634.020	75.513	18.951	0	18.289.830	23.822.085	1.874.252	125.189	18.951	0	25.840.477

TT	Tên Công ty	Tổng dự phòng nghiệp vụ 2017						Tổng dự phòng nghiệp vụ 2018					
		DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng	DP toán học, DP phí	Dự phòng chia lãi	DP bồi thường	DP dao động lớn/đảm bảo cân đối	Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu	Tổng cộng
35	AIA	9.551.982	280.242	82.372	11.038	0	9.925.634	12.608.897	392.273	113.164	16.676	0	13.131.010
36	Chubb	4.619.414	5.678	18.255	11.954	0	4.655.301	5.702.770	6.069	41.405	15.747	0	5.765.991
37	Map Life	1.230.945	0	5.120	761	3.053	1.239.878	1.272.668	0	1.559	975	1.724	1.276.926
38	Dai-ichi	9.862.384	166.779	73.380	12.405	27.423	10.142.371	13.497.407	170.678	122.363	12.794	154.157	13.957.399
39	Cathay	1.512.302	0	1.885	5.163	0	1.519.350	2.441.158	0	3.211	5.163	0	2.449.532
40	FWD	163.284	16.880	1.247	0	0	181.410	469.240	54.490	13.330	0	0	537.060
41	Hanwha	2.771.200	117.436	5.969	117	0	2.894.721	3.883.831	126.996	13.005	117	0	4.023.948
42	VCLI	250.599	2.695	2.883	1.190	0	257.367	510.521	8.405	5.883	1.190	0	525.999
43	Fubon	158.087	0	14	420	0	158.521	250.831	0	236	420	0	251.487
44	Generali	2.483.177	0	28.619	0	0	2.511.796	4.117.210	0	31.987	0	0	4.149.196
45	Aviva	2.189.236	0	2.077	626	773	2.192.712	3.362.794	0	4.591	626	3.278	3.371.289
46	Sun Life	2.784.286	0	977	497	4.380	2.790.140	3.066.549	0	2.383	497	6.076	3.075.505
47	Phu Hung	91.923	0	853	0	5	92.780	111.998	0	1.886	0	17	113.901
48	BIDV MetLife	805.551	0	422	0	0	805.973	1.506.358	0	2.158	0	0	1.508.516
49	MB Ageas	226.855	-	412	-	-	227.267	689.740	-	1.635	-	-	691.375
TỔNG THỊ TRƯỜNG		**166.147.220**	**14.205.321**	**6.143.337**	**1.778.981**	**754.267**	**189.029.125**	**214.517.551**	**15.508.371**	**7.112.438**	**2.019.441**	**1.933.743**	**241.091.544**

PHỤ LỤC 6. CƠ CẤU ĐẦU TƯ NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công ty	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác, thành lập hoặc góp vốn thành lập DN, chi nhánh ở nước ngoài	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ		**30.601.498**	**3.647.102**	**580.879**	**3.899.085**	**2.824.001**	**613.644**	**93**	**541.591**	**143.119**	**42.851.012**
1	Bảo hiểm Bảo Việt	3.914.307	2.663.276		494.163	237.465	109.881				7.419.092
2	Bảo Minh	1.981.487	30.000		259.951	145.350	59.264			4.880	2.480.932
3	Pjico	2.447.125			261.344	106.559	82.046				2.897.074
4	Bảo Long	509.147			135.334				30.000		674.481
5	Bảo hiểm PVI	4.188.545			473	987.470					5.176.488
6	BVTM	623.611	114.737			3.430					741.778
7	UIC	784.704			7.203						791.907
8	PTI	2.436.083			567.239	448.143	150.061		11.591		3.613.117
9	Groupama	89.000									89.000
10	VBI	698.587			533.591						1.232.178
11	Samsung Vina	862.820									862.820
12	VASS	38.000	1		213.581	721		93			252.395
13	BIC	2.163.468		480.879	615.662	84.660					3.344.669
14	AAA	398.750			29.438	2.250	198.043				628.480

TT	Tên công ty	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh	Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác, thành lập hoặc góp vốn thành lập DN, chi nhánh ở nước ngoài	Kinh doanh bất động sản	Cho vay	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
15	AIG	439.500									439.500
16	QBE	608.080									608.080
17	ABIC	1.630.617			0						1.630.617
18	GIC	591.500	70.128		36.611	3.331	6.479			3.239	711.289
19	PAC	281.334			9.289		7.870				298.494
20	Liberty	517.526	434.639								952.165
21	Chubb	264.500									264.500
22	MIC	1.057.500		100.000	105.036	128.440			500.000	135.000	2.025.976
23	VNI	294.000			408.779	92.162					794.941
24	BSH	175.100			94.208	584.020					853.328
25	BHV	280.683			77.092						357.776
26	MSIG	1.020.056									1.020.056
27	Fubon	578.771									578.771
28	Xuân Thành	726.699			90						726.789
29	Cathay	103.078	334.322		50.000						487.400
30	OPES	243.000									243.000
31	SGI	653.916									653.916

TT	Tên công ty	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh Trái phiếu chính quyền địa phương	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo đảm	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm	Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	Kinh doanh bất động sản	Tạm ứng từ giá trị tài khoản của khách hàng (bao gồm cả tạm ứng để đóng phí bảo hiểm)	Ủy thác đầu tư	Khác	Tổng số tiền đầu tư
CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ		**98.651.128**	**145.731.997**	**9.742.226**	**18.771.437**	**411.653**	**45.389**	**7.372.827**		**672.882**	**281.399.540**
32	Bảo Việt	50.575.216	27.901.039	350.000	3.391.184	252.653	45.389	1.363.211		2.106	83.880.798
33	Prudential	10.156.499	62.666.933	2.816.189	2.805.591	25.000		4.270.921			82.741.133
34	Manulife	6.967.434	16.510.785	4.013.715	2.312.110	83.000		658.912		626.481	31.172.437
35	AIA	2.566.164	8.556.152	1.198.337	2.678.913			407.249			15.406.815
36	Chubb	2.114.250	5.553.892		245.000	26.000		143.028			8.082.170
37	Map Life	2.249.710	298.656		600.301						3.148.667
38	Daiichi	5.313.085	11.096.606	249.993	3.196.399	25.000		398.522			20.279.606
39	Cathay	2.550.152	4.452.513		1.196.515			34.245			8.233.424
40	FWD	881.511	419.703		115.000			3.868			1.420.082
41	Hanwha	3.286.445	2.999.259	175.000	428.755			70.370		15.607	6.975.435
42	VCLI	829.769	232.739								1.062.508
43	Fubon	726.854	630.965					2.699			1.360.518
44	Generali	4.191.207	759.825	480.000						25.429	5.456.461
45	Aviva	1.648.000	798.402		1.572.388			15.643			4.034.433
46	Sun Life	1.706.139	1.960.627	408.992						3.259	4.079.017
47	Phú Hưng	298.029	255.749		90.000			376			644.154
48	BIDV Met Life	1.214.787	617.824	50.000				3.781			1.886.392
49	MB Ageas	1.375.877	20.330		139.282						1.535.489
TỔNG THỊ TRƯỜNG		**129.252.626**	**149.379.099**	**10.323.105**	**22.670.522**	**3.235.654**	**659.033**	**7.372.920**	**541.591**	**816.002**	**324.250.551**

THE ANNUAL REPORT
OF VIETNAM INSURANCE MARKET 2018

Introduction

In 2018, Vietnam's economy has added a good year with high growth and macroeconomic stability. However, the economy is still facing a lot of difficulties from the impact of the world's financial market. In this context, the insurance market continues maintain significant results with positive growth.

As of 31/12/2018, there are 64 insurance companies operating in the Vietnam insurance market, including non-life insurers, life insurers, reinsurers and insurance brokers. In 2018, compared to those in 2017, the total insurers'assets reached VND 395,358 billion, increased by 24.9%; the total amount invested by insurance industry reached VND 324,251 billion, increased by 30.2%; the total gross of insurance revenue increased to VND 160,424 billion, in which insurance premium income reached VND 133,133 billion (increased by 23.6%), investment income reached VND 27,291 billion; the claim payments and insurance payouts reached VND 39,262 billion.

In 2018, the Government issued Decree No. 58/2018/NĐ-CP dated April 18, 2018 on agricultural insurance supporting organizations and individuals operating in agriculture, forestry and aquaculture to actively overcome financial damages caused during the production process. The Government also issued the Decree No 23/2018/ND-CP date February 23, 2018 on Compulsory Fire and Explosion Insurance and Decree No. 48/2018/ND-CP dated March 21, 2018 on administrative penalties for violations in insurance and lottery business. Besides, in the 6th session of the National Assembly XIV, the National Assembly has issued Resolution on passage of the CPTPP Agreement, accordingly to amend and supplement the insurance auxiliary services to the Insurance Business Law.

In 2019, the Ministry of Finance will continue to improve the legal framework such as amending Insurance Business Law; Decree guiding on the implementation of micro-insurance; Decree on motor vehicle insurance,... Moreover, the Ministry of Finance will establish the information technology system to facilitate the insurance management and supervise procedures.

In 2019, with the efforts to finalize the insurance policies, improve operational efficiency and services quality, insurance market in Vietnam will attract more investment, effectively operate and will significantly contribute to the economy development. /.

DIRECTOR GENERAL

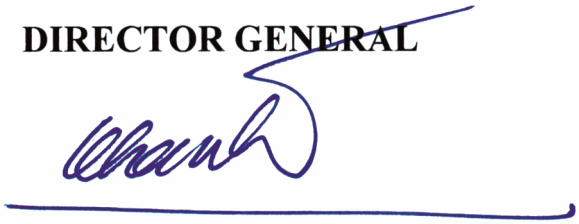

Phung Ngoc Khanh

ORGANIZATION STRUCTURE

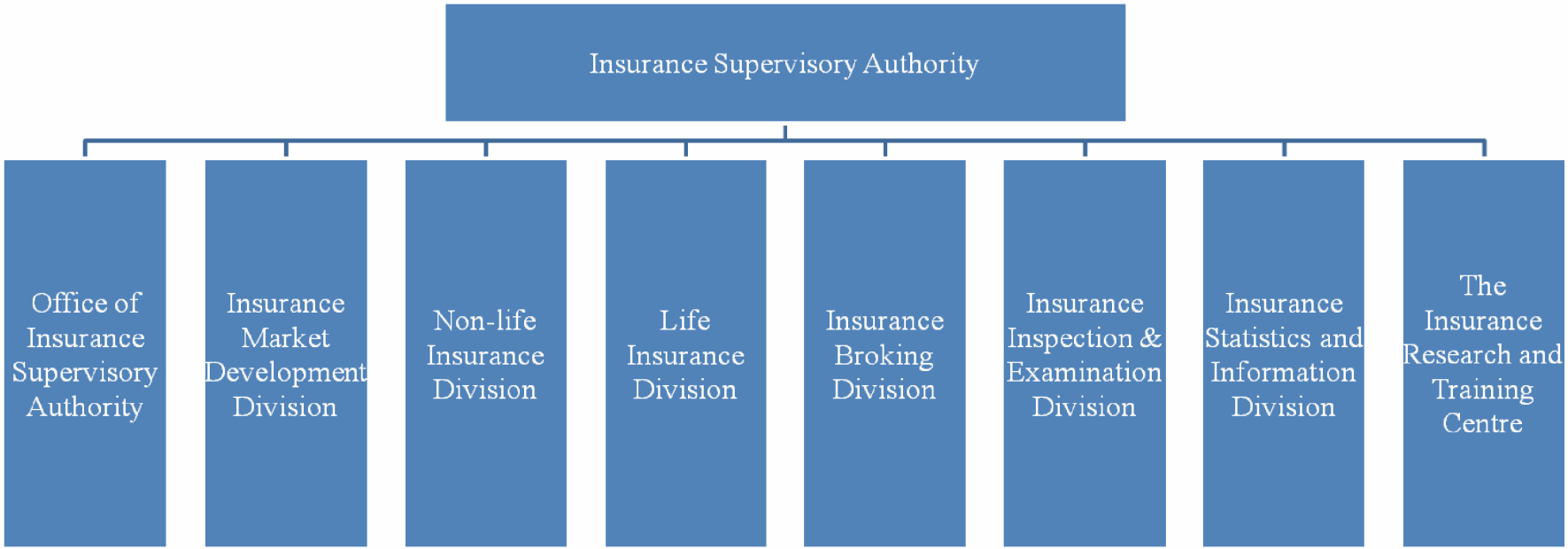

Address: 28 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Ha Noi

Tel: (024) 2220 2828

Fax: (024) 2220 2875

Email: cucqlgsbh@mof.gov.vn

Website: http://isa.mof.gov.vn

KEY DEVELOPMENT INDICATORS

	FY 2012	FY 2013	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017	FY 2018
1. Market Structure							
Number of Enterprises	**57**	**59**	**61**	**61**	**63**	**64**	**65**
- Non - Life Insurers	29	29	30	30	30	30	31
- Life Insurers	14	16	17	17	18	18	18
- Professional Reinsurers	2	2	2	2	2	2	2
- Insurance Brokers	12	12	12	12	13	14	14
2. Financial Capacity							
- Total Asset (VND bil.)	114,663	133,856	171,607	202,378	248,247	316,487	395,358
- Accumulated Technical Reserves (VND bil.)	69,011	79,289	95,222	119,897	146,524	189,029	241,092
3. Investments (VND bil.)	**89,567**	**113,682**	**127,061**	**160,258**	**198,150**	**249,134**	**324,251**
4. Premiums (VND bil.)	**51,525**	**58,002**	**67,479**	**84,498**	**103,208**	**131,106**	**160,424**
- Insurance premiums	41,248	47,851	55,877	70,162	87,364	107,709	133,133
+ Non-life Business	22,851	24,521	27,522	31,891	36,866	41,594	46,957
+ Life Business	18,397	23,330	28,355	38,271	50,497	66,115	86,176
- Investment Income	10,277	10,151	11,603	14,336	15,845	23,396	27,291
- Insurance Penetration (%)	1.94	1.62	1.71	2.02	2.29	2.62	3.11
+ Non-Life Business	0.86	0.68	0.70	0.76	0.82	0.83	0.85
+ Life Business	0.69	0.65	0.72	0.91	1.12	1.32	1.56
+ Investment Income	0.39	0.28	0.29	0.34	0.35	0.47	0.49
- Insurance Density (VND' 000)	580	646	744	922	942	1,150	1,406
5. Contribution to socio-economic stabilization	**25,334**	**29,600**	**38,589**	**48,339**	**52,542**	**75,323**	**91,524**
- Claim payments and Insurance payouts (VND bil.)	16,649	18,587	21,788	23,571	25,609	31,889	39,262
- Technical Reserves(VND bil.)	8,685	11,013	16,801	24,767	26,933	43,061	52,064
6. Employment (employees and agents)	**322,676**	**357,645**	**439,173**	**584,719**	**603,089**	**773,541**	**930,332**

VIETNAM INSURANCE INDUSTRY OVERVIEW FOR 2018

1. MARKET STRUCTURE

In FY 2018, there were 64 service providers in the insurance market with diversified ownership structure (including 25 sole member limited liability companies (Sole member LLC), 10 liability limited companies with more than one member (LLCs), 28 joint stock companies and 01 branch of the foreign non-life insurance company) and 01 joint stock company (insurance broker) has closed (it has been in dissolution process).

Table 1. Ownership Structure of Enterprises by Type of Business

Type of Business/Legal form	Sole member LLC	LLCs	Joint stock	Branch office of insurance company	Total
Non-life Insurers	9	4	17	1	**31**
Life Insurers	13	4	1	0	**18**
Professional Reinsurers	0	0	2	0	**2**
Insurance Brokers	3	2	9	0	**14** (*)
Total	**25**	**10**	**29**	**1**	**65**

(*) Dai Viet Insurance Broker Joint Stock Company has been in the process of closing.

In addition, the presence of 21 representative offices of foreign insurance companies undertakings in Vietnam played a positive role in improving the investment environment and increasing the confidence of foreign investors in doing business in Vietnam.

2. MARKET SIZE

In FY 2018, the industry had been growing steadily compared to the growth rate of GDP. The industry's revenue (including investment income) reached VND 160,424 billion, increased by 22.36% compared to FY 2017 of which insurance premiums were VND 133,133 billion and investment income reached VND 27,291 billion.

Table 2. Insurance Premiums and Market Share by Industry

	Unit	Non - life		Life		Total	
		FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018
Premium income	VND bil.	41,594	46,957	66,115	86,176	107,709	133,133
Growth rate	%	12.83	12.89	30.93	30.34	23.29	23.60
Proportion of total premium	%	38.62	35.27	61.38	64.73	100	100
Insurance Penetration	%	0.83	0.85	1.32	1.56	2.15	2.41

3. NON-LIFE INSURANCE BUSINESS PERFORMANCE

In FY 2018, non-life gross written insurance premiums were VND 46,957 billion with an increase of 12.89% to FY 2017. The market was still highly concentrated to the "big 5" non - life insurers. They were Bao Viet (20.98%), PVI Insurance (14.64%), PTI (8.86%), Bao Minh (7.56%) and Pjico (5.98%). 26 other non - life insures and branch of the foreign non-life insurance company in Vietnam had a contribution to premium income as of 41.98%.

Figure 1. Insurance Premium Market Share by Non - Life Insurers FY 2018

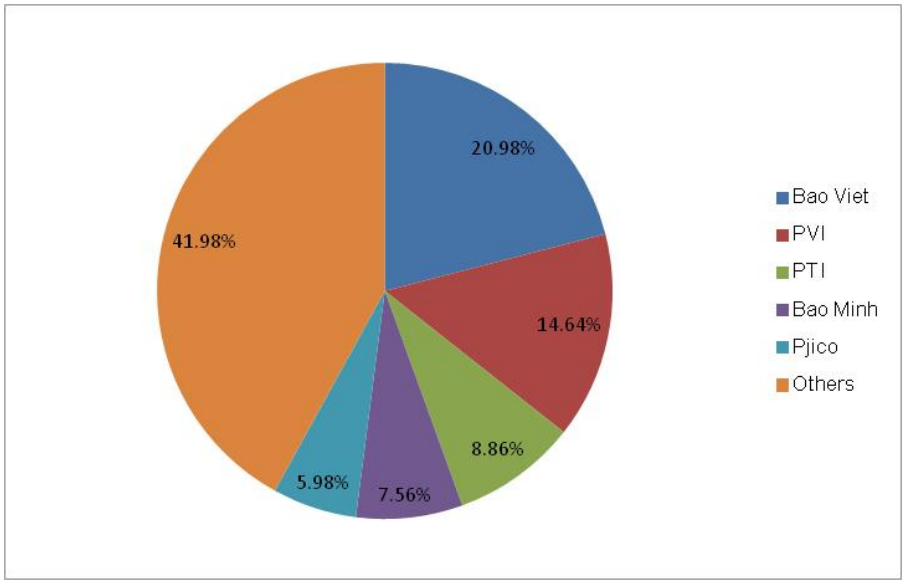

3.1. Distribution of Premiums and Premium Growth by Line of Business

Compared to FY 2017, most of key lines of business achieved high growth rate such as Credit and Financial risks (155.44%), Guarantee Insurance (79.03%), Fire & Explosion insurance (20.32%), Health insurance (18.29%), Property and Casualty insurance (12%), Liability insurance (11.04%), Cargo insurance (11.02%), Automobile insurance (8.93%), Aviation insurance (0.02%). Meanwhile, the other lines still stood at low level such as Hull and P&I (decreased by 7.66%), Agriculture insurance (decreased by 2.64%), Business Interruption insurance (decreased by 2.16%).

Figure 2. Gross Insurance Premiums in FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

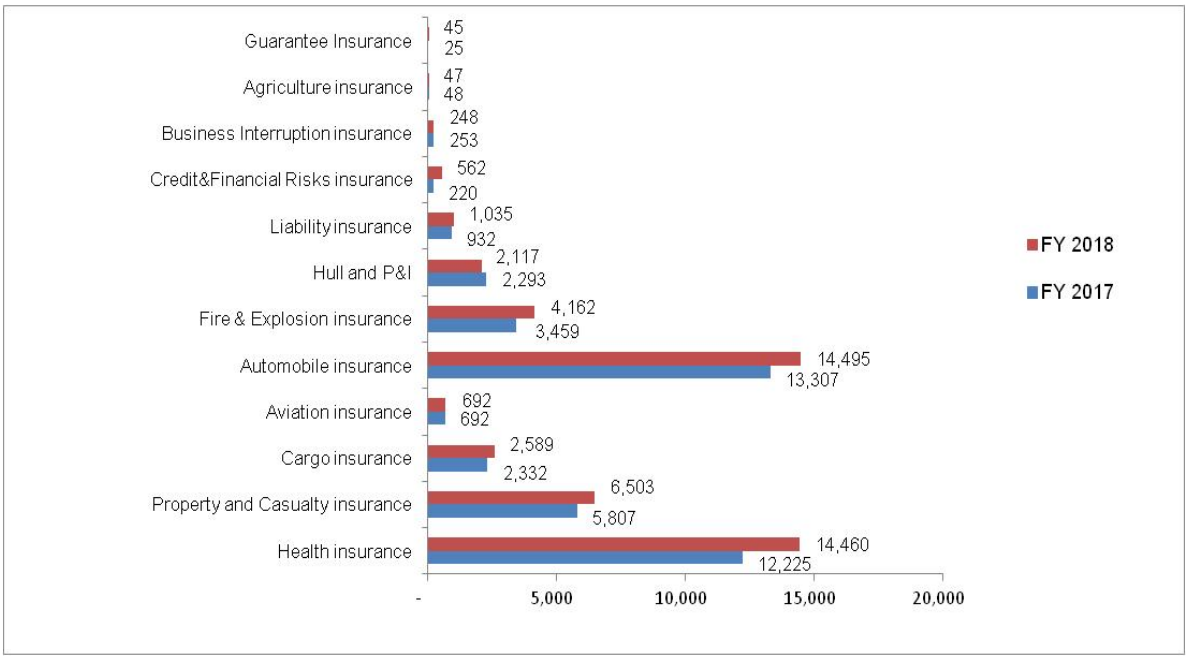

Figure 3. Distribution of Gross Insurance Premiums by Line of Business in FY 2018

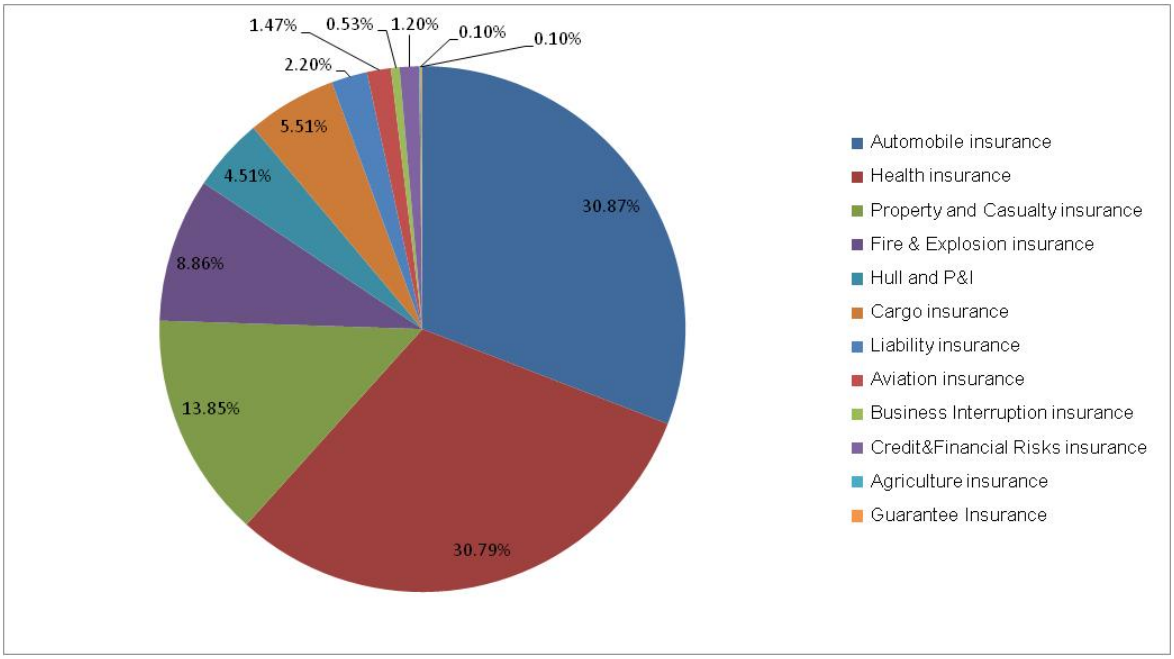

In FY 2018, Automobile insurance accounted for the highest proportion of (30.87%), followed by Health insurance (30.79%), Property and Casualty insurance (13.85%), Fire & Explosion insurance (8.86%), Cargo insurance (5.51%), Hull and P&I (4.51%), Liability insurance (2.20%), Aviation insurance (1.47%), Credit & Financial Risks insurance (1.20%). Meanwhile, the other lines still stood at a very low level such as Business Interruption insurance (0.53%), Agriculture insurance (0.10%), Guarantee Insurance (0.10%).

3.2. Claim Payments

In FY 2018, the gross claim payments and net retained claim payments were VND 19,808 billion and VND 12,952 billion, respectively. Non-life insurance business has performed well its role in preventing and mitigating risks exposed to the insured, thus reducing the burden of the State Budget.

Table 3. Non-life Claim Payments for the period FY 2014 - FY 2018

Unit: VND billion

Claim payments	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017	FY 2018
Gross claim payments	10,954	13,851	13,246	15,942	19,808
Net claim payments	7,877	9,057	10,463	12,147	12,952

Table 4. Claim payments by lines of business FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

Classification	Claim payments on gross premium		Claim payments on net retained premium	
	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018
Health insurance	3,598	4,222	3,624	4,094
Property and Casualty insurance	1,531	2,684	531	744
Cargo insurance	722	605	447	416

Classification	Claim payments on gross premium		Claim payments on net retained premium	
	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018
Aviation insurance	112	520	61	44
Automobile insurance	7,306	8,354	6,289	6,337
Fire & Explosion insurance	1,229	1,543	436	426
Hull and P&I	1,198	1,563	623	694
Liability insurance	134	145	78	97
Credit&Financial Risks insurance	77	41	10	10
Business Interruption insurance	34	36	5	10
Agriculture insurance	3	86	45	73
Guarantee Insurance	0.4	8	0.1	6
Total	**15,942**	**19,808**	**12,147**	**12,952**

3.3. Technical Reserves

At the end of 2018, total non-life technical reserves increased by 7.82% over the previous year approximates VND 21,464 billion (VND 19,907 billion in FY 2017).

Table 5. Non-life Technical Reserves for the period FY 2014 - FY 2018

Unit: VND billion

Technical Reserves	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017	FY 2018
Unearned premium reserves	8,963	10,758	12,637	13,320	14,114
Outstanding Claim reserves	3,220	3,583	4,329	5,072	5,628
Contingency Reserves	1,127	1,344	1,508	1,515	1,722
Total accumulated technical reserves	**13,309**	**15,685**	**18,473**	**19,907**	**21,464**

Figure 4. Accumulated technical reserves FY 2014 - FY 2018

Unit: VND billion

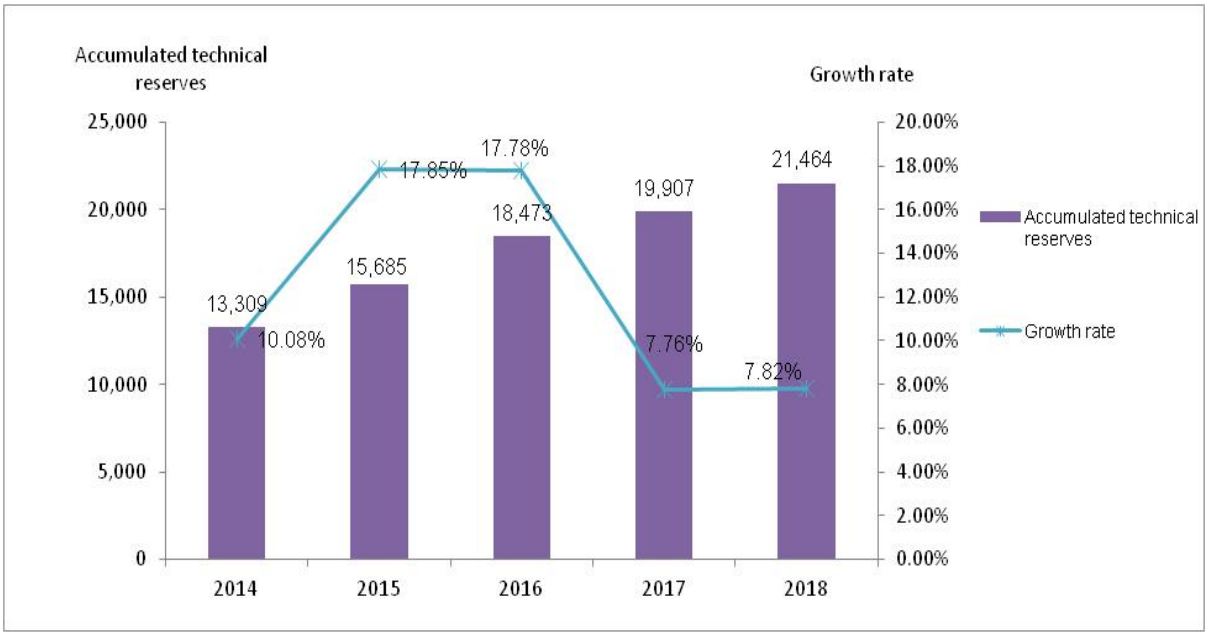

4. LIFE INSURANCE BUSINESS PERFORMANCE

4.1. New Business by Insurance Type

In 2018, the number of new life insurance policies written was 2,367,424, rose by 14.01% from the year of 2017. The number of individual insurance policies reached 2,247,830; the number of group insurance policies was 331(corresponding to 119,594 insured members).

Total premiums of new insurance policies reached VND 29,608 billion, increased by 31.26% compared to 2017.

Total sum assured of these policies amounted to VND 832,151 billion, increased by 37.97% compared to 2017. The average face value per policy of new individual insurance policies was VND 351.5 million. The average face value per policy of new group insurance policies was VND 42.9 billion (corresponding to 118.8 million/member).

Table 6. New Business by Insurance Type in 2017-2018

Classification	Number of Policies		Sum assured (VND Bil.)		Premium income (VND Bil.)	
	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018
Whole life Insurance	4,363	7,951	440	1,146	28	51
Pure Endowment	-	-	-	-	-	-
Term life	456,245	585,229	51,058	49,892	563	849
Endowment	672,576	539,285	83,371	66,929	7,842	6,741
Annuity	6,648	1,531	175	81	368	352
Investment-linked (*)	831,199	1,187,894	443,931	704,262	11,291	18,520
Pension	8,294	6,210	836	620	120	142
Health care	97,048	39,324	23,306	9,220	176	31
Riders	3,773,930	4,290,254	331,536	458,663	2,167	2,922
Total (**)	**2,076,373**	**2,367,424**	**603,118**	**832,151**	**22,555**	**29,608**

(*) Investment-linked includes Unit linked and Universal linked
(**)Total number of Policies and Total of sum assured do not include riders

In regard to market share of new life insurance policies written in 2018 (including riders), Bao Viet life's market share, accounted for 17.80%, followed Dai-ichi (17.44%); Prudential (16.86%); Manulife (14.97%); AIA (9.82%); Chubb (3.56%); Generali (3.39%); the other 11 insurers had modest market share which was16.16%.

Figure 5. Market Share of New Business Premium Income in FY 2018

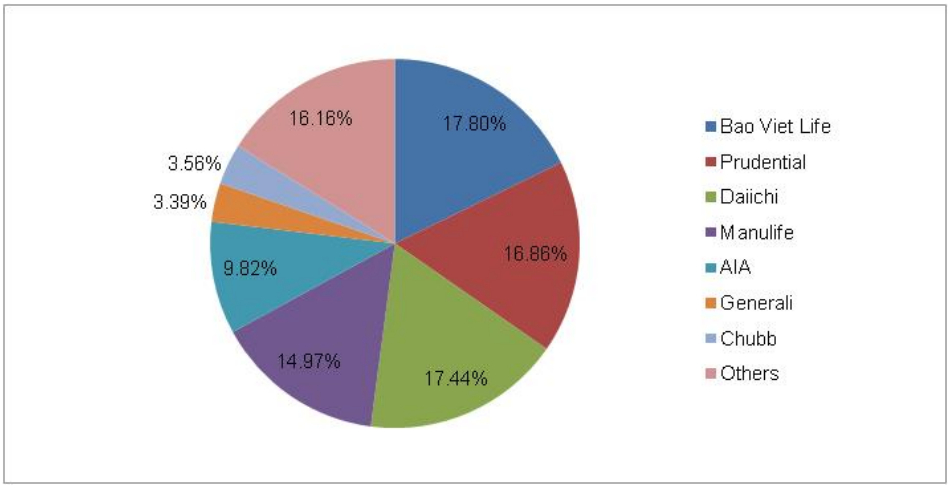

Figure 6. Premium Income and Sum Assured of New Business by Insurance Type in FY 2018

6A. Premium Income of New Business by Insurance Type in FY 2018

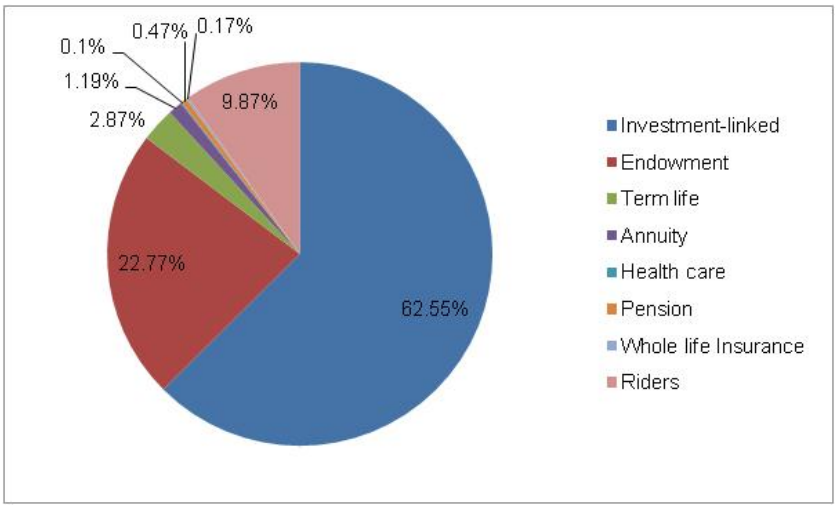

Total premium of new life business is VND 29,608 billion, rose by 31.26% from the year of 2017. The premium of main insurance policies and riders accounted for 90.13% and 9.87% of the total. For main life insurance policies,the premium of investment-linked products policies took up the highest premium proportion which was 62.55% of the total market premiums in term of new business, followed by Endowment products' premium which was 22.77% of the total market premium. The third one was term life's premium occupied 2.87% of the total market premium. The other main life insurance products' premium was only 1.94% of the total market premium.

6B. Sum Assured of New Business by Insurance Type in FY 2018 (*)

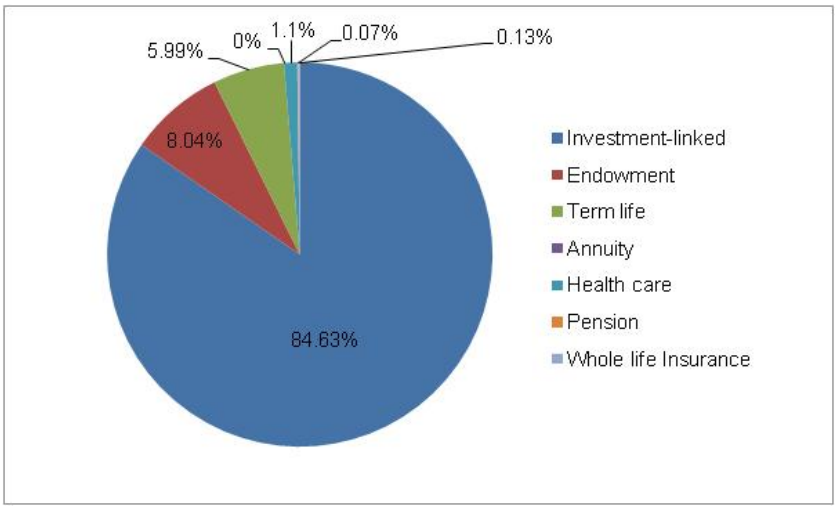

(*) Total of sum assured do not include riders

Sum assured of investment-linked products had the highest proportion which was 84.63% of the total market sum assured in term of new business, followed by endowment products' sum assured which was 8.04% of the total market sum assured. The third one was term life insurance sum assured occupied 5.99% of the total market sum assured. The other life insurance business products' sum assured was 1.34% of the total market sum assured.

4.2. Business In-force

In 2018, the life insurance industry held a total of 8,900,880 in-force policies, increased by 16.26% over the previous year. The number of individual insurance policies was 8,677,490; the number of group insurance policies was 421(corresponding to 223,390 members).

Table 7. Business In-force by Insurance Type in FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

Classification	Number of Policies		Sum assured		Premium income	
	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018
Whole life Insurance	55,645	59,169	4,975	5,742	165	198
Pure Endowment	852	673	43	36	5	4
Term life	728,386	952,172	64,897	78,500	775	1,110
Endowment	3,966,952	4,042,926	338,237	360,916	29,660	32,733
Annuity	19,938	16,846	415	383	523	492
Investment-linked (*)	2,833,675	3,739,006	1,183,797	1,731,533	28,840	43,221
Pension	31,754	36,751	3,199	3,716	368	478
Health care	18,245	53,337	2,940	11,309	203	38
Riders	12,004,409	16,422,717	840,318	1,177.284	5,577	7,902
Total (**)	**7,655,447**	**8,900,880**	**1,598,504**	**2,192,135**	**66,115**	**86,176**

(*) Investment-linked includes Unit linked and Universal linked
(**)Total number of Policies and Total of sum assured do not include riders

Figure 7. Business In-force by Insurance Type in FY 2018

7A. Premium Income of Business In-force by Insurance Type in FY 2018

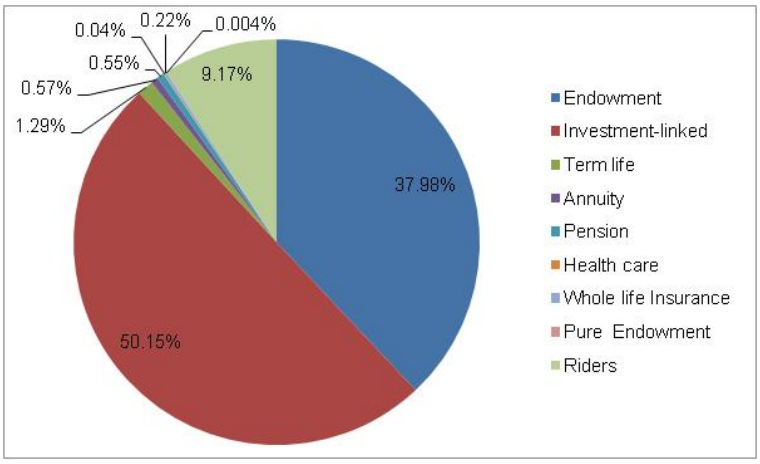

Total in-force business premium achieved VND 86,176 billion, increased by 30.34% compared to 2017. The premium of main in-force insurance policies and riders accounted for 90.83% and 9.17% of the total. For main life insurance policies, investment-linked products insurance took up the highest proportion (50.15%), followed by endowment (37.98%), the third one was term life products' premium occupied 1.29% of the total market premium. The other life insurance products' premium was 1.41% of the total market premium.

7B. Sum Assured of Business In-force by Insurance Type in FY 2018 (*)

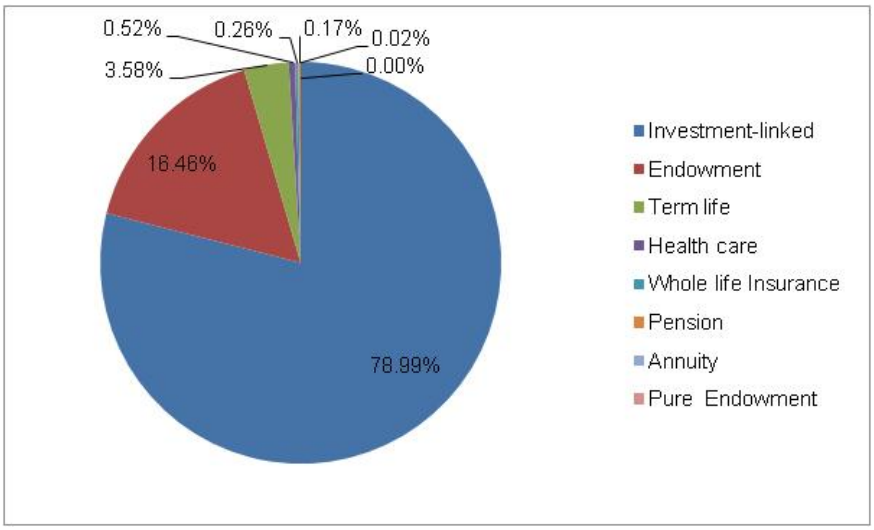

(*) Sum assured of business in-force policies in figure 7B does not include riders

The sum assured of investment-linked products took up the highest proportion which was 78.99% of the total market sum assured in term of in-force business, followed by Endowment products' sum assured which was 16.46% of the total market sum assured. The third one was term life products' sum assured which was 3.58% of the total market sum assured. The other life insurance products' sum assured was 0.97% of the total market sum assured.

Figure 8. Market Share of Business In-force in FY 2018

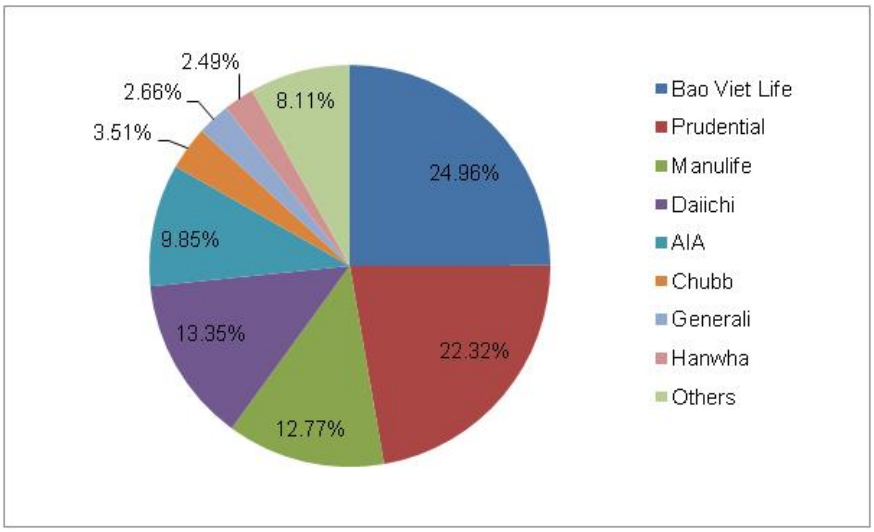

In FY 2018, the ranking of premium income market share of in-force business as follows: Bao Viet life (24.96%), Prudential (22.32%), Dai-ichi (13.35%), Manulife (12.77%), AIA (9.85%), Chubb life (3.51%), Generali (2.66%), Hanwha life (2.49%), the others' market share was 8.11%.

4.3. Insurance payouts

In FY 2018, life insurers paid out sums assured of VND 19,455 billion (benefits paid of VND 7,915 billion, cash surrender value of VND 4,702 billion and maturity benefit payment of VND 6,838 billion). The payouts mostly related to endowment and investment-linked policies.

Table 8. Insurance Payouts FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

Classification	Benefits paid		Cash Surrender value		Maturity benefit Payment		Total	
	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018	FY 2017	FY 2018
Whole life Insurance	34	21	52	50	-	0	86	71
Pure Endowment	0	0	0	1	5	6	6	7
Term life	61	97	17	14	175	184	253	296
Endowment	2,680	3,695	1,865	2,214	6,352	6,614	10,896	12,522
Annuity	5	1	239	454	-	-	244	455
Investment-linked (*)	2,425	3,270	1,364	1,961	11	19	3,800	5,250
Pension	11	22	3	8	8	14	23	45
Health care	89	2	0	-	-	-	89	2
Riders	550	807	0	0	-	-	550	807
Total	**5,855**	**7,915**	**3,541**	**4,702**	**6,552**	**6,838**	**15,947**	**19,455**

(*) Investment-linked includes Unit linked and Universal linked

4.4. Technical Reserves

Thanks to the steady growth of premium income and business expansion, technical reserves have risen corresponding to their liabilities committed to policyholders and meeting statutory solvency requirements. At the end of FY 2018, total technical reserves were accumulated to VND 219,628 billion, increased by 29.86% compared to FY 2017.

Table 9. Technical Reserves FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

Technical Reserves	Extracted technical reserve in the year		Growth rate	Total accumulated technical reserve		Growth rate
	FY 2017	FY 2018		FY 2017	FY 2018	
Mathematical Reserves	40,181	47,269	19.1%	151,785	199,054	31%
Unearned Premium Reserves	292	307	5.2%	1,042	1,350	29%
Dividend Reserves	731	1,303	83.2%	14,205	15,508	9%
Claim Reserves	204	413	85.0%	1,071	1,484	39%
Contingency Reserves	21	34	58.2%	264	298	13%
Guarantee Interest Rate Reserves	211	1,179	398.9%	754	1,934	156%
Total	**41,640**	**50,505**	**22.0%**	**169,123**	**219,628**	**30%**

5. REINSURANCE BUSINESS PERFORMANCE

In FY 2018, total net retained premiums were VND 116,362 billion (increased by 22.04% compared to FY 2017), in which, net retained non-life premiums were 31,742 billion (account for 67.6% non-life premium), net retained life premiums were 84,620 billion (account for 98.19% life premium). Reinsurance was mainly with non-life business with the proportion of 90.73% total premiums reinsured of the industry.

Table 10. Reinsurance Performance Business for the period FY 2014 - FY 2018

Unit: VND billion

	FY 2014	FY 2015	FY 2016	FY 2017	FY 2018
Written premium income	**55,877**	**70,162**	**87,364**	**107,709**	**133,133**
Non-life business	27,522	31,891	36,866	41,594	46,957
Life business	28,355	38,271	50,497	66,114	86,176
Reinsurance premiums	**8,422**	**9,066**	**10,282**	**12,474**	**16,770**
Non-life business	8,169	8,700	9,758	11,516	15,215
Life business	253	366	524	958	1,555
Net retained premiums	**47,455**	**61,096**	**77,081**	**95,347**	**116,362**
Non-life business	19,353	23,191	27,108	30,079	31,742
Life business	28,102	37,905	49,973	65,268	84,620

Figure 9. Net Retained Premiums by Line of Business in FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

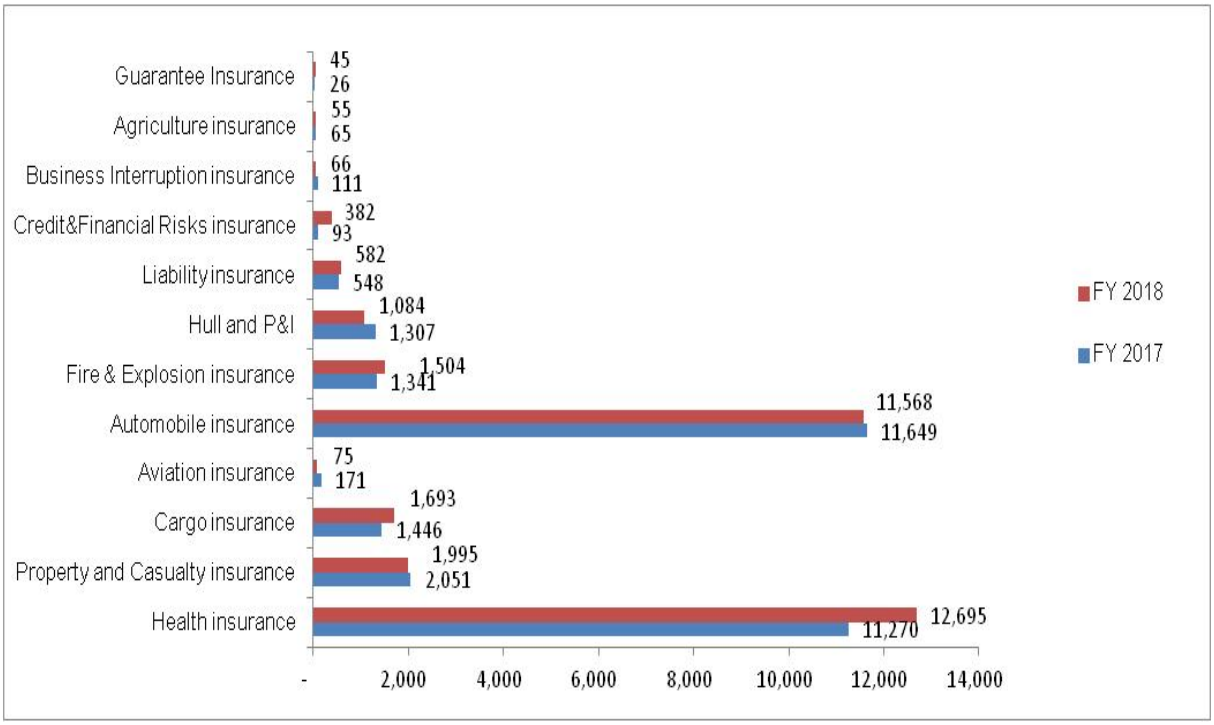

Figure 10. Retention Rate by Line of Business in FY 2018

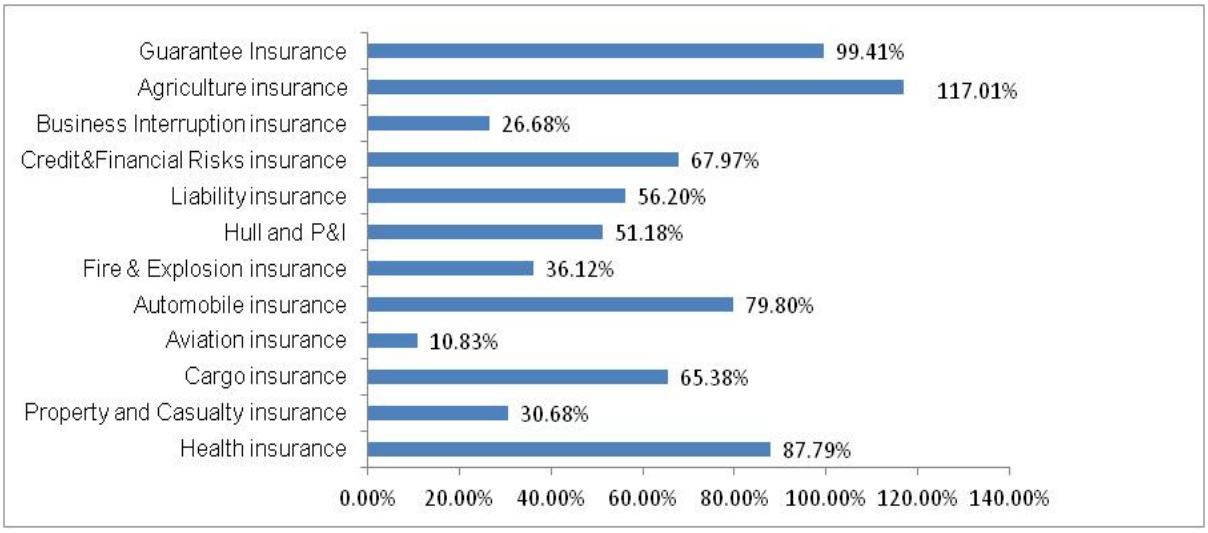

For large risks in the lines of Aviation insurance, Business Interruption insurance, Credit and Financial risks insurance, Property and Casualty insurance, Fire & Explosion insurance, non-life insurers used reinsurance as an effective tool of risk transfer.

For other lines of business with small exposures such as Guarantee Insurance, Agriculture insurance, Health insurance, almost written premiums were not ceded outward. In which, the highest retention rate was Agriculture insurance (117.01%), followed by Guarantee Insurance (99.41%) and Health insurance (87.79%).

Figure 11. Distribution of Net Retained Premiums by Line of Business in FY 2018

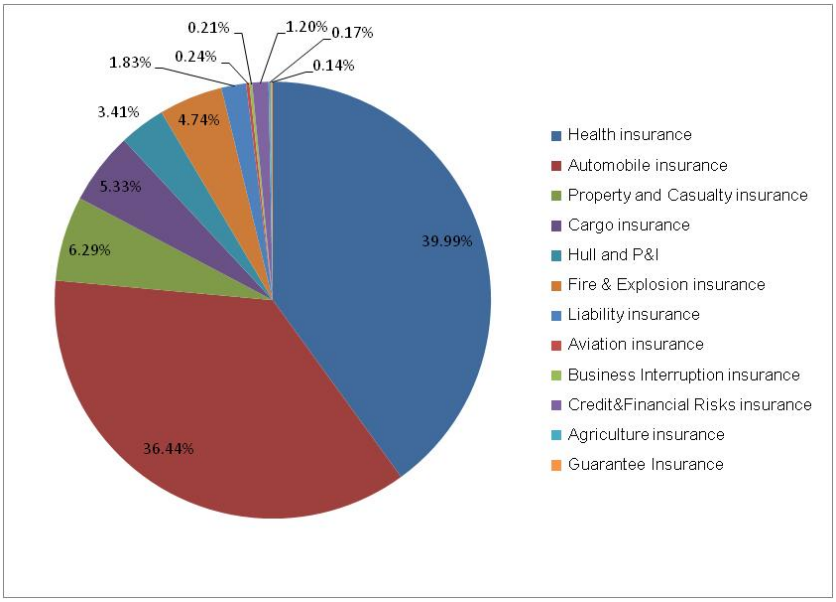

In the distribution of net retention premiums by lines, the highest proportion rate was Health insurance accounted for 39.99%, followed by Automobile insurance 36.44%, Property, and Casualty insurance 6.29%, Cargo insurance 5.33%, Fire & Explosion insurance 4.74%... The other lines which had low market shares were Guarantee Insurance 0.14%, Agriculture insurance 0.17%, Business Interruption insurance 0.21%, Aviation insurance 0.24% and Credit & Financial risks insurance 1.20%.

6. INVESTMENTS

A mid-term and long - term investment fund for the economy have been established by the industry. The total amount invested for the industry was VND 324,251 billion by the end of FY 2018, increased by 30.2% compared to FY 2017. Investment activities of insurers have been improved under the criteria of effectiveness, efficiency, safety, and liquidity such as setting up joint ventures, joint stock companies, providing loans, project financing, purchasing government bonds, corporate shares, or making deposits, etc. The investment portfolio of the insurance industry in FY 2018 was as follows: Deposits 39.86%, Government bonds, Government-guaranteed bonds and local government bonds 46.07%, Corporate share, Fund certificate and Unsecured bonds 6.99%.

Table 11. Investment Portfolio of the Industry in FY 2018

Unit: VND billion

Classification	Life	Non-life	Total	Portfolio
Deposits	98,651	30,601	129,253	39.86%
Government Bonds, Government-guaranteed bonds, and local government bonds	145,732	3,647	149,379	46.07%
Secured Corporate bonds	9,742	581	10,323	3.18%
Corporate share, Fund certificate, Unsecured bonds	18,771	3,899	22,671	6.99%
Capital contributions	412	2,824	3,236	1.00%
Real Estate	45	614	659	0.20%
Loans	7,373	0	7,373	2.27%
Investment Trust	0	542	542	0.17%
Others	673	143	816	0.25%
Total	**281,400**	**42,851**	**324,251**	**100%**

Figure 12. Investment Portfolio of the Insurance Industry in FY 2018

Unit: VND billion

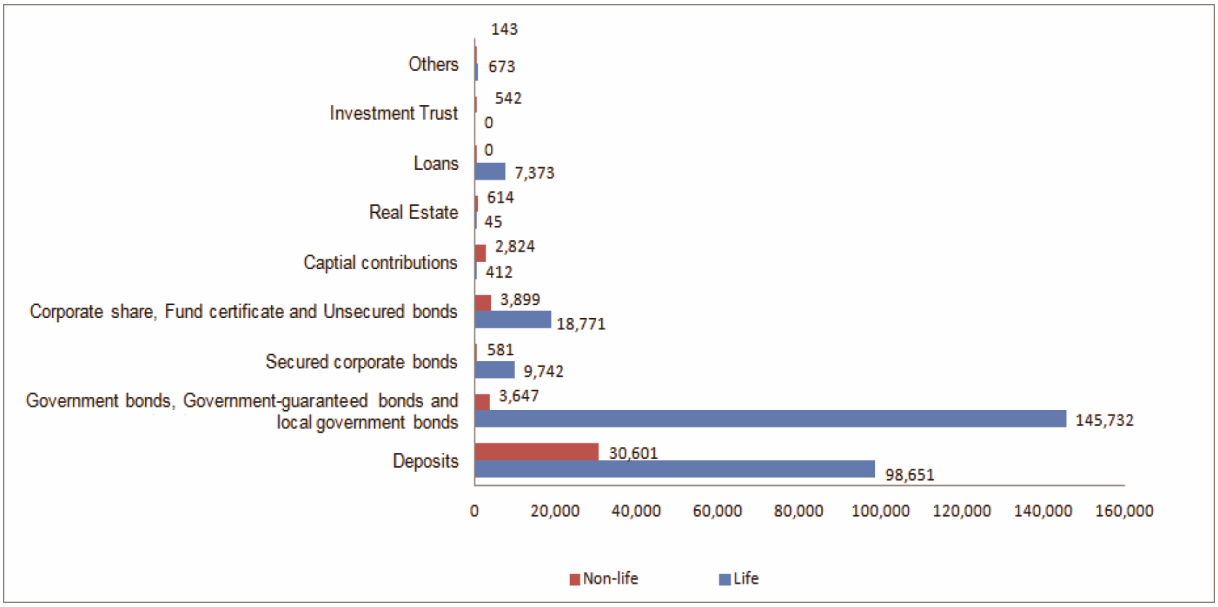

Figure 13. Investment Portfolio of Insurance Companies in FY 2018
13A. Investment portfolio of Life Insurance Companies

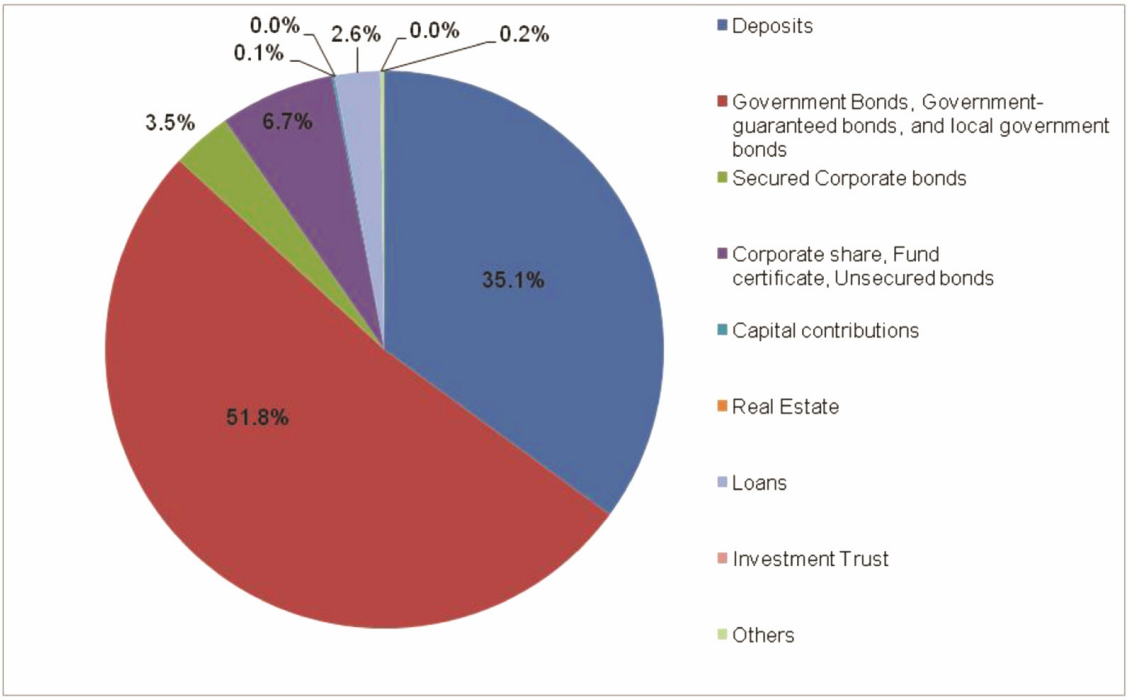

13B. Investment Portfolio of Non-life Insurance Companies

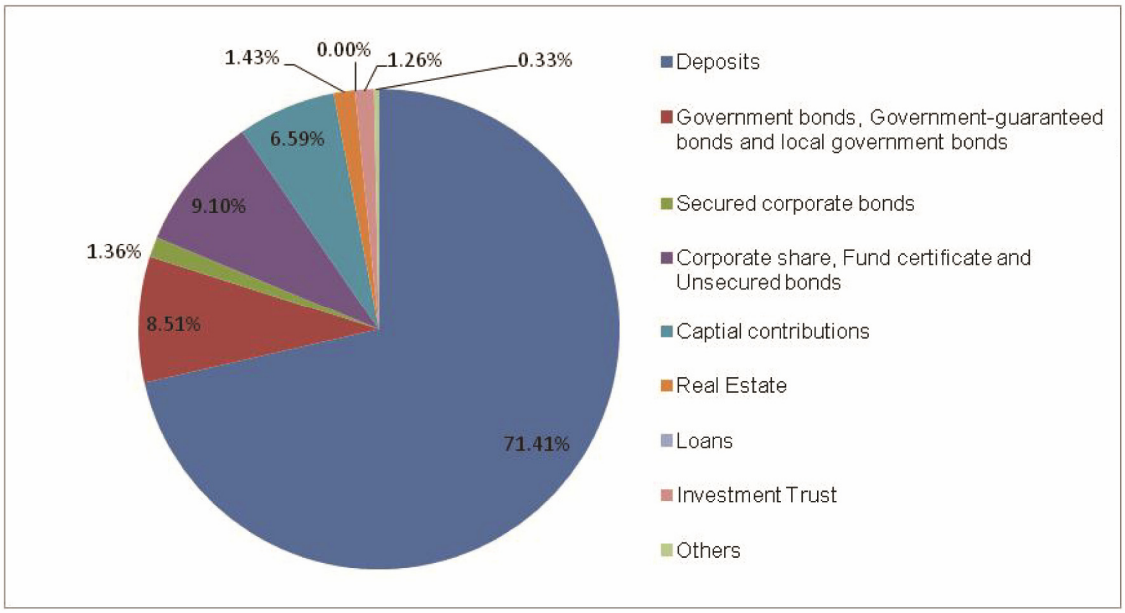

7. INSURANCE INTERMEDIARIES PERFORMANCE

7.1. Insurance Brokerage

In FY 2018, total premiums (including written premium and reinsurance premium) arranged through the brokerage channel were VND 9,894 billion (increased by 2.6% compare to FY 2017), of which total written premium arranged by insurance brokers was VND 5,036 billion accounted 50.9% (increased by 11.94%) and total insurance ceded outward arranged by insurance brokers was VND 4,858 billion, accounted 49.1%

(decreased by 5.49%). The total premiums (including written premium and reinsurance premium) accounted 21.06% of total gross written premiums of the non-life sector. The written premium arranged by brokerage accounted 10.71% of total gross written premiums of the non-life sector.

Insurance brokerage activities have done with all lines of business and mainly focus on the Non-life insurance sector (82.6%), followed by the Health insurance sector (17.3%), however, the life insurance sector is small (0.04%). The premiums largely came from Property and Casualty insurance (62.5%) and Health care products (16.6%). Compared to FY 2017, most of the key lines of business achieved high growth rate such as Personal Accident Insurance of Health Insurance (95.2%), Fire & Explosion insurance (51.2%), Business Interruption insurance (30.8%), Credit and Financial Risks insurance (23.6%)

However, in terms of absolute value, lines of business achieved a high growth rate in brokerage premiums was Property and Casualty insurance (increased by VND 259.2 billion), Fire & Explosion insurance (increased by VND 91.4 billion), Credit & Financial Risks insurance (increased by VND 42.3 billion). Some business lines that have a brokerage premiums reduction compared to 2017 were Aviation insurance (decreased by VND 179.2 billion), Hull and P&I (decreased by VND 94.2 billion), General Liability insurance (decreased by VND 28.4 billion).

Figure 14. Insurance premiums arranged by insurance brokers in FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

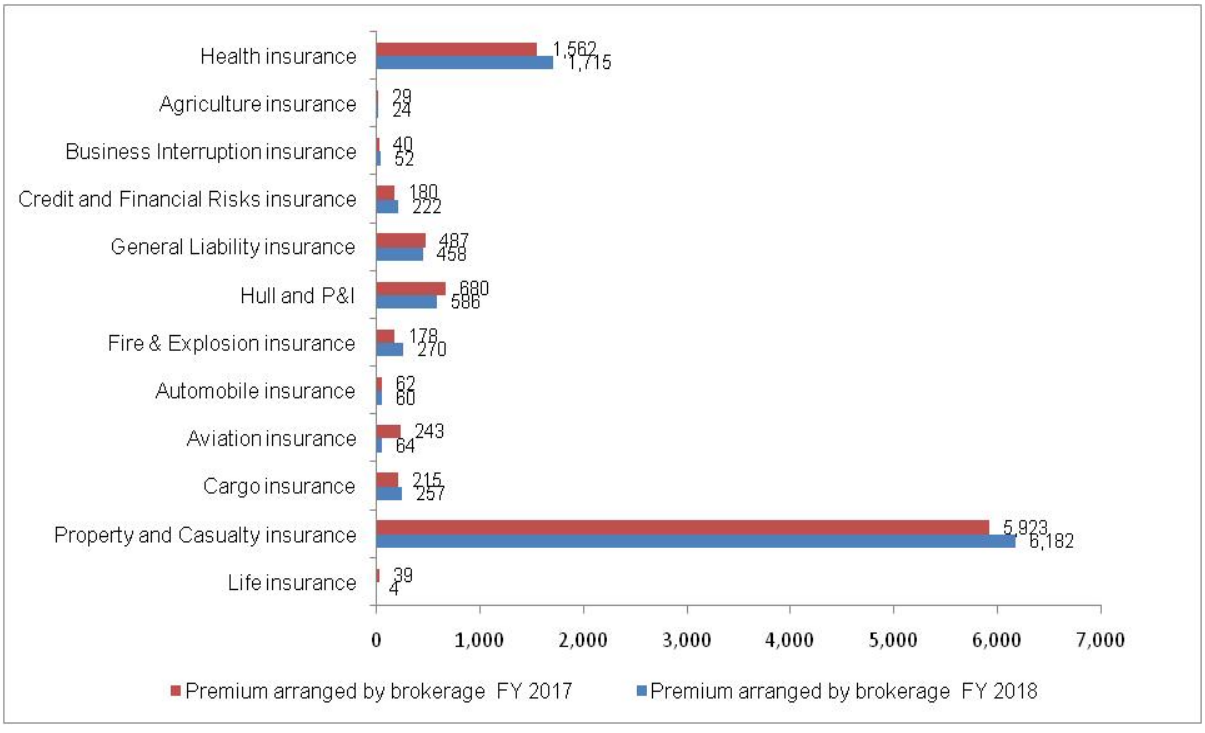

The market was still highly concentrated on the 4 foreign invested companies which account for 95.07% total premiums arranged by brokerages. They were Marsh, Aon, Gras Savoye Willis and Jardine Lloyd Thompson, and 9 other brokers only had a small contribution to premium as of 4.93%,

Figure 15. Insurance premium market share by broker companies in FY 2018

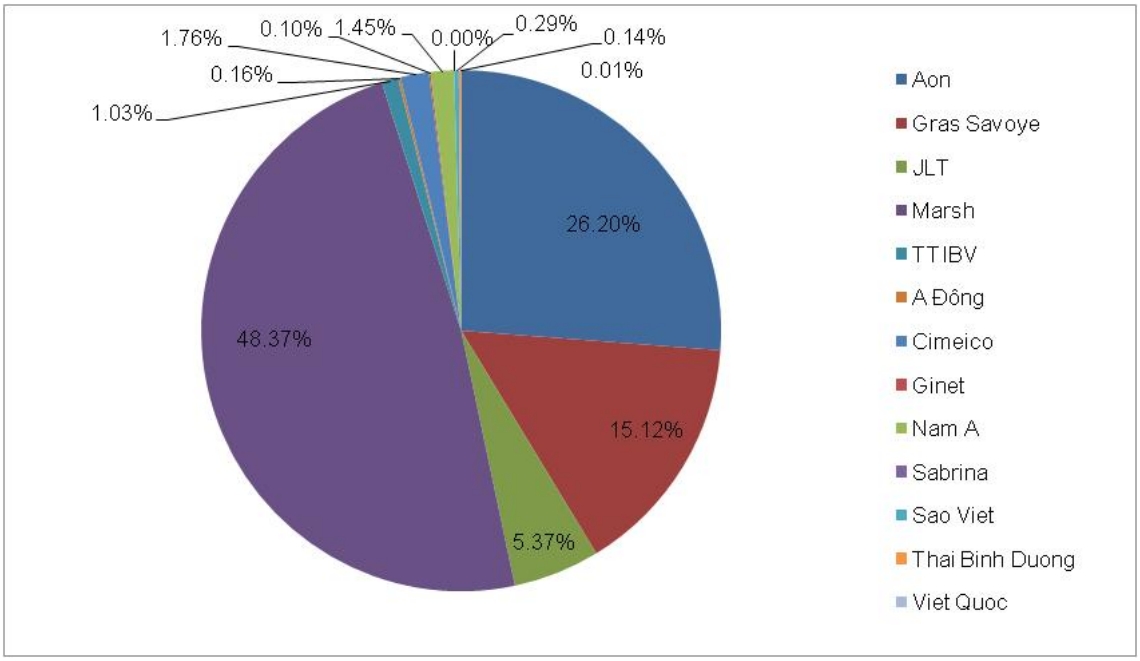

In FY 2018, total insurance brokerage commissions were VND 681.7 billion, increased by 19% compared to FY 2017, of which written insurance brokerage commissions achieved VND 569.6 billion (increased by 16.38% compared to FY 2017), reinsurance commissions achieved VND112.1 billion (increased by 34.5% compared to FY 2017), The percentage of insurance brokerage commission compared with total premium was 6.9%, in which percentage of written insurance brokerage commissions was 11.3% and percentage of reinsurance commissions was 2.3%.

Figure 16. Insurance Brokerage commissions by line of business in FY 2017 - FY 2018

Unit: VND billion

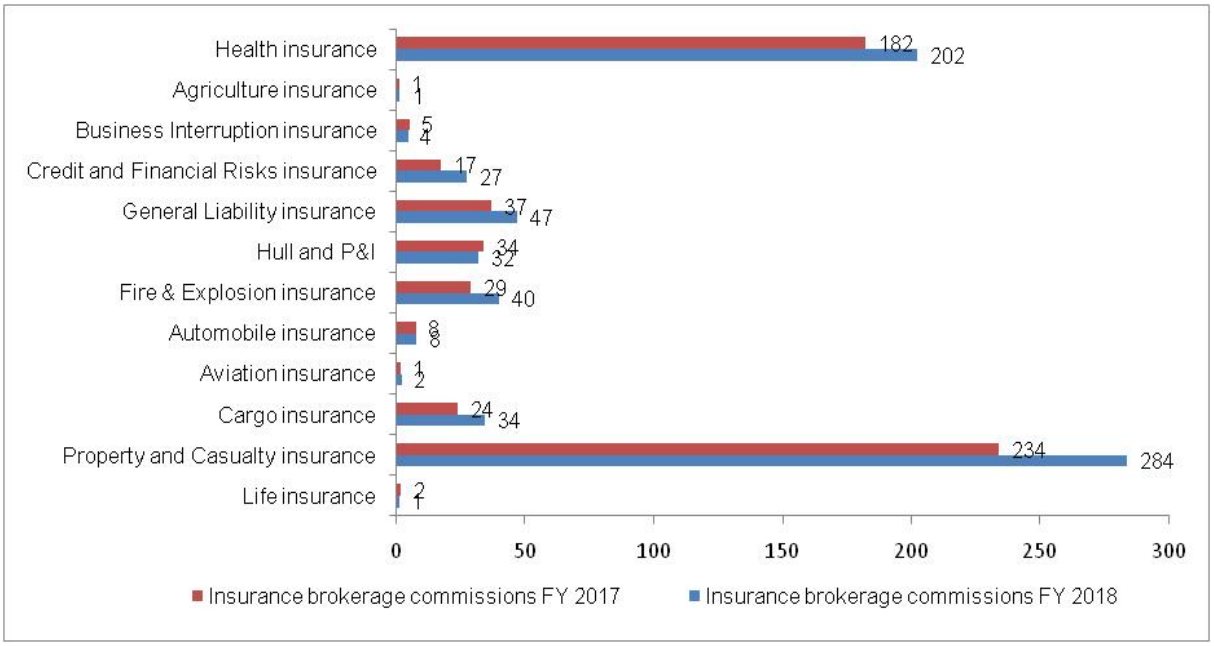

7.2. Insurance Agents

In FY 2018, the number of insurance agents reached 899,071, increased by 20.88% compared to the previous year, in which, Life insurance agents were 760,723, increased by 21.32% and non - life insurance agents were 138,348, increased by 18.51% compared to FY 2017.

Table 12. Numbers of Active Insurance Agents as of 31st Dec 2018

Insurers	Individual Agents	Agency Organization		Total number of individual agents (including individual agents belong to Agency Organization)	Proportion	Growth rate
		Number of Agency Organization	Individual agents belong to Agency Organization			
Life	474,882	502	285,841	760,723	84.61%	21.32%
Non- life	98,126	2,198	40,222	138,348	15.39%	18.51%
Total	**573,008**	**2,700**	**326,063**	**899,071**	**100%**	**20.88%**

Figure 17. Insurance agents FY 2017 - FY 2018

Unit: An agent

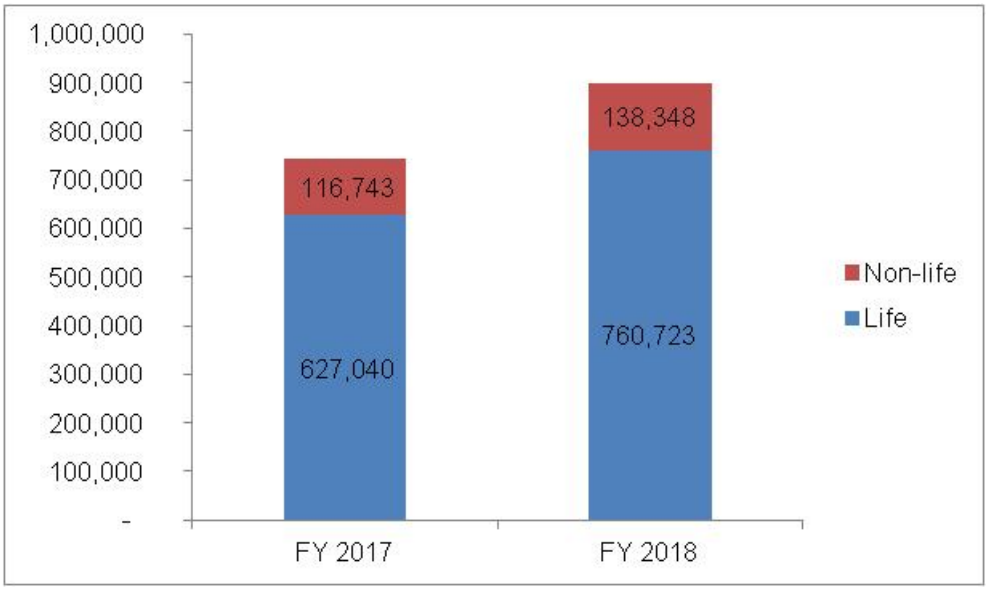

APPENDIX 1. LIST OF INSURERS AND INSURANCE BROKERS 2018

No.	Insurance company	Year of Establishment	Charter Capital (VND bil.)
NON - LIFE INSURANCE COMPANY: 31			
1	Bao Viet Insurance Corporation (Bao Viet)	1964	2,600
2	Bao Minh Insurance Corporation (Bao Minh)	1994	914
3	Petrolimex Insurance Corporation (Pjico)	1995	887
4	Bao Long Insurance Corporation (Bao Long)	1995	600
5	PVI Insurance Corporation (PVI)	1996	2,600
6	Bao Viet Tokio Marine Insurance Company Limited (BVTM)	1996	300
7	United Insurance Company of Vietmam (UIC)	1997	300
8	Post - Telecommunication Join Stock Insurance Corporation (PTI)	1998	804
9	Groupama Vietnam General Insurance Company Limited (Groupama)	2001	389
10	Vietinbank Insurance Joint Stock Corpration (VBI)	2002	500
11	Samsung Vina Insurance Company Limited (Samsung Vina)	2002	500
12	Vien Dong Joint Stock Assurance Company Ltd (VASS)	2003	500
13	BIDV Insurance Corporation (BIC)	2005	1,173
14	AAA Assurance Corporation (AAA)	2005	1,123
15	AIG Vietnam Insurance Company Limited (AIG)	2005	1,126
16	QBE Insurance (Vietnam) Co.,Ltd (QBE)	2005	300
17	Agriculture Bank Insurance Joint-Stock Corporation (ABIC)	2006	380
18	Global Insurance Corporation (GIC)	2006	400
19	Phu Hung Joint Stock Insurance Company (PAC)	2006	449
20	Liberty Insurance Limited (Liberty)	2006	1,204
21	Chubb Insurance Company Limited (Chubb)	2006	337
22	Military Insurance Corporation (MIC)	2007	840
23	Vietnam National Aviation Insurance Corporation (VNI)	2008	800
24	Sai Gon - Ha Noi Insurance Corporation (BSH)	2008	1,000
25	Hung Vuong Assurance Corporation (BHV)	2008	300
26	MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited) (MSIG)	2008	300
27	Fubon Insurance Vietnam Co., Ltd (Fubon)	2008	500
28	XuanThanh Insurance Joint Stock Corporation (Xuan Thanh)	2009	680
29	Cathay Insurance (Vietnam) Co., Ltd (Cathay)	2010	534
30	OPES Insurance Joint Stock company (OPES)	2018	300
31	Seoul Guarantee Insurance Company - Ha Noi Branch Office (SGI)	2014	600
LIFE INSURANCE COMPANY: 18			
32	Bao Viet Life Corporation. (BVL)	2004	3,000
33	Prudential Vietnam Assurance Private Limited (Prudential)	1999	4,125
34	Manulife (Viet tnam) Limited (Manulife)	1999	9,695
35	AIA (Vietnam) Life Insurance Company Limited (AIA)	2000	3,224

No.	Insurance company	Year of Establishment	Charter Capital (VND bil.)
36	Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited (Chubb Life Vietnam)	2005	1,384
37	Mirae Asset Prévoir Life Insurance Company Limited (MAP Life)	2005	2,158
38	Dai-ichi Life Insurance Company of Viet Nam, Ltd. (Dai-ichi Life Vietnam)	2007	7,698
39	Cathay Life Insurance Vietnam Co,. Ltd (Cathay life)	2007	6,121
40	FWD Vietnam Life Insurance Company Limited (FWD Vietnam)	2007	2,811
41	Hanwha Life Insurance Company Limited (Vietnam) (Hanwha Life Vietnam)	2008	4,891
42	Vietcombank - Cardif Life Insurance Co., Ltd. (VCLI)	2008	600
43	Fubon life Insurance (Vietnam) Co., Ltd (Fubon Life)	2010	1,400
44	Generali Vietnam Life Insurance Limited Liability Company (Generali Life)	2011	4,853
45	Aviva Vietnam Life Insurance Company Ltd, (Aviva)	2011	2,557
46	Sun Life Vietnam Insurance Company Limited. (Sun Life)	2013	1,870
47	Phu Hung Life Insurance Joint Stock Company (PHL)	2013	1,058
48	BIDV MetLife Life Insurance Liability Limited Company (BIDV MetLife)	2014	1,000
49	MB Ageas Life Insurance Company Limited (MB Ageas Life)	2016	1,500
PROFESIONAL REINSURER: 2			
50	VietNam National Reinsurance Corporation (VINARE)	1994	1,311
51	PVI Reinsurance Joint Stock Corporation (PVI Re)	2011	728
INSURANCE BROKERS: 14			
52	Aon Vietnam Limited	1993	8
53	Viet Quoc Insurance Broker Joint Stock Company	2001	8
54	A Dong Joint Stock Insurance Broker	2003	11
55	Dai Viet Insurance Broker Joint Stock Company (*)	2003	6
56	Gras Savoye Willis Vietnam Co., Ltd.	2003	8
57	Marsh Vietnam Insurance Broking Company LTD	2004	9
58	Pacific Insurance Broker Joint Stock Company	2005	31
59	Cimeco Insurance Broker Joint Stock Company	2006	30
60	Sao Viet Broking Joint - Stock Company	2008	4
61	Jardine Lloyd Thompson Limited	2008	45
62	Nam A Joint stock Insurance Broker Company	2010	10
63	Toyota-Tsusho Insurance Broker (Vietnam) Corporation	2011	12
64	Sabrina Insurance Broker	2016	8
65	Ginet Insurance Broker	2017	4

(*) The company has closed (it has been in dissolution process)

APPENDIX 2. REPRESENTATIVE OFFICES OF FOREIGN INSURANCE COMPANIES AND INSURANCE BROKER COMPANIES 2018

No.	Reperesentative Office	Country	Year of Establishment	Location
I	**NON LIFE INSURANCE R.O.: 10**			
1	KB Insurance Co, Ltd (*)	South Korea	1995	Hanoi
2	KB Insurance Co, Ltd (*)	South Korea	2001	Ho Chi Minh city
3	Hyundai Marine & Fire Insurance Co.,Ltd	South Korea	1996	Ho Chi Minh city
4	Hyundai Marine & Fire Insurance Co.,Ltd	South Korea	2016	Hanoi
5	Korea Trade Insurance Corporation	South Korea	2004	Ho Chi Minh city
6	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc (**)	Japan	2005	Hanoi
7	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc (**)	Japan	2006	Ho Chi Minh city
8	Allianz SE	Germany	2006	Hanoi
9	Chevalier Insurance Co., Ltd	Hong Kong	2006	Ho Chi Minh city
10	AmTrust Europe Limited	UK	2012	Ho Chi Minh city
II	**LIFE INSURANCE R.O.: 7**			
11	Nan Shan Life Insurance Co., Ltd	Chinese Taiwan	2005	Hanoi
12	Shin Kong Life Insurance Co., Ltd	Chinese Taiwan	2006	Hanoi
13	Taiwan Life Insurance Co.,Ltd	Chinese Taiwan	2006	Hanoi
14	AXA SA	France	2007	Hanoi
15	Samsung Life Insurance Co., Ltd	South Korea	2008	Hanoi
16	Shinhan Life Insurance Co., Ltd.	South Korea	2015	Hanoi
17	Sumitomo Life Insurance Company	Japan	2011	Hanoi
III	**REINSURANCE R.O.: 1**			
18	Asia capital reinsurance group pte. Ltd	Singapore	2012	Ho Chi Minh city
IV	**INSURANCE BROKER R.O.: 3**			
19	Malakut Insurance Brokers CJSC	Russia	2006	Hanoi
20	Alexander Leed Risk Services	Chinese Taiwan	2008	Ho Chi Minh city
21	Globaleye Insurance brokerage	Dubai	2014	Ho Chi Minh city

(*) Before known as LIG insurance Co., Ltd.

(**) Before known as Nipponkoa Insurance Co., Ltd and Sompo Japan Insurance Inc.

APPENDIX 3. GROSS WRITTEN PREMIUM, MARKET SHARE AND CLAIM PAYMENTS/INSURANCE PAYOUTS 2017 - 2018

Unit: VND million

No	Insurance Company	Gross written Premium		Market share		Claim payments/Insurance Payouts	
		2017	2018	2017	2018	2017	2018
NON - LIFE INSURANCE COMPANY							
1	Bao Viet	8,050,895	9,852,923	19.36%	20.98%	3,690,699	5,420,595
2	Bao Minh	3,395,911	3,547,815	8.16%	7.56%	1,424,227	1,551,387
3	Pjico	2,611,656	2,809,333	6.28%	5.98%	1,340,731	1,298,390
4	Bao Long	892,991	1,020,029	2.15%	2.17%	331,211	435,365
5	PVI	6,689,425	6,873,764	16.08%	14.64%	2,679,624	3,829,284
6	BVTM	452,367	538,926	1.09%	1.15%	239,759	213,392
7	UIC	814,725	629,103	1.96%	1.34%	539,498	359,107
8	PTI	3,206,372	4,159,480	7.71%	8.86%	1,622,309	1,640,911
9	Groupama	25,505	816	0.06%	0.00%	12,454	9
10	VBI	889,912	1,475,885	2.14%	3.14%	299,893	462,077
11	Samsung Vina	1,083,330	1,230,341	2.60%	2.62%	248,937	133,251
12	VASS	2,573,375	2,732,197	6.19%	5.82%	101,803	109,201
13	BIC	1,842,742	2,072,302	4.43%	4.41%	723,267	887,355
14	AAA	242,752	241,373	0.58%	0.51%	65,505	70,566
15	AIG	406,127	383,265	0.98%	0.82%	110,323	71,112
16	QBE	198,238	212,166	0.48%	0.45%	17,871	64,930
17	ABIC	1,235,111	1,413,431	2.97%	3.01%	333,521	339,390
18	GIC	1,151,018	1,235,534	2.77%	2.63%	254,564	253,976
19	PAC	115,769	85,750	0.28%	0.18%	94,973	63,961
20	Liberty	565,870	596,883	1.36%	1.27%	272,320	258,529
21	Chubb	154,192	168,825	0.37%	0.36%	9,294	16,458
22	MIC	1,920,810	1,924,850	4.62%	4.10%	552,598	637,298
23	VNI	637,713	902,616	1.53%	1.92%	175,756	282,502
24	BSH	603,347	880,160	1.45%	1.87%	228,237	406,160
25	BHV	278,708	138,128	0.67%	0.29%	88,634	100,562
26	MSIG	679,126	792,195	1.63%	1.69%	241,115	607,858

No	Insurance Company	Gross written Premium		Market share		Claim payments/Insurance Payouts	
		2017	2018	2017	2018	2017	2018
27	Fubon	381,111	459,207	0.92%	0.98%	86,025	98,851
28	Xuan Thanh	266,525	286,531	0.64%	0.61%	96,815	101,369
29	Cathay	203,618	247,249	0.49%	0.53%	59,374	86,053
30	OPES	0	407		0.00%	0	0
31	SGI	25,243	45,375	0.06%	0.10%	436	7,612
	Sub total	**41,594,485**	**46,956,860**	**100%**	**100%**	**15,941,774**	**19,807,512**
LIFE INSURANCE COMPANY							
32	Bao Viet Life	17,471,776	21,507,292	26.43%	24.96%	4,771,796	6,009,110
33	Prudential	16,212,529	19,231,466	24.52%	22.32%	6,260,918	6,703,385
34	Manulife	8,014,007	11,002,910	12.12%	12.77%	1,695,127	2,218,686
35	AIA	6,294,992	8,492,046	9.52%	9.85%	1,084,715	1,315,530
36	Chubb	2,594,190	3,020,744	3.92%	3.51%	313,498	424,284
37	Map Life	468,427	405,431	0.71%	0.47%	207,121	335,717
38	Daiichi	8,052,575	11,502,088	12.18%	13.35%	835,068	1,229,201
39	Cathay	458,777	691,733	0.69%	0.80%	39,796	68,199
40	FWD	287,667	758,172	0.44%	0.88%	4,185	27,796
41	Hanwha	1,533,894	2,141,676	2.32%	2.49%	138,714	235,530
42	VCLI	276,162	429,535	0.42%	0.50%	12,710	20,176
43	Fubon	59,470	85,043	0.09%	0.10%	3,345	10,621
44	Generali	1,954,901	2,292,386	2.96%	2.66%	304,214	389,310
45	Aviva	969,798	1,456,831	1.47%	1.69%	17,938	58,990
46	Sun Life	567,052	770,426	0.86%	0.89%	229,888	358,492
47	Phu Hung Life	131,218	258,855	0.20%	0.30%	5,706	16,368
48	BIDV MetLife	518,948	858,764	0.78%	1.00%	22,058	28,663
49	MB Ageas	248,610	1,270,503	0.38%	1.47%	30	4,505
	Sub Total	**66,114,994**	**86,175,900**	**100%**	**100%**	**15,946,825**	**19,454,565**
	Grand Total	**107,709,478**	**133,132,760**			**31,888,600**	**39,262,076**

APPENDIX 4. FINANCIAL INDICATORS OF INSURANCE COMPANIES 2017 - 2018

Unit: VND million

No.	Insurance company	FY2017			FY2018		
		Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset	Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset
NON - LIFE INSURANCE COMPANY							
1	Bao Viet	8,050,895	2,716,628	12,651,308	9,852,923	2,785,334	15,154,915
2	Bao Minh	3,395,911	2,127,742	5,439,995	3,547,815	2,241,933	5,478,642
3	Pjico	2,611,656	1,467,890	5,019,472	2,809,333	1,489,773	5,360,629
4	Bao Long	892,991	645,878	1,662,028	1,020,029	666,538	1,821,632
5	PVI	6,689,425	2,733,607	13,106,722	6,873,764	2,752,362	13,003,235
6	BVTM	452,367	462,783	1,373,701	538,926	427,631	1,553,845
7	UIC	814,725	440,216	1,564,032	629,103	501,090	1,445,054
8	PTI	3,206,372	1,901,150	5,398,983	4,159,480	1,815,979	6,109,371
9	Groupama	25,505	291,954	335,988	816	289,070	305,190
10	VBI	889,912	613,732	1,697,617	1,475,885	584,028	2,112,346
11	Samsung Vina	1,083,330	910,890	1,809,160	1,230,341	1,035,372	1,949,035
12	VASS	2,573,375	(85,101)	1,008,269	2,732,197	16,491	1,464,877
13	BIC	1,842,742	2,095,148	4,716,494	2,072,302	2,128,219	5,133,418
14	AAA	242,752	151,968	455,141	241,373	430,206	716,402
15	AIG	406,127	408,380	726,512	383,265	448,104	759,871
16	QBE	198,238	350,645	709,200	212,166	380,254	843,882
17	ABIC	1,235,111	657,772	1,791,716	1,413,431	748,680	2,140,107
18	GIC	1,151,018	504,749	2,166,012	1,235,534	523,244	2,012,203
19	PAC	115,769	263,573	408,215	85,750	321,764	430,433
20	Liberty	565,870	577,342	1,245,062	596,883	652,482	1,315,529
21	Chubb	154,192	314,272	549,125	168,825	332,533	573,815
22	MIC	1,920,810	882,824	2,998,819	1,924,850	988,409	3,677,564
23	VNI	637,713	826,218	1,681,938	902,616	816,560	1,940,949
24	BSH	603,347	1,017,329	1,724,855	880,160	1,019,648	2,095,367
25	BHV	278,708	309,862	542,628	138,128	314,659	493,957
26	MSIG	679,126	665,986	1,553,900	792,195	746,149	2,247,903
27	Fubon	381,111	449,134	962,836	459,207	486,791	1,144,428
28	Xuan Thanh	266,525	614,773	900,305	286,531	631,021	973,322
29	Cathay	203,618	438,268	795,257	247,249	457,073	800,953
30	OPES				407	279,220	284,265
31	SGI	25,243	619,301	644,782	45,375	635,427	690,084
	Sub Total	**41,594,485**	**25,374,912**	**75,640,070**	**46,956,860**	**26,946,042**	**84,033,221**
LIFE INSURANCE COMPANY							
32	Bao Viet Life	17,471,776	3,567,566	69,225,012	21,507,292	4,261,253	87,937,116
33	Prudential	16,212,529	5,941,198	74,185,625	19,231,466	8,573,334	90,024,315

No.	Insurance company	FY2017			FY2018		
		Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset	Gross Written Premium	Owner's Equity	Total Asset
34	Manulife	8,014,007	5,611,874	26,343,194	11,002,910	7,413,495	36,365,337
35	AIA	6,294,992	3,713,549	15,412,284	8,492,046	4,168,976	18,757,570
36	Chubb	2,594,190	1,936,612	7,422,036	3,020,744	2,376,672	8,886,323
37	Map life	468,427	891,381	2,520,978	405,431	2,012,783	3,812,837
38	Daiichi	8,052,575	5,747,761	17,637,744	11,502,088	8,068,050	24,042,553
39	Cathay	458,777	3,669,500	5,247,319	691,733	6,159,878	8,687,534
40	FWD	287,667	922,339	1,380,645	758,172	958,717	1,876,182
41	Hanwha	1,533,894	460,914	3,621,507	2,141,676	3,283,113	7,681,168
42	VCLI	276,162	614,564	953,699	429,535	576,601	1,172,528
43	Fubon	59,470	1,250,842	1,421,849	85,043	1,223,835	1,493,715
44	Generali	1,954,901	906,163	3,926,246	2,292,386	1,238,509	6,239,156
45	Aviva	969,798	1,629,815	4,175,232	1,456,831	1,373,452	5,081,113
46	Sun Life	567,052	1,109,834	4,027,857	770,426	1,167,407	4,473,343
47	Phú Hưng	131,218	552,026	692,498	258,855	551,852	754,111
48	BIDV MetLife	518,948	611,173	1,494,278	858,764	522,262	2,140,021
49	MB Ageas	248,610	851,132	1,158,582	1,270,503	944,257	1,899,542
	Sub Total	**66,114,994**	**39,988,242**	**240,846,584**	**86,175,900**	**54,874,445**	**311,324,464**
	GRAND TOTAL	**107,709,478**	**65,363,154**	**316,486,655**	**133,132,760**	**81,820,486**	**395,357,685**
PROFESSIONAL REINSURER							
50	Vinare	1,651,471	2,585,248	6,313,778	1,802,719	2,812,198	6,456,011
51	PVI Re	1,278,110	766,563	3,516,719	1,216,374	842,054	3,796,361
	TOTAL	**2,929,581**	**3,351,811**	**9,830,497**	**3,019,093**	**3,654,252**	**10,252,372**
INSURANCE BROKER							
52	A Dong	1,908	4,241	4,387	2,368	4,145	4,511
53	Aon	192,421	47,790	150,759	215,051	62,681	129,158
54	Cimeico	23,463	29,235	36,021	25,845	28,900	32,580
55	Gras Savoye Willis	159,135	65,851	237,588	185,595	119,818	254,153
56	Jardine Lloyd Thompson	56,445	21,644	49,038	68,690	19,105	59,160
57	Marsh	189,540	113,324	231,448	227,517	57,627	305,974
58	Nam A	23,883	6,458	10,479	20,925	7,335	12,340
59	Sao Viet	4,286	4,098	4,203	4,155	4,095	4,153
60	Thai Binh Duong	2,548	18,668	24,470	0	0	0
61	Toyota Tsusho	12,383	13,889	14,844	14,221	9,848	11,557
62	Viet Quoc	142	7,582	7,896	133	7,288	7,596
63	GINET	0	0	0	1,560	4,051	4,484
64	Sabira	0	0	0	0	6,616	6,642
	TOTAL	**666,154**	**332,781**	**771,132**	**766,059**	**331,509**	**832,308**

APPENDIX 5. TECHINICAL RESERVES 2017 - 2018

Unit: VND million

No.	Insurance company	Total Technical Reserves (as of 12/31/2017)						Total Technical Reserves (as of 12/31/2018)					
		Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/Contigency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total	Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contigency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total
NON - LIFE INSURANCE COMPANY		**13,319,844**		**5,071,884**	**1,514,853**		**19,906,581**	**14,113,953**		**5,628,198**	**1,721,661**		**21,463,813**
1	Bao Viet	3,249,034		1,015,086	23,172		4,287,292	3,327,982		1,485,665			4,813,647
2	Bao Minh	896,928		195,599	97,624		1,190,151	884,767		241,676	77,751		1,204,195
3	Pjico	1,081,929		588,745	261,509		1,932,182	1,141,893		557,116	283,478		1,982,487
4	Bao Long	384,996		197,982	50,513		633,492	344,413		165,484	57,484		567,381
5	PVI	1,403,023		632,998	96,747		2,132,768	1,224,102		670,432	134,463		2,028,997
6	BVTM	59,381		71,413	51,008		181,802	67,967		85,966	58,474		212,407
7	UIC	171,972		123,241	47,705		342,918	91,523		49,905	52,540		193,969
8	PTI	1,121,896		502,387	69,448		1,693,731	1,412,115		549,490	98,161		2,059,765
9	Groupama	45		1,944	3,986		5,975	6		989	3,994		4,989
10	VBI	382,410		144,680	23,572		550,662	726,262		194,474	37,018		957,754
11	Samsung Vina	20,148		27,837	40,165		88,150	24,215		17,066	42,543		83,824
12	VASS	580,066		98,896	151,518		830,480	508,444		98,240	178,253		784,937
13	BIC	729,056		210,230	102,998		1,042,284	863,825		204,359	117,368		1,185,552
14	AAA	131,940		39,588	21,808		193,337	109,655		45,795	22,225		177,675
15	AIG	20,773		20,333	42,876		83,983	14,264		23,556	43,900		81,720

No.	Insurance company	Total Technical Reserves (as of 12/31/2017)						Total Technical Reserves (as of 12/31/2018)					
		Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/Contigency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total	Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contigency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total
16	QBE	62,219		108,321	22,813		193,353	67,848		108,915	24,977		201,740
17	ABIC	711,838		101,732	75,038		888,608	839,362		134,917	88,454		1,062,733
18	GIC	216,255		78,736	7,347		302,338	216,501		63,608	14,357		294,467
19	PAC	10,656		13,103	3,034		26,792	10,018		9,602	3,320		22,940
20	Liberty	277,475		94,945	61,422		433,843	294,531		90,246	67,161		451,939
21	Chubb	45,848		12,751	10,510		69,109	40,502		15,767	12,546		68,815
22	MIC	769,750		361,614	82,552		1,213,915	730,950		375,103	97,000		1,203,053
23	VNI	234,048		98,842	39,631		372,520	336,627		138,453	46,327		521,407
24	BSH	253,519		112,224	23,167		388,910	331,829		104,132	29,538		465,499
25	BHV	128,677		45,408	9,968		184,053	83,448		28,243	11,114		122,805
26	MSIG	112,752		68,091	41,838		222,680	117,623		54,624	50,584		222,832
27	Fubon	62,245		23,433	16,665		102,343	80,523		24,953	21,516		126,992
28	Xuan Thanh	129,891		55,633	28,567		214,090	133,594		59,621	36,649		229,864
29	Cathay	56,319		24,110	5,371		85,800	56,962		24,544	6,830		88,335
30	OPES							14		1	0		15
31	SGI	14,755		1,983	2,282		19,020	32,188		5,255	3,635		41,077
LIFE INSURANCE		**152,827,376**	**14,205,321**	**1,071,453**	**264,128**	**754,267**	**169,122,544**	**200,403,597**	**15,508,371**	**1,484,240**	**297,780**	**1,933,743**	**219,627,731**
32	Bao Viet Life	46,345,844	1,429,375	27,627	74,832	0	47,877,678	60,473,181	1,579,155	40,219	84,493	963,718	63,140,766
33	Prudential	51,218,961	10,552,216	743,829	126,175	718,633	63,359,813	62,616,360	11,296,053	960,037	140,131	804,773	75,817,354

No.	Insurance company	Total Technical Reserves (as of 12/31/2017)						Total Technical Reserves (as of 12/31/2018)					
		Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/Contigency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total	Mathematical/Unearned Premium Reserves	Policy Dividend Reserves	Claim Reserves	Outstanding/ Contigency Reserves	Guarantee Interest Rate Reserves	Total
34	Manulife	16,561,346	1,634,020	75,513	18,951	0	18,289,830	23,822,085	1,874,252	125,189	18,951	0	25,840,477
35	AIA	9,551,982	280,242	82,372	11,038	0	9,925,634	12,608,897	392,273	113,164	16,676	0	13,131,010
36	Chubb	4,619,414	5,678	18,255	11,954	0	4,655,301	5,702,770	6,069	41,405	15,747	0	5,765,991
37	Map Life	1,230,945	0	5,120	761	3,053	1,239,878	1,272,668	0	1,559	975	1,724	1,276,926
38	Dai-ichi	9,862,384	166,779	73,380	12,405	27,423	10,142,371	13,497,407	170,678	122,363	12,794	154,157	13,957,399
39	Cathay	1,512,302	0	1,885	5,163	0	1,519,350	2,441,158	0	3,211	5,163	0	2,449,532
40	FWD	163,284	16,880	1,247	0	0	181,410	469,240	54,490	13,330	0	0	537,060
41	Hanwha	2,771,200	117,436	5,969	117	0	2,894,721	3,883,831	126,996	13,005	117	0	4,023,948
42	VCLI	250,599	2,695	2,883	1,190	0	257,367	510,521	8,405	5,883	1,190	0	525,999
43	Fubon	158,087	0	14	420	0	158,521	250,831	0	236	420	0	251,487
44	Generali	2,483,177	0	28,619	0	0	2,511,796	4,117,210	0	31,987	0	0	4,149,196
45	Aviva	2,189,236	0	2,077	626	773	2,192,712	3,362,794	0	4,591	626	3,278	3,371,289
46	Sun Life	2,784,286	0	977	497	4,380	2,790,140	3,066,549	0	2,383	497	6,076	3,075,505
47	Phu Hung	91,923	0	853	0	5	92,780	111,998	0	1,886	0	17	113,901
48	BIDV MetLife	805,551	0	422	0	0	805,973	1,506,358	0	2,158	0	0	1,508,516
49	MB Ageas	226,855		412			227,267	689,740		1,635			691,375
GRAND TOTAL		**166,147,220**	**14,205,321**	**6,143,337**	**1,778,981**	**754,267**	**189,029,125**	**214,517,551**	**15,508,371**	**7,112,438**	**2,019,441**	**1,933,743**	**241,091,544**

APPENDIX 6. INVESTMENT PORTFOLIO 2018

Unit: VND million

No.	Insurance company	Deposits	Government Bonds	Secured Corporate Bonds	Corporate Shares, Unsecured corporate Bonds	Capital Contribution	Real Estate	Loans	Investment Trusts	Others	Grand Total
NON - LIFE INSURANCE COMPANY		**30,601,498**	**3,647,102**	**580,879**	**3,899,085**	**2,824,001**	**613,644**	**93**	**541,591**	**143,119**	**42,851,012**
1	Bao Viet	3,914,307	2,663,276		494,163	237,465	109,881				7,419,092
2	Bao Minh	1,981,487	30,000		259,951	145,350	59,264			4,880	2,480,932
3	Pjico	2,447,125			261,344	106,559	82,046				2,897,074
4	Bao Long	509,147			135,334				30,000		674,481
5	PVI	4,188,545			473	987,470					5,176,488
6	BVTM	623,611	114,737			3,430					741,778
7	UIC	784,704			7,203						791,907
8	PTI	2,436,083			567,239	448,143	150,061		11,591		3,613,117
9	Groupama	89,000									89,000
10	VBI	698,587			533,591						1,232,178
11	Samsung Vina	862,820									862,820
12	VASS	38,000	1		213,581	721		93			252,395
13	BIC	2,163,468		480,879	615,662	84,660					3,344,669
14	AAA	398,750			29,438	2,250	198,043				628,480

No.	Insurance company	Deposits	Government Bonds	Secured Corporate Bonds	Corporate Shares, Unsecured corporate Bonds	Capital Contribution	Real Estate	Loans	Investment Trusts	Others	Grand Total
15	AIG	439,500									439,500
16	QBE	608,080									608,080
17	ABIC	1,630,617			0						1,630,617
18	GIC	591,500	70,128		36,611	3,331	6,479			3,239	711,289
19	PAC	281,334			9,289		7,870				298,494
20	Liberty	517,526	434,639								952,165
21	Chubb	264,500									264,500
22	MIC	1,057,500		100,000	105,036	128,440			500,000	135,000	2,025,976
23	VNI	294,000			408,779	92,162					794,941
24	BSH	175,100			94,208	584,020					853,328
25	BHV	280,683			77,092						357,776
26	MSIG	1,020,056									1,020,056
27	Fubon	578,771									578,771
28	Xuan Thanh	726,699			90						726,789
29	Cathay	103,078	334,322		50,000						487,400
30	OPES	243,000									243,000
31	SGI	653,916									653,916

		Deposits	Government Bonds, Government-guaranteed bonds and local government bonds	Secured Corporate Bonds	Corporate share, Fund certificate, Unsecured bonds	Capital Contribution	Real Estate	Loans	Investment Trusts	Others	Grand Total
LIFE INSURANCE COMPANY		**98,651,128**	**145,731,997**	**9,742,226**	**18,771,437**	**411,653**	**45,389**	**7,372,827**		**672,882**	**281,399,540**
32	Bao Viet Life	50,575,216	27,901,039	350,000	3,391,184	252,653	45,389	1,363,211		2,106	83,880,798
33	Prudential	10,156,499	62,666,933	2,816,189	2,805,591	25,000		4,270,921			82,741,133
34	Manulife	6,967,434	16,510,785	4,013,715	2,312,110	83,000		658,912		626,481	31,172,437
35	AIA	2,566,164	8,556,152	1,198,337	2,678,913			407,249			15,406,815
36	Chubb	2,114,250	5,553,892		245,000	26,000		143,028			8,082,170
37	Map Life	2,249,710	298,656		600,301						3,148,667
38	Daiichi	5,313,085	11,096,606	249,993	3,196,399	25,000		398,522			20,279,606
39	Cathay	2,550,152	4,452,513		1,196,515			34,245			8,233,424
40	FWD	881,511	419,703		115,000			3,868			1,420,082
41	Hanwha	3,286,445	2,999,259	175,000	428,755			70,370		15,607	6,975,435
42	VCLI	829,769	232,739								1,062,508
43	Fubon	726,854	630,965					2,699			1,360,518
44	Generali	4,191,207	759,825	480,000						25,429	5,456,461
45	Aviva	1,648,000	798,402		1,572,388			15,643			4,034,433
46	Sun Life	1,706,139	1,960,627	408,992						3,259	4,079,017
47	Phu Hung	298,029	255,749		90,000			376			644,154
48	BIDV Met Life	1,214,787	617,824	50,000				3,781			1,886,392
49	MB Ageas	1,375,877	20,330		139,282						1,535,489
	GRAND TOTAL	**129,252,626**	**149,379,099**	**10,323,105**	**22,670,522**	**3,235,654**	**659,033**	**7,372,920**	**541,591**	**816,002**	**324,250,551**

CÁC DOANH NGHIỆP PHI NHÂN THỌ
NONLIFE INSURANCE

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Bà Trần Thị Diệu Hằng
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman

Ông Nguyễn Xuân Việt
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	BaoViet Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm Bảo Việt
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 104 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3826 2614	**Fax:** (024) 3825 7188
Email: bvvn@baoviet.com.vn	**Website:** www.baoviet.com.vn/baohiem
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 45/GP/KDBH ngày 23/11/2007
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Tập đoàn Bảo Việt
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 79 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	3.380
Số lượng đại lý/Number of Agents:	71.254 đại lý cá nhân và 281 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Ông Lê Song Lai
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Lê Văn Thành
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	BaoMinh Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo Minh
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 26 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 3829 4185	**Fax:** (028) 3829 4185
Email: marketing@baominh.com.vn	**Website:** www.baominh.com.vn/ tructuyen.baominh.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 27GP/KDBH ngày 08/09/2004
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước; Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm AXA.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 62 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.678
Số lượng đại lý/Number of Agents:	3.959 đại lý cá nhân và 39 đại lý tổ chức

PG INSURANCE
ISO 9001 : 2008

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

Ông Đinh Thái Hương
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Petrolimex Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PJICO
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 21-22 Tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3776 0867	**Fax:** (024) 3776 0868
Email: pjico@pjico.com.vn	**Website:** www.pjico.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 67/GP/KDBH ngày 26/10/2011
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ The main member ≥10% of Charter Capital:	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Samsung Fire & Marine Insurance Co., Ltd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 59 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/ Number of Employees:	1.590
Số lượng đại lý/ Number of Agents:	1.600 đại lý cá nhân và 140 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

Ông Nguyễn Thành Long
Chủ tịch HĐQT/ Chairman

Ông Phan Quốc Dũng
Tổng giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Long Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo Long
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 185 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3823 9219	**Fax:** (028) 3822 8967
	Website: www.baolonginsurance.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 71/GP/KDBH ngày 15/4/2014
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ The main member ≥10% of Charter Capital:	SCB, Eximbank
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 46 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	989
Số lượng đại lý/Number of Agents:	806 đại lý cá nhân và 79 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM PVI

Ông Phạm Anh Đức
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Trương Quốc Lâm
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	PVI Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm PVI/PVI Insurance
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà PVI Tower, số 01 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3733 5588	**Fax:** (024) 3733 6284
Email: baohiempvi@pvi.com.vn	**Website:**www.baohiempvi.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 63/GP/KDBH ngày 28/6/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 38 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	2.393
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.273 đại lý cá nhân và 88 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM BẢO VIỆT TOKIO MARINE

Ông Hideaki Maeomote
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Viet Tokio Marine Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BVTM
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 601, Tầng 6, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (024)3 933 0704	**Fax:** (024)3 933 0706
Email: info@baoviettokiomarine.com	**Website:** baoviettokiomarine.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 65/GP/KDBH ngày 01/7/2013
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Tập đoàn Bảo Việt; Công ty Tokio Marine Asia Pte. Ltd.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 02 văn phòng đại diện
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	123
Số lượng đại lý/Number of Agents:	02 đại lý cá nhân và 21 đại lý tổ chức

CÔNG TY BẢO HIỂM LIÊN HIỆP

Bà Trần Thị Thanh Hương
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman

Ông Zen Sadakuni
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	United Insurance Company of Vietnam
Tên viết tắt/Abbreviated name:	UIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 9, Tòa nhà Hà Nội Tung Shing Square, số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024)3 826 2686	**Fax:** (024) 3934 1753
Email: hn@uicvn.com	**Website:** www.uicvn.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 09/GP/KDBH ngày 29/04/2010
Thành viên góp vốn/Capital Contributors:	Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh; Công ty Bảo hiểm Sompo Japan Nippon Koa; Công ty TNHH Bảo hiểm KB (KB Insurance Co., Ltd)
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 02 chi nhánh.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	152
Số lượng đại lý/Number of Agents:	31 đại lý cá nhân và 34 đại lý tổ chức

Người bạn đích thực

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Ông Nguyễn Minh Đức
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Bùi Xuân Thu
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Post - Telecommunication Joint Stock Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PTI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 37724466	**Fax:** (024) 3772 4460
	Website: www.pti.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 41A/GP/KDBH ngày 01/02/2007
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Công ty Bảo hiểm Dongbu Hàn Quốc, Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 văn phòng, 45 công ty thành viên và 02 văn phòng đại diện
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	2.057
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.512 đại lý cá nhân và 152 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM TỔNG HỢP GROUPAMA VIỆT NAM

Ông Yu Yi Fang
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Bà Phạm Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Groupama Vietnam General Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Groupama Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà Royal Centre, Tháp Royal B, Lầu 5, 235 Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028)38 30 68 30	**Fax:** (028) 38 3068 32
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 18/GP/KDBH ngày 06/7/2001
Số lượng cán bộ/ Number of Employees:	12
Số lượng đại lý/Number of Agents:	01 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Bà Nguyễn Hồng Vân
Chủ tịch HĐTV/Chairwoman

Ông Lê Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietinbank Insurance Joint Stock Corpration
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VBI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10, 11 Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3942 5650	**Fax:** (024) 3942 5646
Website: www.vbi.vietinbank.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 21/GP/KDBH ngày 12/12/2002
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Subsidiary system:	01 trụ sở chính và 22 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	550
Số lượng đại lý/Number of Agents:	411 đại lý cá nhân và 159 đại lý tổ chức

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BẢO HIỂM SAMSUNG VINA

Ông Kim Byeong Jun
Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng giám đốc/
Chairman and General Director

Tên Công ty/Full name:	Samsung Vina Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Samsung Vina Insurance Co., Ltd
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 45, Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3823 7812	**Fax:** (028) 3823 7811
Website: www.svi.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 70/GP/KDBH ngày 17/01/2014
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Công ty Bảo hiểm Cháy và Hàng hải Samsung; Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	75

VASS ASSURANCE CORPORATION
Today Not Tomorrow

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM VIỄN ĐÔNG

Bà Đỗ Thị Minh Đức
Chủ tịch HĐQT/Chairwoman

Ông Đặng Diệp Đại Khoa
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vien Dong Joint Stock Assurance Company Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm Viễn Đông/VASS
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 19 Phùng Khắc Khoan, phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 6288 3030	**Fax:** (028) 3822 7619
Website: www.vass.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 23GP/KDBH cấp ngày 07/11/2003
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Công ty Cổ phần Thủ Phủ Tre
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 25 chi nhánh, 1 sở giao dịch
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	375
Số lượng đại lý/Number of Agents:	547 đại lý cá nhân và 29 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Ông Ramaswamy Athappan
Phó Chủ tịch phụ trách HĐQT/Vice Chairman

Ông Trần Hoài An
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	BIDV Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 16, Tháp A Tòa nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 2220 0282	**Fax:** (024) 2220 0281
Email: bic@bidv.com.vn	**Website:** www.bic.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 11/GP/KDBH ngày 10/4/2006
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Công ty FairFax Asia Limited
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 26 công ty thành viên tại Việt Nam, 01 công ty liên doanh tại Lào, 01 công ty liên doanh tại Campuchia
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.046
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.279 đại lý cá nhân và 26 đại lý tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM AAA

Ông Ian Samuel Lydall
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Stephen Charles Beatty
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	AAA Assurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	AAA
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 117-119 Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3622 0000	**Fax:** (028) 3822 8488
Email: contact@aaa.com.vn	**Website:** www.aaa.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 30/GP/KDBH cấp ngày 28/02/2005
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	IAG International Pty Limited
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 văn phòng trụ sở chính và 30 chi nhánh và 01 sở giao dịch
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	401
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.266 đại lý cá nhân và 21 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM AIG VIỆT NAM

Ông Wendell Dave Dowrich
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thanh
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	AIG Vietnam Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	AIG Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 5, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3936 1455	**Fax:** (024) 3936 1456
Website: www.aig.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 35/GP/KDBH ngày 14/12/2005
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	AIG Asia Pacific Insurance PTE., Ltd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	56
Số lượng đại lý/Number of Agents:	148 đại lý cá nhân và 239 đại lý tổ chức

CÔNG TY BẢO HIỂM QBE (VIỆT NAM)

Ông John Lilburne Hunt
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Anthony Cloney
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	QBE Insurance (Vietnam) Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	QBE Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 1302A, Lầu 13, Tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 6287 5544	**Fax:** (028) 3824 5054
Email: info.viet@qbe.com	**Website:** www.qbe.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 51/GP/KDBH ngày 10/3/2008
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	QBE Insurance (International) Limited
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 văn phòng trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	40
Số lượng đại lý/Number of Agents:	03 đại lý cá nhân và 12 đại lý tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Ông Đinh Việt Đông
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Bà Hoàng Thị Tính
Tổng giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Agriculture Bank Insurance Joint-Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm Agribank/ABIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 6 Tòa nhà 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, phườngTrung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6299.0055	**Fax: (**024) 6258.0055
Email: baohiemagribank@abic.com.vn	**Website:** abic.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 38/GP/KDBH ngày 18/10/2006
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 10 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	649
Số lượng đại lý/Number of Agents:	227 đại lý cá nhân và 166 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU

Ông Hồ Nam Thắng
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Phan Hoàng Chung Thủy
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Global Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	GIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 16, Tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39293 555	**Fax:** (028) 39293 666
Email: toancau@gic.com.vn	**Website:** www.gic.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 37/GP/KDBH ngày 19/6/2006
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Tập đoàn Ergo Internation AG
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 19 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	466
Số lượng đại lý/Number of Agents:	251 đại lý cá nhân và 18 đại lý tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PHÚ HƯNG

Ông Ho, Feng - Tao
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Lu, Chao-Chuan
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Phu Hung Assurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PAC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 4, CR3-04A, 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 5413 5966/0899.888.018	**Fax:** (028) 5413 5965
Email: info@pacvn.vn	**Website:** www.pacvn.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 41/GP/KDBH ngày 12/12/2006
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	100
Số lượng đại lý/Number of Agents:	11 đại lý cá nhân và 3 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM LIBERTY

Ông Martin Bridger
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Tên Công ty/Full name:	Liberty Insurance Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Liberty
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 18, Tòa nhà Vincom, số 45A Lý Tự Trọng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 38 125 125	**Fax:** (028) 38.125.018
	Website: www.LibertyInsurance.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 40GP/KDBH ngày 15/11/2006
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 02 chi nhánh và 02 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	295
Số lượng đại lý/Number of Agents:	993 đại lý cá nhân và 451 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHUBB VIỆT NAM

Ông Olivier Bouchard
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Đặng Hoàng Tùng
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Chubb Insurance Vietnam Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Chubb Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 8, số 9 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3910 7227	**Fax:** (028) 3910 7228
Email: Inquiries.VN@chubb.com	**Website:** www.chubb.com/vn-vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 39/GP/KDBH ngày 30/10/2006
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Chubb INA International Holdings Ltd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	36
Số lượng đại lý/Number of Agents:	01 đại lý cá nhân và 98 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Ông Uông Đông Hưng

Chủ tịch HĐQT/ Chairman

Tên Công ty/Full name:	Military Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	MIC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229, phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6285 3388	**Fax:** (024) 6285 3366
Email: info@mic.vn	**Website:**www.mic.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 43/GP/KDBH ngày 08/10/2007
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ngân hàng TMCP Quân đội
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 63 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.465
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.543 đại lý cá nhân và 17 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Bà Lê Thị Hà Thanh
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Trần Trọng Dũng
Tổng giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietnam National Aviation Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VNI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 62765555	**Fax:** (024) 62765556
Email:contact@bhhk.com.vn	**Website:** http://www.vna-insurance.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 49/GP/KDBH ngày 23/4/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 2 sở giao dịch và 31 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	905
Số lượng đại lý/Number of Agents:	285 đại lý cá nhân và 34 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SÀI GÒN - HÀ NỘI

Ông Đỗ Quang Hiển
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Lưu Thanh Tâm
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	Sai Gon - Ha Noi Insurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BSH
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 5, Tòa nhà Hồng Hà Center, 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.3793 1111	**Fax:** 024.3793 1155
Email: info@bshc.com.vn	**Website:** www.bshc.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 56/GP/KDBH ngày 10/12/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 37 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.070
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.306 đại lý cá nhân và 12 đại lý tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG

Bà Phương Thanh Nhung
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Phạm Xuân Thông
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Hung Vuong Assurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BHV
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 7, Tòa nhà HD Tower, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39151832	**Fax:** (028) 39151831
Website: www.bhv.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 50/GP/KDBH ngày 19/5/2008
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP, Ngân hàng TMCP Việt Á, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam; Ngân hàng TM TNHH - MTV Xây dựng Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 07 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	151
Số lượng đại lý/Number of Agents:	35 đại lý cá nhân và 28 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ MSIG VIỆT NAM

Ông Hideyuki Tanaka
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Yujiro Sobajima
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	MSIG Insurance (Vietnam) Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	MSIG Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10, Toà nhà CornerStone, số 16 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 39369188/ 39369200	**Fax:** (024) 39369187
Email: service@vn.msig-asia.com	**Website**: http://www.msig.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 54/GP/KDBH ngày 18/9/2008
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Công ty TNHH Bảo hiểm Mitsui Sumitomo
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 03 văn phòng đại diện
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	166
Số lượng đại lý/Number of Agents:	43 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM FUBON (VIỆT NAM)

Ông Chen, Po-Yao (Ben Chen)
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Chen, Cheng-Chiu (Joe Chen)
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietnam Fubon Insurance Co., Ltd
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Fubon
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 15, tòa nhà Ree Tower, số 9 Đoàn Văn Bơ, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3943 5678	**Fax:** (028) 3943 5363
Website: www.fubonins.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 52/GP/KDBH ngày 01/7/2008
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Công ty TNHH Bảo Hiểm Fubon (Đài Loan)
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	106
Số lượng đại lý/Number of Agents:	189 đại lý cá nhân và 05 đại lý tổ chức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM XUÂN THÀNH

Ông Nguyễn Văn Thùy
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Đoàn Nguyên Ngọc
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	XuanThanh Insurance Joint Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	XTI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 5-7, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (024) 393.9988	
Website: www.xti.com.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 57/GP/KDBH ngày 21/12/2009
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Công ty TNHH đầu tư và phát triển Xuân Thái; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 23 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	349
Số lượng đại lý/Number of Agents:	420 đại lý cá nhân và 02 đại lý tổ chức

Bảo hiểm Cathay
Cathay Insurance

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ CATHAY VIỆT NAM

Ông Hu, Yi - Min
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Lin, Yu Tang
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Cathay Insurance (Vietnam) Co.,Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Cathay Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Lầu 6, số 46-48-50 Phạm Hồng Thái, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 62888385	**Fax:** (028) 62909838
Website: http://www.cathay-ins.com.vn	**Email:** service@cathay-ins.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 58/GP/KDBH ngày 28/10/2010
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Tập đoàn Tài chính Cathay; Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ Cathay
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	105
Số lượng đại lý/Number of Agents:	5.774 đại lý cá nhân

CHI NHÁNH CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO LÃNH SEOUL TẠI HÀ NỘI

Ông Jeong Beom Soon
Giám đốc/Director

Tên Công ty/Full name:	Seoul Guarantee Insurance Company - Hanoi Branch Office
Tên viết tắt/Abbreviated name:	SGI Hà Nội
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 901, tầng 9, tòa Đông, Lotte Center Hà Nội, 54 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3946 0322	**Fax:** (024) 3946 0324
Email: nluyensgi@gmail.com	**Website:** www.sgic.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 73/GP/KDBH ngày 26/8/2014
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	08

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM OPES

Ông Nguyễn Văn Hảo
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Mai Anh Vũ
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	OPES Insurance company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Bảo hiểm OPES/ OPES Insurance
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 6, số 5 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 896 55 88 55	**Fax:** (024) 3686 2828
Website: https://opes.com.vn/	**Email:** info@opes.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 79/GP/KDBH ngày 20/3/2018
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	48

CÁC DOANH NGHIỆP TÁI BẢO HIỂM
REINSURANCE

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Ông Lê Song Lai
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietnam National Reinsurance Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VINARE
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 7, 141 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 39422354	**Fax:** (024) 39422351
Email: vinare@vinare.com.vn	**Website:** vinare.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 28GP/KDBH ngày 15/11/2004
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	SCIC, SwissRe
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	6

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Ông Nguyễn Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT/ Chairman

Ông Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	PVI Reinsurance Joint Stock Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PVIRe
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024.3734 2828	**Fax:** 024.3734 2626
Email: contact@pvire.com.vn	**Website:** http://www.pvire.com.vn/
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 86GP/KDBH ngày 01/10/2013
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Công ty cổ phần PVI
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	39

CÁC DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM NHÂN THỌ
LIFE INSURANCE

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Bà Thân Hiền Anh
Chủ tịch HĐTV/Chairperson

Ông Phạm Ngọc Sơn
Tổng giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Bao Viet Life Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BVL
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 6251 7777	**Fax:** (024) 3577 0958
Email: baovietnhantho@baoviet.com.vn	**Website:** www.baovietnhantho.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 46/GP/KDBH ngày 23/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 76 công ty thành viên
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	2.050
Số lượng đại lý/Number of Agents:	219.840

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PRUDENTIAL VIỆT NAM

Bà Lilian Lup-Yin NG
Chủ tịch HĐTV/Chairperson

Ông Clive Darren Baker
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Prudential Vietnam Assurance Private Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Prudential
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 25 - Trung tâm thương mại Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 39 101 660	**Website:** www.prudential.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 15/GP/KDBH ngày 8/9/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 12 chi nhánh, 09 văn phòng đại diện, 358 phòng giao dịch/địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.413
Số lượng đại lý/Number of Agents:	194.214

CÔNG TY TNHH MANULIFE (VIỆT NAM)

Ông David Gareth Thomas
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Kimberly Wade Fleming
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Manulife Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	75 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại/Tel: (028) 5416 6888	**Fax:** (028) 5416 1818
Email: khachhang@manulife.com	**Website:** http://www.manulife.com.vn/
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 13/GP/KDBH ngày 24/01/2005
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 16 chi nhánh, 7 văn phòng đại diện, 49 văn phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh, 01 công ty con.
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	784
Số lượng đại lý/Number of Agents:	32.716 đại lý cá nhân, 06 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA (VIỆT NAM)

Ông Qiang Cai
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Wayne David Besant
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	AIA (Vietnam) Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	AIA
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà Saigon Centre Tháp 2, 67 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3830 3333	**Fax:** (028) 6288 6969 **Website:** www.aia.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 16/GP/KDBH ngày 14/7/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh, 11 văn phòng đại diện và 07 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	956
Số lượng đại lý cá nhân/Number of individual Agents:	38.478 đại lý cá nhân.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM

Ông Lâm Hải Tuấn
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/
Chairman & General Director

Tên Công ty/full name:	Chubb Life Insurance Vietnam Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Chubb Life Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 38278989	**Fax:** (028) 38219000
Email: inquiries.VNLife@chubb.com	**Website:** http://life.chubb.com/vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 33/GP/KDBH ngày 04/5/2005
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 28 chi nhánh, 53 phòng giao dịch (địa điểm kinh doanh)
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	394
Số lượng đại lý/Number of Agents:	29.924 đại lý cá nhân và 05 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MIRAE ASSET PRÉVOIR

Ông Khamsaya Soukhavong
Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc/
Chairman & General Director

Tên Công ty/Full name:	MIRAE ASSET PRÉVOIR LIFE INSURANCE LIMITED COMPANY
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Map Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 18, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 2220 1050	**Fax:** (024) 3823 7349
	Website: **map-life.com.vn**
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 31/GP/KDBH ngày 17/3/2005
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 10 văn phòng kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	115
Số lượng đại lý/Number of Agents:	8 đại lý tổ chức (2.090 cá nhân thuộc đại lý tổ chức)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Ông Takashi Fujii
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Trần Đình Quân
Tổng Giám đốc/ General Director

Tên Công ty/Full name:	Dai-ichi Life Insurance Company of Viet Nam, Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Dai-ichi Life Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3810 0888	**Fax:** (028) 39 97 3000
Email: info@dai-ichi-life.com.vn	**Website:** www.dai-ichi-life.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 2134/GP ngày 12/10/1999
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 280 văn phòng và tổng đại lý
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	1.300
Số lượng đại lý/Number of Agents:	92.000

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CATHAY VIỆT NAM

Ông Lin Jin Shu
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Lee Hsun Yu
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Cathay Life Insurance Vietnam Co., Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Cathay Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	46-48-50 Phạm Hồng Thái, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: 028-62556699	**Fax:** 028-62556989
	Website: cathaylife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 44/GP/KDBH ngày 21/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 06 chi nhánh và 24 phòng giao dịch và địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	468
Số lượng đại lý/Number of Agents:	5.892

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ FWD VIỆT NAM

Ông David Tai Wai Wong
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Huỳnh Hữu Khang
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name	FWD Vietnam Life Insurance Company Limited.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	FWD Vietnam
Trụ sở chính/Adress of Head Office:	Tầng 11, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 6256 3688	**Fax:** (028) 6256 3677
Email: CustomeConnect.vn@fwd.vn	**Website:**www.fwd.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 47/GP/KDBH ngày 23/11/2007
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh, 01 văn phòng đại diện và 01 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	248
Số lượng đại lý/Number of Agents:	4.823

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HANWHA LIFE VIỆT NAM

Ông Back Jong Kook

Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc/
Chairman & General Director

Tên Công ty/Full name:	Hanwha Life Insurance Company Limited (Viet Nam)
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Hanwha Life Viet Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 14, số 81-85 Hàm Nghi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 39149100	**Fax:** (028) 39149101
	Website: www.hanwhalife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 51/GP/KDBH ngày 12/6/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh và 13 văn phòng kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	316
Số lượng đại lý/Number of Agen	38.143

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ VIETCOMBANK-CARDIF

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến
Chủ tịch HĐTV/Chairperson

Bà Yong Lai Yin
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Vietcombank-Cardif Life Insurance Co, Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	VCLI
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Phòng 1101, tầng 11, Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3936 8507	**Fax:** (024) 3936 7375
	Website: www.vcli.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 55/GP/KDBH ngày 23/10/2008
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 văn phòng
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	254
Số lượng đại lý/Number of Agents:	4 đại lý tổ chức (5.183 cá nhân thuộc đại lý tổ chức)

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ FUBON VIỆT NAM

Ông Chen, Chun – Pan
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Chiang, Ming - Yen
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Fubon Life Insurance (Viet Nam) Co., Ltd.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Fubon Life Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 22, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại/Tel: (024) 62827888	**Fax:** (024) 62827878
	Website: http://www.fubonlife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 60/GP/KDBH ngày 15/12/2010
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	100
Số lượng đại lý/Number of Agents:	1.442

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ GENERALI VIỆT NAM

Bà Jennifer Susan Sparks
Chủ tịch HĐTV/Chairperson

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Generali Vietnam Life Insurance Limited Liability Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Generali Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 17, Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 6288 6888	**Fax:** (028) 6291 6308
Email: info@generali-life.com.vn	**Website:** www.generali-life.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 61/GP/KDBH ngày 20/4/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 03 chi nhánh và 04 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	407
Số lượng đại lý/Number of Agents:	27.603

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AVIVA VIỆT NAM

Ông Christopher Brian Wei
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Paul George Nguyễn
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Aviva Vietnam Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Aviva Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 13, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3771.5577	**Fax:** (024) 3724.6446
Email: wecare@aviva.com.vn	**Website:** https://www.aviva.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 64/GP/KDBH ngày 29/07/2011
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 03 địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	227
Số lượng đại lý/Number of Agents:	2.695 đại lý cá nhân và 01 đại lý tổ chức

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUN LIFE VIỆT NAM

Ông Shiney Prasad
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Lary Madge
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	Sun Life Vietnam Insurance Company Limited.
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Sun Life Vietnam
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank, số 05 Công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 62985888	**Fax:** (028) 62985999
Email: Dichvu.Khachhang@sunlife.com	**Website:** http://www.Sunlife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 68/GP/KDBH ngày 24/01/2013
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 02 chi nhánh và 27 trung tâm dịch vụ khách hàng/phòng giao dịch/địa điểm kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	320
Số lượng đại lý/Number of Agents:	7.320

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NHÂN THỌ PHÚ HƯNG

Ông Kwang Hung Ting
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Graeme Russell Hannah
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	Phu Hung Life Insurance Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PHL
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 5, CR3-05 A, 109 Tôn Dật Tiên, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 5413 7199	**Fax:** (028) 5413 6995
Email: info@phuhunglife.com	**Website:** www.phuhunglife.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 69/GP/KDBH ngày 30/08/2013
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 chi nhánh và 21 văn phòng kinh doanh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	230
Số lượng đại lý/Number of Agents:	8.665

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ BIDV- METLIFE

Ông Lê Trung Thành
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Gaurav Sharma
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	BIDV Metlife Life Insurance Limited Liability Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	BIDV Metlife
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 10 Tháp A, Tòa nhà Vincom City Towers, số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 6282 0808	**Fax:** (024) 6299 0808
Email: wecare@bidvmetlife.com.vn	**Website:** www.bidvmetlife.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 72/GP/KDBH ngày 21/7/2014
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	120
Số lượng đại lý/Number of Agents:	3.938

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS

Bà Nguyễn Thị Thủy
Chủ tịch HĐTV/Chairperson

Ông Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc/General Director

Tên công ty/Full name:	MB Ageas Life Insurance Company Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	MB Ageas Life
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa. Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 2229.8888	**Fax:** (024) 6269 8080
Email: dvkh@mbageas.life	**Website:** mbageas.life
Giấy phép thành lập và hoạt động/ License of Establishment and Operation:	Số 74/GP/KDBH ngày 21/7/2016
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính, 01 văn phòng giao dịch, 01 văn phòng đại lý
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	179
Số lượng đại lý/Number of Agents:	804

CÁC DOANH NGHIỆP MÔI GIỚI BẢO HIỂM
INSURANCE BROKER COMPANIES

CÔNG TY TNHH AON VIỆT NAM

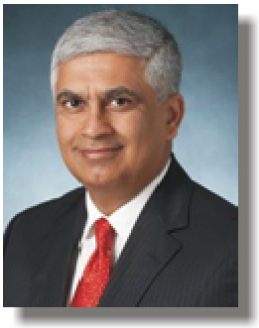

Ông/Mr. Sandeep Malik
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Bà Nguyễn Hoàng Quyên
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Aon Vietnam Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Aon Việt Nam
Trụ sở chính/Address of Head Office :	Phòng 1201, Tầng 12, Toà nhà Văn phòng Trung tâm Hà Nội, 44B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel: +84 24 3826 0832	**Fax:** (024) 3824 3983/ 3936 5341
Email:	**Website:** www.aon.com/vietnam/en/
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 26/GP/KDBH ngày 29/3/2004
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	122

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM VIỆT QUỐC

Bà Chu Thị Phương Dung
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chairman and General Director

Bà Phạm Thị Bích Huệ
Phó Tổng giám đốc
Vice General Director

Tên Công ty/Full name:	Viet Quoc Insurance Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	V.Q.I. Co.
Trụ sở chính/Address of Head Office:	262 Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 39284828	**Fax:** (024) 39284822
Email: vietquoc@vietquocibc.com.vn	**Website:** vietquocibc.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 19/GP/KDBH ngày 06/12/2001
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Chu Thị Phương Dung, Trần Thị Hải Yến, Chu Quân
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	13

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM Á ĐÔNG

Ông Nguyễn Hữu Chương
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Nguyễn Bá Hanh
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	A Dong Joint Stock Insurance Brokers Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	ADONG JIBC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	36 Nghi Tàm, quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (04)62800662	**Fax:** (04)62800663
Email: info@adongbroker.com	**Website:** adongbroker.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 25/GP/KDBH ngày 10/11/2003
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Nguyễn Hữu Chương
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	12

CÔNG TY TNHH MGBH GRAS SAVOYE WILLIS VIỆT NAM

Ông Scott James Burnett
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Philippe Robineau
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Gras Savoye Willis Vietnam
Tên viết tắt/Abbreviated name:	GSW
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Trung tâm Thương mại Sài gòn, tầng 7, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3910 0976	**Fax:** (028) 3910 0974
Email: WTW-VN.Communication@willistowerswatson.com	**Website:** www.willistowerswatson.com/en-VN
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 22/GPKD/BH ngày 21/5/2003
Thành viên góp vốn/ Capital Contributors:	Gras Savoye S.A.Sgóp 80% vốn, Openasia Development Limited góp 20% vốn
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Employee:	98

CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM MARSH VIỆT NAM

Ông Alan Cheah
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Leslie John Mouat
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Marsh Vietnam Insurance Broking Company LTD
Tên viết tắt/Abbreviated name:	Marsh Việt Nam/ Marsh Vietnam Ltd
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Tầng 32, số 9-11 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại//Tel: (028) 6288 2399	**Fax:** (028) 6288 2379
Email: leslie.mouat@marsh.com	**Website:** www.vietnam.marsh.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 29/GP/KDBH ngày 22/12/2004
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	77

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM THÁI BÌNH DƯƠNG

Bà Nguyễn Thị Lượt
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
President of board and General Director

Tên Công ty/Full name:	Pacific Insurance Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	PIB
Trụ sở chính/Address of Head Office:	67/05 (Lô O) Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 35172988	**Fax:** (028) 35170201
Email: thaibinhduongco@vnn.vn	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 34/GP/KDBH ngày 14/12/2005
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Nguyễn Thị Lượt, Mai Hữu Hồng, Lưu Văn Dương, Chu Thị Lan, Mai Hữu Hà.
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	02

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM CIMEICO

Ông Nguyễn Đức Lợi
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Nguyễn Hữu Du
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Cimeco Insurance Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	CIMEICO
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 59A Bờ Sông, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 3767 5603	**Fax:** (024) 3767 5604
Email: cimeicovn@gmail.com	**Website:** http://www.cimeico.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 36/GP/KDBH ngày 04/4/2006
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ông Nguyễn Đức Lợi, Ông Nguyễn Hữu Du, Bà Đỗ Thị Minh Đức
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 Trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	14

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM SAO VIỆT

Ông Lê Thanh Mân
Chủ tịch HĐQT/Chairman

Ông Hồ Xuân Nghĩa
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Sao Viet Broker Joint Stock Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	SBC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 234 Nguyễn Trãi, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại/ Tel: 0277.6291668	**Fax:** 0277.3876562
Email: mgbh_SaoViet@yahoo.com.vn	**Website:** mgbhsaoviet.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 53/GP/KDBH ngày 18/06/2008
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital::	Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Đồng Tháp
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	19

CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM JARDINE LLOYD THOMPSON

Ông Thomas O'Dore

Chủ tịch HĐT kiêm Tổng giám đốc

Board Chairman& General Director

Tên Công ty/Full name:	Jardine Lloyd Thompson Limited
Tên viết tắt/Abbreviated name:	JLT
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Lầu 5, Số 6 Lê Thánh Tôn, Quận 1, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel: (028) 3822 2340	**Fax:** (028) 3829 9714
Website: www.jltasia.com	
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 48/GP/KDBH ngày 14/02/2008
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital::	Công ty Jardine Lloyd Thompson Pte.Ltd
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 01 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	42

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM NAM Á

Ông Phạm Văn Trọng
Chủ tịch HĐQT/Board Chairman

Ông Nguyễn Đức Thỏa
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Nam A Joint Stock Insurance Broker Company
Tên viết tắt/Abbreviated name:	NAMA JIBC
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số B48 Ngõ 113, phố Nguyễn Thị Định, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (024) 62764676	**Fax:** (024) 62764657
Email: thoand@namabroker.com	**Website:** www.namabroker.com.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 59/GP/KDBH ngày 08/10/2010
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ông Phạm Văn Trọng, Ông Nguyễn Đức Thỏa, Công ty TNHH Anh Cường, Ông Đặng Hữu Lập
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	15

CÔNG TY TNHH MÔI GIỚI BẢO HIỂM TOYOTA TSUSHO (VIỆT NAM)

Ông Kawakubo Hiroyuki
Chủ tịch HĐTV/Chairman

Ông Yoshikazu Tai
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Toyota-Tsusho Insurance Broker (Vietnam) Corporation
Tên viết tắt/Abbreviated name:	TTIBV
Trụ sở chính/Address of Head Office: **Email:** masuda@ttib.com.vn	Tầng 10, Tòa nhà Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel: 024 36320 003	**Fax:** 024 3632 0004
Giấy phép thành lập và hoạt động/The License of Establishment and Operation:	Số 62/GP/KDBH ngày 26/7/2011
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Toyota Tsusho Insurance Management Corporation, Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính và 1 chi nhánh
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	19

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM GINET VIỆT NAM

Ông Ngô Thanh Nam
Chủ tịch HĐQT/Chaiman

Ông Tạ Chiến
Tổng Giám đốc/General Director

Tên Công ty/Full name:	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm GINET Việt Nam
Tên viết tắt/Abbreviated name:	GINET INSURANCE BROKER
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Trụ sở chính: Phòng 3A, tầng 11, tòa nhà HAREC, số 4A Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel: (+84 24) 7108 8668	**Fax:** (+84 4) 3772 8183
Email: contact@ginetbroker.com	**Website:** ginetbroker.com
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 77/GP/KDBH ngày 09/10/2017
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Ngô Thanh Nam; Tạ Chiến; Mai Thị Thanh Hằng; Bùi Thị Anh Đào
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính
Số lượng cán bộ/Number of Employees:	20

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM SABRINA

Bà Lê Hoàng Lan
Chủ tịch HĐQT/Chaiman

Bà Nguyễn Thị Xuân Nhạn
Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman

Tên Công ty/Full name:	Công ty cổ phần môi giới bảo hiểm Sabrina
Tên viết tắt/Abbreviated name:	SABRINA - INSURANCE BROCKER
Trụ sở chính/Address of Head Office:	Số 76A, Nguyễn Văn Thủ, phường Đa kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Email: info@sabrina.vn	**Website:** www.sabrina.vn
Giấy phép thành lập và hoạt động/ The License of Establishment and Operation:	Số 75/GP/KDBH ngày 17/11/2016
Các cổ đông chính chiếm ≥10% vốn điều lệ/ Shareholder own ≥10% of Charter Capital:	Nguyễn Thị Xuân Nhạn, Nguyễn Ngọc Thuý, Lê Văn Hiệp
Văn phòng trụ sở chính và hệ thống các đơn vị thành viên/ Head office and Branches:	01 trụ sở chính

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
REPRESENTATIVE OFFICE

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY KB INSURANCE CO., LTD. TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Kim Jung Sik

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	KB Insurance Representative Office Co., Ltd in Ha Noi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 801, Tòa nhà Tung Shing Square, số 2 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 39350814/5
Fax:	(024) 39350813
Email:	lginshanoi@hn.vnn.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 01 người; người nước ngoài: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	KB Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1959
Địa chỉ/Address:	Tòa nhà KB Insurance, 117, Taeheran-ro, Gangnam-gu, Seoul 06134, Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ

VPĐD CÔNG TY KB INSURANCE CO., LTD TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Kim Jung Sik

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	KB Insurance Representative Office Co., Ltd in Ho Chi Minh City
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 15/3, Tầng 16, Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại/Tel:	(028) 38219968 / 9
Fax:	(028) 38219967
Email:	vmthi83@vnn.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 01 người; người nước ngoài: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	KB Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1959
Địa chỉ/Address:	Tòa nhà KB Insurance, 117, Taeheran-ro, Gangnam-gu, Seoul 06134, Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ

VPĐD THƯỜNG TRÚ CÔNG TY HYUNDAI MARINE & FIRE INSURANCE CO., LTD TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Hong Sang Hyuk

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd Representative Office in Ho Chi Minh
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 4, PDD Tower, 162 Pasteur, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 38278214
Fax:	(028) 38278212
Email:	hyundaimfi@hikorea.com.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	02 người (người nước ngoài: 01 người, người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1955
Địa chỉ/Address:	163 Sejongdaero, Jongno-gu, Seoul-Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm - Tái bảo hiểm

VPĐD THƯỜNG TRÚ CÔNG TY HYUNDAI MARINE & FIRE INSURANCE CO., LTD TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Hong Sang Hyuk

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd Representative Office in Ha Noi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P. 2607, tầng 26, Yòa nhà Lotte Center, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 710 67899
Fax:	(024) 710 67895
Email:	hyundaimfi@hn.vnn.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	03 người (người nước ngoài: 01 người, người Việt Nam: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Hyundai Marine & Fire Insurance Co., Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1955
Địa chỉ/Address:	163 Sejongdaero, Jongno-gu, Seoul-Korea
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm - Tái bảo hiểm

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI HÀN QUỐC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Choi Kwang Sik

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/ Name of Representative Office:	Korea Trade Insurance Corporation Representative Office in Ho Chi Minh City
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P.1207, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3824-6844/5
Fax:	(028) 3824-6846
Website:	www.ksure.or.kr
Email:	cks0190@ksure.or.kr
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	04 người (người Việt Nam: 02 người, người nước ngoài: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Korea Trade Insurance Corporation
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1992
Địa chỉ/Address:	Korea Trade Insurance Corporation Seoul city, Jong-ro gu, Jong-ro 14 (Seorin dong)
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm thương mại

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY SOMPO JAPAN NIPPONKOA INSURANCE INC. TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Zen Sadakuni

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc., Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 902, Tầng 9, Tung Shing Square, 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3934.0980
Fax:	(024) 3934.0981
Email:	phuong@sjnk-vn.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	04 người (người nước ngoài: 03 người, người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc.
Quốc tịch/Nationality:	Nhật Bản
Năm thành lập/ Established year:	1888
Địa chỉ/Address:	26-1, Nishi- Shinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY SOMPO JAPAN NIPPONKOA INSURANCE INC. TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Yoshiyuki Mizuno

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc. Ho Chi Minh City Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 15/2, Lầu 16 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(08) 38224844/42
Fax:	(08) 38219037
Email:	mizuno@uicvn.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	03 người (Quốc tịch Nhật Bản: 02 người, Quốc tịch Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Sompo Japan Nipponkoa Insurance Inc.
Quốc tịch/Nationality:	Nhật Bản
Năm thành lập/ Established year:	1888
Địa chỉ/Address:	26-1, Nishi-Shinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY ALLIANZ SE

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Alan David Smee

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Allianz SE Resident Representative Office Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 6, 59A Lý Thái Tổ, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	84.4.39367809 / 0913201519
Fax:	84.4.39368069
Email:	thimailan.nguyen@commerzbank.com; lannguyen683@gmail.com
Website:	www.allianz.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Allianz SE
Quốc tịch/Nationality:	Đức
Năm thành lập/ Established year:	1890
Địa chỉ/Address:	Königinstraße 28, 80802 München, Germany
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm và quản lí tài sản

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM CHEVALIER TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/Information of representative office in Vietnam:

Ông Phạm Hữu Chung

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	The Representative office of Chevalier Insurance Company Limited in Hochiminh City
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tòa nhà Đô Trần, tầng 7 số 02A đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa-Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3823 5920 - 3823 7946
Fax:	(028) 3823 7947
Email:	chevalier.vnoff@chevalier.com.vn
Website:	www.chevalier.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Chevalier Insurance Company Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Hong Kong
Năm thành lập/ Established year:	1998
Địa chỉ/Address:	22/F., Chevalier Commercial Centre, 8 Wang Hoi Road, Kowloon Bay, Kowloon, Hong Kong
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm tổng hợp

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN AMTRUST EUROPE LIMITED TẠI VIỆT NAM

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Bà Phạm Nhật Huyền Linh

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative Office of AmTrust Europe Limited in Vietnam
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 3A, Tòa nhà Vietnam Control, 2/3A Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 39117042
Fax:	
Website:	www.amtrusteurope.com
Email:	Andrew.goddar@r8is.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	04 người Việt Nam

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	AmTrust Europe Limited
Quốc tịch/Nationality:	Anh
Năm thành lập/ Established year:	1975
Địa chỉ/Address:	Số 2 Minster Court, Mincing Lane, London EC3R 7BB, Vương quốc Anh
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm phi nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ NAN SHAN TẠI VIỆT NAM

1. Thông tin về văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Yang, Ming - Fang

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	The Representative office of Nan Shan Life Insurance Co., Ltd in Vietnam
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 305, Tòa nhà Sao Bắc, số 4 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 39427923
Fax:	(024) 39427924
Email:	Yvonne-VN.Cao@NANSHAN.com.tw
Website:	http://www.nanshanlife.com.vn/
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 02 người; người nước ngoài: 01 người).

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Nan Shan Life Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	1963
Địa chỉ/Address:	Số 168, Zhuang Jing Road, quận Xinyi, Đài Bắc, Đài Loan, Trung Hoa Dân Quốc
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA SHIN KONG LIFE INSURANCE CO., LTD TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Chu Ching Pin

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative office of Shin Kong Life Insurance Co., Ltd in Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/ Address:	Phòng 705, tầng 7, tòa nhà 3D, số 3 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 37724582
Fax:	(024) 37724583
Email:	jbchu@skl.com.tw
Website:	www.skl.com.tw
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Shin Kong Life Insurance Co., Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	1963
Địa chỉ/Address:	Số 66, đoạn 1, đường Trung Hiếu Tây, thành phố Đài Bắc, Đài Loan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH CP BẢO HIỂM NHÂN THỌ ĐÀI LOAN TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Bà Su Chi Chang

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Taiwan Life Insrance Co., Ltd - Ha Noi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 1, tầng 10, số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3.772.5041
Fax:	(024) 3.772.5048
Website:	www.twlife.com.tw
Email:	Julia.su@taiwanlife.com.tw
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 01 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Taiwan Life Insurance Co., Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	1950
Địa chỉ/Address:	Tầng 8, Số 188, Đường Kinh Mậu 2, Khu Nam Cảng 11568, Thành phố Đài Bắc, Đài Loan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY AXA SA (PHÁP) TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Bà Bùi Thị Thu Thanh
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	AXA SA (France) Representative Office in Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Số 787 Đường Trương Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3938 0355
Fax:	(024) 3938 0356
Website:	www.axa.com
Email:	thanh.bui@axavietnam.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	01 người Việt Nam

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	AXA SA
Quốc tịch/Nationality:	Pháp
Năm thành lập/ Established year:	1817
Địa chỉ/Address:	25 avenue Matignon, 75008 Paris
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Phi nhân thọ, nhân thọ và quản lý tài sản

SAMSUNG LIFE INSURANCE

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ SAMSUNG TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Lee Joon Sung

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Samsung Life Insurance - Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P1202, Tòa nhà TNR Tower, 115 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại/Tel:	(024) 3.9368855/(024) 3.9369057
Fax:	(024) 3.9369056
Email:	joonsung.lee@samsung.com/ nguyen.ngothi@partner.samsung.com; ngonguyen88@gmail.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 01 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Samsung Life Insurance
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	1957
Địa chỉ/Address:	11 Seocho-daero 74-gil, Seocho-gu, Seoul 06620, Hàn Quốc
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, tín dụng, hưu trí nhóm, kinh doanh quỹ và tín thác đầu tư

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN SHINHAN LIFE INSURANCE CORPORATION TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Park SeongYeol

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Shinhan Life Insurance Corporation - Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	P2501-02, Tòa nhà Keangnam Hanoi Landmark, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 3766 2000
Website:	www.shinhanlife.co.kr
Email:	psy21@shinhan.com; phandieuquynh@shinhan.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 01 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Shinhan Life Insurance Co., Ltd.
Quốc tịch/Nationality:	Hàn Quốc
Năm thành lập/ Established year:	04/01/1990
Địa chỉ/Address:	Shinhan L-Tower, 358 Sam-ilDearo, Jung-gu, Seoul, Hàn Quốc
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

SUMITOMO LIFE

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ SUMITOMO TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Teruo Shimmen

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Sumitomo Life Insurance Company Hanoi Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 11 tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại/Tel:	(024) 3946 0444
Fax:	(024) 3946 0445
Email:	thanh_phuong@sumitomolife.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	05 người (người Việt Nam: 03 người; người nước ngoài: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Sumitomo Life Insurance Company
Quốc tịch/Nationality:	Nhật Bản
Năm thành lập/ Established year:	1947
Địa chỉ/Address:	1-4-35, Shiromi, Chuo-ku, Osaka, Osaka prefecture, Japan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Bảo hiểm nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY ASIA CAPITAL REINSURANCE GROUP PTE LTD

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Hoàng Minh Tuấn

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Asia Capital Reinsurance Group Pte Ltd Representative Office
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 7, Toà nhà Agrex, 58 Võ Văn Tần, Phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3933 3713
Fax:	(028) 3933 3714
Website:	http://asiacapitalre.com/
Email:	minhtuan.hoang@asiacapitalre.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	02 người (người Việt Nam: 02 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm/ Information of insurance enterprise:

Tên gọi/Name:	Asia Capital Reinsurance Group Pte Ltd
Quốc tịch/Nationality:	Singapore
Năm thành lập/ Established year:	2006
Địa chỉ/Address:	6 Temasek Boulevard #08-01 Suntec Tower 4, Singapore 038986
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Tái bảo hiểm

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY MÔI GIỚI BẢO HIỂM MALAKUT TẠI HÀ NỘI

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Vũ Trọng Quân

Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative Office of CJSC Malakut Insurance Brokers in Hanoi
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Phòng 1701, Tầng 17, Tòa nhà DMC, 535 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại/Tel:	(024) 6661 6609
Fax:	(024) 3834 3272
Website:	www.malakut.com; www.malakut.vn
Email:	mail@malakut.vn; vuquan@malakut.vn
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/Information of Insurance brokerage business overseas:

Tên gọi/Name:	CJSC Malakut Insurance Brokers
Quốc tịch/Nationality:	Liên bang Nga
Năm thành lập/ Established year:	1999
Địa chỉ/Address:	Malaya Sukharevskaya Sq., 12, Moscow, 127051, RUSSIA
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Môi giới bảo hiểm và tái bảo hiểm, dịch vụ HR và giải quyết khiếu nại

AlexanderLeed

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY ALEXANDER LEED RISK SERVICES

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Chen, Chun Jen
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Alexander Leed Risk Services, Inc. (Representative office)
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Số 02, Đường số 16, Khu Him Lam, phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 62983697
Fax:	(028) 62983779
Website:	www.leed.com.tw
Email:	toni_chen@leed.com.tw
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	01 người (người Việt Nam: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/Information of Insurance brokerage business overseas:

Tên gọi/Name:	Công ty Alexander Leed Risk Services
Quốc tịch/Nationality:	Đài Loan
Năm thành lập/ Established year:	28/3/2001
Địa chỉ/Address:	Số 32, Tầng 7, Phố Bade, Đoạn 3, Thành phố Đài Bắc, Đài Loan
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Môi giới bảo hiểm phi nhân thọ và môi giới bảo hiểm nhân thọ

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY GLOBALEYE INSURANCE BROKERAGE TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1. Thông tin về Văn phòng đại diện tại Việt Nam/ Information of representative office in Vietnam:

Ông Andrew William Daniel Menzies
Trưởng văn phòng đại diện/Chief Representative

Tên VPĐD/Name of Representative Office:	Representative office of Globaleye Insurance Brokerage (L.L.C) In Ho Chi Minh city
Địa chỉ đặt trụ sở chính/Address:	Tầng 34, Bitexco Financial Tower, 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại/Tel:	(028) 3930 8771
Fax	(028) 3930 0742
Website:	www.globaleye.com
Email:	amenzies@globaleye.com
Số lượng nhân viên của VPĐD/Number of staff(s):	03 người (người Việt Nam: 02 người, người nước ngoài: 01 người)

2. Thông tin về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/Information of Insurance brokerage business overseas:

Tên gọi/Name:	Globaleye Insurance Brokerage (L.L.C)
Quốc tịch/Nationality:	Dubai, UAE
Năm thành lập/ Established year:	2000
Địa chỉ/Address:	Villa 801, Al Thanya Street, Jumeriah Beach Road, P.O.Box: 24592, Um Suqueim 3, Dubai, United Arab Emirates
Lĩnh vực hoạt động/ Scope of operation:	Môi giới bảo hiểm

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2018

THE ANNUAL REPORT OF VIETNAM INSURANCE MARKET 2018

Chịu trách nhiệm xuất bản và nội dung:
Giám đốc - Tổng biên tập
PHAN NGỌC CHÍNH

Chịu trách nhiệm biên soạn:
CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT BẢO HIỂM - BỘ TÀI CHÍNH

Biên tập và sửa bản in:
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THƯ

Trình bày bìa:
LAN HƯƠNG

In: 300 cuốn, khổ 20,5 x 29,5 tại Công ty TNHH In và Thương mại Sông Lam
Số 1 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Số ĐKKHXB 3899-2019/CXBIPH/3-79/TC:
Số QĐXB: 186/QĐ-NXBTC
Mã ISBN: 978-604-79-2219-2
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2019